

2393 - 23930: Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh;
- Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác;
- Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đạc cố định trong nhà cách điện bằng gốm;
- Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp;
- Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá;
- Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;
- Sản xuất các sản phẩm bằng gốm chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Sản xuất đá nhân tạo (ví dụ đá hoa cẩm thạch) được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);
- Sản xuất hàng hoá bằng gốm chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa);
- Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm được phân vào nhóm 23920 (Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét);
- Sản xuất các đồ vật vệ sinh bằng gốm được phân vào nhóm 23920 (Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét);
- Sản xuất đồ nữ trang giả được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan);
- Sản xuất đồ chơi bằng gốm được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);
- Sản xuất răng giả được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

2394: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất clanh ke và xi măng cứng trong nước, bao gồm xi măng pooc lăng, xi măng alumin, xi măng xỉ và xi măng supe phốt phát;
- Sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngâm trong nước;
- Sản xuất dolomit can xi;
- Sản xuất vữa từ thạch cao hoặc sun phốt can xi.

Loại trừ:

- Sản xuất hồ, bê tông chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa);

- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất các sản phẩm từ thạch cao được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông hỗn hợp khô và vữa được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất xi măng dùng cho nghề chữa răng được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

23941: Sản xuất xi măng

Nhóm này gồm: Sản xuất clanh ke và xi măng cứng trong nước, bao gồm xi măng pooc lăng, xi măng alumin, xi măng xỉ và xi măng supe phốt phát.

23942: Sản xuất vôi

Nhóm này gồm: Sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngậm trong nước.

23943: Sản xuất thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dolomit can xi;

- Sản xuất vữa từ thạch cao hoặc sun phốt can xi.

2395 - 23950: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Ngói, đá lát tường, gạch, tấm, thanh, ống...

- Sản xuất các hợp chất xây dựng đúc sẵn dùng trong xây dựng hoặc xây dựng dân dụng từ đá, xi măng hoặc đá nhân tạo;

- Sản xuất các sản phẩm vữa dùng trong xây dựng như: Dạng tấm, bảng, thanh;

- Sản xuất nguyên liệu xây dựng từ thực vật (gỗ, sợi thực vật, rom, rạ, bấc) được trộn với xi măng, vôi, vữa và các khoáng khác;

- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng amiăng hoặc xi măng sợi xenlulo hoặc vật liệu tương tự như: Các tấm gấp nhiều lần, thanh, ngói, ống, vôi, vò, bồn rửa, khung cửa sổ;

- Sản xuất các sản phẩm khác như: chậu hoa, bức phù hiệu, tượng từ bê tông, vôi, vữa, xi măng hoặc đá nhân tạo;

- Sản xuất vữa bột;
- Sản xuất bê tông trộn sẵn và bê tông khô.

Loại trừ:

- Sản xuất xi măng và vữa chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa).

2396 - 23960: Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá

Nhóm này gồm:

- Cắt, tạo dáng, hoàn thiện sản phẩm đá sử dụng trong xây dựng, trong nghĩa trang, đường xá và lợp mái;
- Sản xuất đồ gia dụng bằng đá;
- Làm mộ bia.

Loại trừ:

- Các hoạt động do các nhà điều hành mỏ đá thực hiện, ví dụ sản xuất cắt đá thô được phân vào nhóm 0810 (Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét);

- Sản xuất đá rằm, bột đá và các sản phẩm tương tự được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);

- Các hoạt động của các nhà điêu khắc được phân vào nhóm 90000 (Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí).

2399 - 23990: Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát);

- Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng...

- Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô;

- Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm;

- Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện);

- Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than;

- Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).

Loại trừ: Sản xuất sản phẩm từ sợi thủy tinh dệt và không dệt, xem 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh).

24: SẢN XUẤT KIM LOẠI

Ngành này gồm:

Các hoạt động nung chảy, tinh luyện kim loại màu và kim loại đen từ quặng, các mảnh nhỏ, rác thải sử dụng quá trình xử lý điện kim và các kỹ thuật luyện kim khác. Các đơn vị trong nhóm này cũng sản xuất hợp kim kim loại và siêu hợp kim bằng cách cho thêm các chất hoá học vào kim loại nguyên chất. Đầu ra của hoạt động cán, nung chảy, tinh luyện thường ở dạng thỏi được dùng trong lăn, kéo, đẩy thành tấm, thanh, bản, dây và ở dạng nấu chảy để tạo thành khuôn và kim loại cơ bản khác.

241 - 2410 - 24100: Sản xuất sắt, thép, gang

Nhóm này gồm:

Các hoạt động như chiết xuất trực tiếp từ quặng sắt, sản xuất thép xỉ dạng nung chảy hoặc dạng cứng; chuyển xỉ thép thành thép; sản xuất ferrolloy, sản xuất thép, sản xuất tấm (ví dụ đĩa, tấm, bản, dây) và sản xuất thép dạng thỏi, ống như:

- Điều hành lò luyện kim, máy chuyển thành thép, cán và hoàn thiện;
- Sản xuất xỉ thép, sản xuất gang thành xỉ, tấm và các dạng ban đầu khác;
- Sản xuất hợp kim sắt;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại đen bằng cách chiết giảm trực tiếp sắt và các sản phẩm bột kim loại đen khác, sản xuất thép từ tinh lọc bằng quá trình điện phân hoặc hoá học khác;
- Sản xuất sắt dạng hột và dạng bột;
- Sản xuất thép dạng thỏi hoặc các dạng nguyên sinh khác;
- Sản xuất sản phẩm thép bán hoàn thiện;
- Sản xuất các sản phẩm thép cuộn nóng cuộn lạnh và cuộn phẳng;
- Sản xuất thanh thép cuộn nóng;
- Sản xuất mặt cắt thép cuộn nóng;
- Sản xuất thanh thép và các mặt cắt cứng từ thép bằng cách kéo lạnh, nghiền hoặc quay;
- Sản xuất các mặt cắt mở bằng cách tạo khuôn lạnh cuộn hoặc gấp nếp các sản phẩm thép cuộn phẳng;
- Sản xuất dây thép bằng cách kéo hoặc dẫn lạnh;
- Sản xuất tấm thép và các mặt cắt mở thép hàn;
- Sản xuất các vật liệu đường ray tàu hoả (đường sắt chưa lắp) bằng thép;

- Sản xuất ống thép không mối nối bằng cách cuộn nóng, kéo nóng hoặc cuộn lạnh, kéo lạnh;

- Sản xuất các ống thép hàn bằng cách đổ khuôn nóng hoặc lạnh và hàn, hoặc có được bằng cách xử lý thêm bằng kéo lạnh hoặc cuộn lạnh hoặc bằng cách đổ khuôn nóng, hàn;

- Sản xuất các thiết bị nối ống thép như mép phẳng và mép có vòng đệm, các mối nối hàn.

Loại trừ:

- Sản xuất khuôn đổ ống thép và các đồ làm mối nối bằng thép đúc được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt thép);

- Sản xuất ống thép không mối nối bằng cách đúc li tâm được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt thép);

- Sản xuất đồ làm mối nối bằng thép đúc được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt thép).

242 – 2420: Sản xuất kim loại quý và kim loại màu

24201: Sản xuất kim loại quý

Nhóm này gồm:

- Sản xuất và tinh chế kim loại quý, chế tác hoặc không chế tác như: vàng, bạc, platinum... từ quặng hoặc kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim quý;

- Sản xuất sản phẩm sơ chế từ kim loại quý;

- Sản xuất bạc được cán vào kim loại cơ bản;

- Sản xuất vàng được cán vào kim loại cơ bản hoặc bạc;

- Sản xuất platinum và kim loại nhóm platinum được cán vào vàng, bạc và kim loại cơ bản;

- Sản xuất lá dát kim loại quý.

- Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

24202: Sản xuất kim loại màu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất nhôm từ alumin;

- Sản xuất nhôm từ tinh chế điện phân chất thải nhôm và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim nhôm;

- Sơ chế nhôm;

- Sản xuất chì, kẽm, thiếc từ quặng;

- Sản xuất chì, kẽm, thiếc từ tinh chế điện phân chất thải chì, kẽm, thiếc và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim chì, kẽm và thiếc;

- Sơ chế chì, kẽm và thiếc;

- Sản xuất đồng từ quặng;

- Sản xuất đồng từ tinh chế điện phân chất thải đồng và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim đồng;

- Sản xuất dây cầu chì;

- Sơ chế đồng;

- Sản xuất crôm, mangan, niken... từ tinh chế điện phân và nhôm của chất thải crôm, mangan, niken... và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim crôm, mangan, niken...

- Sơ chế crôm, mangan, niken...

- Sản xuất các chất từ niken...

- Sản xuất kim loại uranium từ uranit và quặng khác;

- Luyện và tinh chế uranium;

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất dây của những kim loại trên bằng cách kéo;

- Sản xuất ôxit nhôm (Alumina);

- Sản xuất kim loại bọc nhôm;

- Sản xuất lá dát nhôm (thiếc) được làm từ lá nhôm (thiếc) là vật liệu chính;

Loại trừ:

- Đúc kim loại màu được phân vào nhóm 24320 (Đúc kim loại màu);

243: Đúc kim loại

Nhóm này gồm: Sản xuất sản phẩm đúc sơ chế và sản phẩm đúc các loại theo những đặc điểm kỹ thuật của chúng.

Loại trừ:

Sản xuất sản phẩm khuôn đúc thành phẩm như:

+ Nồi hơi và lò được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại),

+ Các chi tiết khuôn đúc gia dụng được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu).

2431 - 24310: Đúc sắt, thép

Nhóm này gồm:

Các hoạt động của các xưởng đúc sắt và thép như:

- + Đúc sản phẩm sắt bán thành phẩm,
- + Đúc khuôn sắt,
- + Đúc khuôn sắt graphit hình cầu,
- + Đúc khuôn sắt dát mỏng,
- + Đúc khuôn thép bán thành phẩm,
- + Đúc khuôn thép,
- + Sản xuất ống, vòi và các đồ làm mối nối bằng sắt đúc,
- + Sản xuất ống thép không mối nối và ống thép qua đúc li tâm,
- + Sản xuất đồ làm mối nối ống, vòi bằng thép đúc.

2432 - 24320: Đúc kim loại màu

Nhóm này gồm:

- Khuôn sản phẩm sơ chế từ nhôm, magiê, titan, kẽm...
- Đúc khuôn kim loại nhẹ,
- Đúc khuôn kim loại nặng,
- Đúc khuôn kim loại quý,
- Đúc khuôn kim loại màu.

25: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ KIM LOẠI ĐÚC SẴN (TRỪ MÁY MÓC, THIẾT BỊ)

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm kim loại nguyên chất (như một phần kim loại, thùng hòm và các công trình xây dựng) thường là với chức năng tĩnh, cố định, chứ không phải theo ngành 26 - 30, là toàn bộ hoạt động sản xuất phối kết hợp hoặc quá trình lắp ráp các sản phẩm kim loại đó (thỉnh thoảng với một số kim loại khác) thành các đơn vị phức tạp trừ khi chúng là các công trình xây dựng với việc di dời từng phần hoàn toàn bằng điện hoặc quang học. Hoạt động sản xuất vũ khí và đạn dược cũng được phân vào ngành này.

Loại trừ:

- Hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị được phân vào nhóm 331 (Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn);

- Lắp đặt máy móc, thiết bị chuyên dụng được phân vào nhóm 3320 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

251: Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi

Nhóm này gồm: Sản xuất các cấu kiện kim loại (như khung kim loại hoặc các bộ phận của cấu trúc xây dựng), cũng như các đồ vật loại hòm, thùng bằng kim loại (như thùng, bể chứa, nồi hơi trung tâm) và lò hơi nước.

2511 - 25110: Sản xuất các cấu kiện kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...);
- Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...);
- Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời...
- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, công;
- Vách ngăn phòng bằng kim loại.

Loại trừ:

- Sản xuất các bộ phận của tàu thủy hoặc tàu chạy bằng sức nước được phân vào nhóm 25130 (Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm));
- Sản xuất các bộ phận của đường ray tàu hỏa được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất các bộ phận của tàu thủy được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi).

2512 - 25120: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất;
- Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hoá lỏng khí đốt;
- Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt.

Loại trừ:

- Sản xuất tôn, thùng hình trống, can, bình, bi đông, hộp... ở dạng thường được sử dụng để mang hoặc đóng gói hàng hoá (không liên quan đến kích cỡ), được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất thùng chứa cho vận tải được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc);
- Sản xuất xe tăng (xe bọc thép) được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội).

2513 - 25130: Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất lò hơi nước;
- Sản xuất các thiết bị phụ gắn với lò hơi nước như: Bộ phận góp hơi và tích lũy hơi, bộ phận làm sạch cặn nước, bộ phận phục hồi khí và dụng cụ cạo cặn lò hơi;
- Sản xuất lò phản ứng nguyên tử, trừ tách chất đồng vị;
- Sản xuất các bộ phận cho tàu thủy chạy bằng sức nước.

Loại trừ:

- Sản xuất nồi hơi trung tâm và bức xạ được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại);
- Sản xuất bộ tua bin hơi nước được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));
- Sản xuất tách chất đồng vị được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

252 - 2520 - 25200: Sản xuất vũ khí và đạn dược

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vũ khí hạng nặng (trọng pháo, súng cơ động, tên lửa bazuka, ngư lôi, súng máy hạng nặng);
- Sản xuất vũ khí nhỏ (súng lục ổ quay, súng ngắn, súng máy hạng nhẹ);
- Sản xuất súng hơi;
- Sản xuất đạn dược chiến tranh;

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất súng và đạn dùng trong săn bắn, thể thao và bảo vệ;
- Sản xuất dụng cụ gây nổ như bom, mìn và ngư lôi.

Loại trừ:

- Sản xuất đầu đạn, ngòi nổ, kíp nổ hay pháo sáng được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất thanh đoản kiếm, gươm, kiếm, đao và lưỡi lê được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);
- Sản xuất xe bọc sắt để vận chuyển giấy bạc và những đồ quý giá được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất tàu vũ trụ được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);
- Sản xuất xe tăng và các phương tiện chiến đấu khác được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội).

259: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động chung cho xử lý kim loại như rèn, ép, mạ, phủ, đánh bóng, hàn...được thực hiện chủ yếu qua phí hoặc hợp đồng. Nhóm này cũng gồm sản xuất các sản phẩm kim loại khác nhau như dao kéo, các dụng cụ kim loại cầm tay và các phần cứng nói chung; thùng đựng, chai; các đồ gia dụng kim loại, các mối nối kim loại, mỏ neo tàu, thiết bị làm mối nối đường ray...cho nhiều mục đích sử dụng gia dụng và công nghiệp.

2591 - 25910: Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại

Nhóm này gồm:

- Rèn, dập, ép, cán kim loại;
- Luyện bột kim loại: Sản xuất các sản phẩm kim loại trực tiếp từ bột kim loại bằng phương pháp nhiệt hoặc bằng áp lực.

Loại trừ: Sản xuất bột kim loại được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang), 2420 (Sản xuất kim loại màu và kim loại quý).

2592 - 25920: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Nhóm này gồm:

- Mạ, đánh bóng kim loại...
- Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt;
- Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;
- Nhuộm màu, chạm, in kim loại;
- Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài...
- Mài, đánh bóng kim loại;
- Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối...các phần của khung kim loại;
- Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia laser.

Loại trừ:

- Cán kim loại quý vào kim loại cơ bản hoặc kim loại khác được phân vào nhóm 24201 (Sản xuất kim loại quý);
- Dịch vụ đóng móng ngựa được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi).

2593 - 25930: Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dụng cụ cắt gia dụng như dao, đĩa, thìa...

- Sản xuất các chi tiết của dao kéo như: Dao pha và dao bầu, dao cạo và lưỡi dao cạo, kéo và kéo xén tóc;
- Sản xuất dao và lưỡi dao cho máy móc và các bộ phận máy móc;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay như kìm, tua vít;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay trong nông nghiệp không dùng năng lượng;
- Sản xuất cưa và lưỡi cưa, bao gồm lưỡi cưa tròn và cưa xích;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay không thay thế, có hoặc không hoạt động năng lượng, hoặc cho các dụng cụ máy: Khoan, dùi, bàn ren, cắt khóa;
- Sản xuất dụng cụ ép;
- Sản xuất dụng cụ rèn: Rèn, đe...
- Sản xuất hộp đúc (trừ đúc thổi);
- Sản xuất mỏ cạp, kẹp;
- Sản xuất khoá móc, khoá, chìa khoá, bản lề... phần cứng cho xây dựng, đồ đạc, xe đạp...
- Sản xuất đoàn kiếm, kiếm, lưỡi lê...

Loại trừ:

- Sản xuất đồ để nấu ăn (nồi, ấm...), đồ ăn (bát, đĩa,..) hoặc đồ dẹt (đĩa nông lòng...) được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất dụng cụ cầm tay bằng năng lượng được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);
- Sản xuất thổi đúc được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy luyện kim);
- Sản xuất dụng cụ dao kéo bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

2599: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

25991: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn

Nhóm này gồm:

- Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gấp lại được;
- Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như: Đồ dẹt: Đĩa nông lòng..., đồ nấu như: Nồi, ấm..., đồ ăn như: Bát, đĩa..., chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại;
- Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự.

25999: Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc;
- Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt...
- Sản xuất túi đựng nữ trang;
- Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp;
- Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được;
- Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít;
- Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;
- Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;
- Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;
- Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vải...
- Sản xuất đinh hoặc ghim;
- Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự;
- Sản xuất các sản phẩm đinh vít;
- Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;
- Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo;
- Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng;
- Sản xuất các chi tiết kim loại khác như:
 - + Sản xuất chân vịt tàu và cánh,
 - + Mỏ neo,
 - + Chuông,
 - + Đường ray tàu hoả,
 - + Dụng cụ gài, uốn;
- Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại;
- Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại;
- Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại;
- Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.

Loại trừ:

- Sản xuất thùng và bể chứa được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại);
- Sản xuất guom, dao được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);
- Sản xuất lò xo đồng hồ đeo tay và treo tường được phân vào nhóm 26520 (Sản xuất đồng hồ);
- Sản xuất dây và cáp cho truyền điện được phân vào nhóm 27320 (Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác);
- Sản xuất xích truyền năng lượng được phân vào nhóm 28140 (Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động);
- Sản xuất xe chở đồ trong siêu thị được phân vào nhóm 30990 (Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất đồ đạc kim loại được phân vào nhóm 31009 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);
- Sản xuất dụng cụ thể thao được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);
- Sản xuất đồ chơi và trò chơi được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

26: SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ, MÁY VI TÍNH VÀ SẢN PHẨM QUANG HỌC

Ngành này gồm:

Sản xuất máy tính, linh kiện máy tính, thiết bị truyền thông và các sản phẩm điện tử cùng loại cũng như sản xuất các linh kiện cho các sản phẩm này.

Quá trình sản xuất của ngành này mang đặc tính riêng bởi kiểu dáng và việc sử dụng bo mạch và ứng dụng kỹ thuật với độ chuyên môn hóa cao.

Ngành này cũng gồm:

Sản xuất điện tử tiêu dùng, đo lường, kiểm nghiệm, thiết bị điều khiển, bức xạ, thiết bị điện y học và điện liệu pháp, thiết bị và dụng cụ quang học, sản xuất phương tiện truyền thông từ tính và quang học.

261 - 2610 - 26100: Sản xuất linh kiện điện tử

Nhóm này gồm: Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện ứng dụng điện tử khác.

Cụ thể:

- Sản xuất tụ điện, điện tử;
- Sản xuất điện trở, điện tử;

- Sản xuất bộ mạch vi xử lý;
- Sản xuất bo mạch điện tử;
- Sản xuất ống điện tử;
- Sản xuất liên kết điện tử;
- Sản xuất mạch điện tích hợp;
- Sản xuất ống hai cực, bóng bán dẫn, bộ chia liên quan;
- Sản xuất phần cảm điện (cuộn cảm kháng, cuộn dây, bộ chuyển), loại linh kiện điện tử;
- Sản xuất tinh thể điện tử và lắp ráp tinh thể;
- Sản xuất solenoit, bộ chuyển mạch và bộ chuyển đổi cho các bộ phận điện tử;
- Sản xuất chất bán dẫn, sản xuất chất tinh chế và bán tinh chế;
- Sản xuất thẻ giao diện (âm thanh, video, điều khiển, mạng lưới);
- Sản xuất cấu kiện hiển thị (plasma, polime, LCD);
- Sản xuất bóng đèn di-ot phát sáng (LED);
- Sản xuất cáp máy in, cáp màn hình, cáp USB...

Loại trừ:

- Sản xuất thẻ thông minh, được phân vào nhóm 18110 (In ấn);
- Sản xuất môđem (thiết bị truyền tải) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất màn hình vi tính và vô tuyến được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính), 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất ống tia X và phân chia bức xạ cùng loại được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);
- Sản xuất bộ chia tách cùng loại cho các ứng dụng điện tử được phân vào ngành 27 (Sản xuất thiết bị điện);
- Sản xuất đui bóng được phân vào nhóm 27101 (Sản xuất mô tơ, máy phát);
- Sản xuất rơ le điện được phân vào nhóm 27101 (Sản xuất mô tơ, máy phát);
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất thiết bị hoàn chỉnh được phân chia dựa trên cơ sở phân loại thiết bị điện tử.

262 - 2620 - 26200: Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính

Nhóm này gồm:

Sản xuất hoặc lắp ráp các máy tính điện tử như màn hình, máy tính để bàn, máy chủ, máy xách tay; các thiết bị ngoại vi máy tính như thiết bị lưu trữ và thiết bị ra/vào (máy in, màn hình, bàn phím). Có thể là máy tính tỷ biến, máy tính kỹ thuật số hoặc lai. Máy tính kỹ thuật số, loại điển hình nhất là các thiết bị có thể thực hiện các công việc sau: (1) lưu các chương trình xử lý hoặc các chương trình và số liệu cần ngay cho việc thực hiện một chương trình; (2) có thể độc lập được đặt chương trình phù hợp với các yêu cầu của người sử dụng; (3) thực hiện các tính toán do người sử dụng yêu cầu; và (4) thực hiện mà không cần có sự can thiệp của con người một chương trình xử lý yêu cầu máy tính thay đổi các thao tác của nó theo các quyết định logic trong khi chạy. Máy tính tỷ biến có thể có các mô hình toán và bao gồm ít nhất kiểm soát tỷ biến và các yếu tố chương trình.

Cụ thể:

- Sản xuất máy vi tính để bàn;
- Sản xuất máy vi tính xách tay;
- Sản xuất máy chủ;
- Sản xuất máy tính cầm tay (PDA);
- Sản xuất ổ đĩa từ, đĩa flash và các thiết bị lưu khác;
- Sản xuất ổ đĩa quang học (ví dụ CD-RW, CD-ROM, DVD-ROM, DVD-RW);
- Sản xuất máy in;
- Sản xuất màn hình;
- Sản xuất bàn phím;
- Sản xuất các loại chuột, que điều khiển và các thiết bị kiểm tra;
- Sản xuất các giao diện máy tính;
- Sản xuất máy quét, bao gồm máy quét mã thanh;
- Sản xuất máy đọc thẻ thông minh;
- Sản xuất mũ ảo;
- Sản xuất máy chiếu.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất các cổng máy tính như máy rút tiền tự động (ATM), máy bán hàng (POS), không hoạt động theo cơ khí;

- Sản xuất thiết bị văn phòng đa chức năng như máy liên hợp fax-copy-quét.

Loại trừ:

- Sao bản ghi âm thanh được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Sản xuất các linh kiện điện tử và các thiết bị điện tử sử dụng trong máy tính và các thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất các modem máy tính trong/ ngoài được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất các giao diện, modun và thiết bị lắp được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất modem, các thiết bị dẫn được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất các thiết bị truyền liên lạc kỹ thuật số, thiết bị truyền số liệu (ví dụ cầu, cổng) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị điện tử tiêu dùng, như máy chạy CD và DVD được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất màn hình vô tuyến và màn hình hiển thị được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất các chương trình trò chơi điện tử được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất phương tiện quang học hoặc từ tính sử dụng trong các thiết bị máy tính hoặc thiết bị khác được phân vào nhóm 26800 (Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học).

263 - 2630 - 26300: Sản xuất thiết bị truyền thông

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu và điện thoại được sử dụng để chuyển tín hiệu điện tử thông qua dây dẫn hoặc không khí như đài phát thanh và trạm vô tuyến và các thiết bị truyền thông không dây;

- Sản xuất thiết bị chuyển mạch văn phòng trung tâm;

- Sản xuất điện thoại không dây;

- Sản xuất thiết bị đổi nhánh riêng (PBX);

- Sản xuất điện thoại và máy fax, bao gồm máy trả lời điện thoại;

- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu, như cổng, thiết bị truyền dẫn;

- Sản xuất ăngten thu phát;

- Sản xuất thiết bị cáp vô tuyến;
- Sản xuất máy nhắn tin;
- Sản xuất điện thoại di động;
- Sản xuất thiết bị truyền thông di động;
- Sản xuất thiết bị trong phòng thu vô tuyến và truyền thanh, bao gồm cả các máy quay phim;
- Sản xuất môdem, thiết bị truyền tải;
- Sản xuất hệ thống chuông chống trộm và đèn báo động, gửi dấu hiệu đến một trạm điều khiển;
- Sản xuất thiết bị chuyển đổi tivi và đài;
- Sản xuất thiết bị hồng ngoại (ví dụ như điều khiển từ xa).

Loại trừ:

- Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất thiết bị thu thanh và thu hình gia dụng được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất thiết bị linh kiện điện tử và cụm lắp ráp được sử dụng thiết bị truyền thông, được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);
- Sản xuất môdem bên trong/bên ngoài máy vi tính (dạng máy vi tính cá nhân) được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);
- Sản xuất bảng ghi tỷ số điện tử được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);
- Sản xuất đèn giao thông được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác).

264 - 2640 - 26400: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị âm thanh và video điện tử cho giải trí gia đình, xe có động cơ, hệ thống truyền thanh và thiết bị khuếch đại âm thanh;
- Sản xuất đầu máy video và thiết bị sao chép;
- Sản xuất tivi;
- Sản xuất màn hình vô tuyến;
- Sản xuất hệ thống thu thanh và sao chép;
- Sản xuất thiết bị âm thanh nổi;
- Sản xuất máy thu radio;
- Sản xuất hệ thống loa phóng thanh;

- Sản xuất loại video camera kiểu hộ gia đình;
- Sản xuất máy hát tự động;
- Sản xuất máy khuếch đại cho nhạc cụ và hệ thống truyền thanh;
- Sản xuất micrô;
- Sản xuất đầu DVD, CD;
- Sản xuất máy karaoke;
- Sản xuất tai nghe (ví dụ như dùng cho radio, máy radio âm thanh nổi, máy tính);
- Sản xuất bảng điều khiển của các chương trình trò chơi video.

Loại trừ:

- Tái sản xuất thiết bị ghi âm truyền thông (máy tính truyền thông, âm thanh, video...) được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);
- Sản xuất thiết bị máy tính ngoại vi và màn hình máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất máy trả lời điện thoại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất thiết bị nhắn tin được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất thiết bị điều khiển từ xa (radio và hồng ngoại) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất camera và thiết bị phát thanh khác được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất thiết bị thu thanh như thiết bị tái sản xuất, ăngten thu phát, video thương mại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất chương trình trò chơi điện tử với các phần mềm cố định được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

265: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ

Nhóm này gồm: Sản xuất các hệ thống và thiết bị kiểm tra, định hướng, điều khiển dùng cho các mục đích chuyên ngành hay không chuyên ngành khác nhau; bao gồm các thiết bị đo thời gian như đồng hồ để bàn, treo tường và các thiết bị liên quan.

2651 - 26510: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển

Nhóm này gồm:

Sản xuất các hệ thống và thiết bị tìm kiếm, thăm dò, định hướng, thiết bị dùng trong hàng không, hàng hải; các máy điều khiển và điều chỉnh ứng dụng tự động, như lò, điều hoà, tủ lạnh và các thiết bị khác; các dụng cụ thiết bị đo lường, hiển thị, thu thanh, truyền tải và kiểm soát các thông số hoạt động công nghiệp như nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, độ bụi, độ cháy, dòng chảy, cấp độ, độ dính, mật độ, độ axit, độ tập trung, sự luân phiên; đo tổng số (như công tơ), dụng cụ đo độ cháy và tính toán; dụng cụ đo và kiểm tra các tính chất điện năng và dấu hiệu điện tử; hệ thống dụng cụ và dụng cụ phân tích thí nghiệm thành phần hoá học và vật lý hay độ đông đặc các mẫu vật liệu rắn, lỏng, khí và tổng hợp; máy đồng hồ và thời gian, công cụ kiểm tra và đo lường khác và các bộ phận của nó.

Cụ thể:

- Sản xuất động cơ máy bay;
- Sản xuất thiết bị kiểm tra mức khí thải tự động;
- Sản xuất thiết bị khí tượng;
- Sản xuất thiết bị kiểm tra đặc tính vật lý;
- Sản xuất máy ghi tim vật lý;
- Sản xuất thiết bị đo lường điện năng và dấu hiệu điện tử (bao gồm cả viễn thông);
- Sản xuất dụng cụ phát hiện phóng xạ và dụng cụ chỉ huy;
- Sản xuất thiết bị cho điều tra;
- Sản xuất nhiệt kế lỏng trong kính và loại lưỡng kim (trừ y tế);
- Sản xuất máy đo độ ẩm;
- Sản xuất thiết bị kiểm soát giới hạn thuỷ lực;
- Sản xuất thiết bị kiểm soát lửa và nhiệt;
- Sản xuất quang phổ kế;
- Sản xuất máy đo khí;
- Sản xuất công tơ đo lượng tiêu dùng (như nước, gas);
- Sản xuất máy đo dòng chảy và thiết bị đếm;
- Sản xuất máy đếm;
- Sản xuất máy dò quặng, máy đo độ rung, máy dò tìm kim loại;
- Sản xuất thu thanh máy bay, kiểm tra, đo lường, định hướng, thiết bị hàng không, hàng hải, bao gồm phao âm;

- Sản xuất thiết bị GPS;
- Sản xuất thiết bị kiểm soát môi trường và điều khiển tự động;
- Sản xuất thiết bị đo lường và ghi (ví dụ đo ánh sáng);
- Sản xuất máy giám sát hành động;
- Sản xuất dụng cụ phân tích thí nghiệm (ví dụ thiết bị phân tích mẫu máu);
- Sản xuất thiết bị chung cất trong phòng thí nghiệm, máy li tâm, máy siêu âm;
- Sản xuất thiết bị cân, đo, lông áp dùng trong phòng thí nghiệm;
- Sản xuất các thiết bị đo lường khác như máy dò phóng xạ, máy dò tìm, đo độ ẩm, đo khí tượng.

Loại trừ:

- Sản xuất máy trả lời điện thoại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất thiết bị kiểm tra y tế được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);
- Sản xuất thiết bị định vị quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);
- Sản xuất máy ghi điều lọc được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính));
- Sản xuất thiết bị đo lường cơ khí đơn giản (băng, compa...) phân theo các vật liệu chính được sử dụng;
- Lắp đặt thiết bị kiểm soát các quá trình sản xuất công nghiệp được phân vào nhóm 33200 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

2652 - 26520: Sản xuất đồng hồ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các loại đồng hồ đeo tay, treo tường, bao gồm đồng hồ dạng tấm;
- Sản xuất hộp đựng đồng hồ treo tường và đeo tay, bao gồm cả hộp bằng kim loại quý;
- Sản xuất thiết bị ghi thời gian và thiết bị đo lường, hoặc hiển thị khoảng cách thời gian có kim đồng hồ hoặc có mô tơ đồng bộ như:
 - + Máy đo thời gian dừng nghỉ,
 - + Đồng hồ,
 - + Dấu đóng ngày/giờ,

+ Máy đo quá trình.

- Sản xuất máy chuyển đổi thời gian và các máy ngắt khác có gắn kim đồng hồ hoặc mô tơ đồng bộ như: Khoá hẹn giờ;

- Sản xuất các linh kiện cho đồng hồ treo tường và đeo tay như:

+ Kim đồng hồ các loại,

+ Lò xo, mặt đồng hồ, đĩa, cầu và các bộ phận khác của đồng hồ,

+ Vỏ bọc đồng hồ bằng mọi chất liệu.

Loại trừ:

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim (bằng vải, da, nhựa) được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi sách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đồng hồ bằng kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan).

266 - 2660 - 26600: Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp

Nhóm này gồm:

Sản xuất máy móc cơ điện học, điện liệu pháp như thiết bị cộng hưởng từ tính, thiết bị siêu âm y tế, thiết bị trợ thính, máy ghi điện tim, thiết bị nội soi cơ điện học, sản xuất máy bức xạ và ống ứng dụng, như chuẩn đoán y tế, chữa bệnh y tế, đánh giá công nghiệp, nghiên cứu và khoa học. Bức xạ có thể dưới dạng tia beta, tia gama, tia X, và các bức xạ ion khác.

Cụ thể:

- Sản xuất máy và ống bức xạ (ví dụ công nghiệp, chuẩn đoán y tế, chữa bệnh y tế, nghiên cứu, khoa học);

- Sản xuất thiết bị tia X;

- Sản xuất máy quét CT;

- Sản xuất máy quét PET;

- Sản xuất thiết bị MRI;

- Sản xuất thiết bị laser y tế;

- Sản xuất thiết bị nội soi y tế;

- Sản xuất thiết bị bức xạ kiểm tra, diệt khuẩn thức ăn và sữa.

Loại trừ: Sản xuất giường thuộc da, được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

267 - 2670 - 26700: Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học

Nhóm này gồm:

Sản xuất dụng cụ và thấu kính quang học, như ống nhòm, kính hiển vi (trừ electron, proton), kính thiên văn, kính lăng trụ, thấu kính; thấu kính phủ ngoài hoặc đánh bóng (trừ kính mắt); thấu kính khung (trừ kính mắt) và sản xuất thiết bị chụp ảnh như camera và máy đo ánh sáng.

Cụ thể:

- Sản xuất gương quang học;
- Sản xuất thiết bị súng ngắn quang học;
- Sản xuất thiết bị định vị quang học;
- Sản xuất dụng cụ phóng đại quang học;
- Sản xuất dụng cụ quang học chính xác;
- Sản xuất máy so mẫu quang học;
- Sản xuất camera (quang học, kỹ thuật số);
- Sản xuất máy chiếu hình ảnh động và slide;
- Sản xuất máy chiếu sử dụng đèn;
- Sản xuất dụng cụ đo lường quang học và kiểm tra (thiết bị điều khiển cháy, máy đo ánh sáng nhiếp ảnh, tìm tầm ngắm);
- Sản xuất thấu kính, siêu âm quang học, ống nhòm, kính thiên văn;
- Sản xuất thiết bị laser.

Loại trừ:

- Sản xuất máy chiếu dùng cho vi tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất TV thương mại và video camera được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất video camera dùng cho gia đình được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất các thiết bị hoàn thiện sử dụng các cấu kiện laser được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);
- Sản xuất máy photocopy được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính));
- Sản xuất hàng hoá thiết bị chữa mắt được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

268 - 2680 - 26800: Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị truyền thông thu âm quang học và từ tính, như băng video và casset từ tính trắng, đĩa trắng, đĩa quang học trắng và thiết bị truyền thông tốc độ cao...

Loại trừ: Tái sản xuất thiết bị thu thanh (truyền thông kỹ thuật số, âm thanh, video...) được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại).

27: SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm sản xuất, phân phối và sử dụng năng lượng điện. Ngành này cũng gồm sản xuất đèn điện, thiết bị phát tín hiệu và các thiết bị điện gia đình.

Loại trừ: Sản xuất sản phẩm điện tử được phân vào ngành 26 (Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học).

271 - 2710: Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy biến thế điện, phân phối và các máy biến thế chuyên dùng; máy phát điện, tập trung; bộ chuyển mạch và tổng đài; rơle và điều khiển công nghiệp. Thiết bị điện trong nhóm này phân theo mức độ điện trở.

Loại trừ:

- Sản xuất máy chuyển và biến đổi loại điện được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất dụng cụ điều khiển môi trường và thiết bị kiểm soát các quy trình công nghiệp, được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất bộ chuyển mạch điện, như nút bấm, khoá chuyển được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất thiết bị hàn điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất máy đổi điện, chuyển dòng điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất bộ phát điện tubin được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất máy khởi động và máy phát điện cho cơ khí cháy nội sinh được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác).

27101: Sản xuất mô tơ, máy phát

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy biến đổi phân phối điện;
- Sản xuất máy chuyên đổi hàn bằng một cung lửa điện;
- Sản xuất đá balat huỳnh quang (như máy biến thế);
- Sản xuất máy phát điện (trừ máy khởi động đốt cháy nội sinh);
- Sản xuất máy phát điện (trừ máy dao điện nạp pin cho máy đốt cháy nội sinh);
- Sản xuất bộ phát điện (trừ các bộ phát điện tubin).

27102: Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy chuyên đổi phụ, phân phối năng lượng điện;
- Sản xuất máy điều chỉnh truyền và phân phối điện;
- Sản xuất bảng kiểm soát phân phối điện;
- Sản xuất máy tách mạch điện, năng lượng;
- Sản xuất bảng điều khiển, phân phối năng lượng điện;
- Sản xuất ống dẫn cho máy tổng đài điện cơ;
- Sản xuất cầu chì, điện;
- Sản xuất thiết bị chuyển năng lượng;
- Sản xuất bộ chuyển, năng lượng điện (trừ nút bấm, khoá, sôlênôit (cuộn dây kim loại trở nên có từ tính khi có dòng điện đi qua cuộn dây đó), lẫy khoá);
- Sản xuất bộ phát điện chuyển căn bản;
- Cuộn lại lõi trong các nhà máy.

272 - 2720 - 27200: Sản xuất pin và ắc quy

Nhóm này gồm: Sản xuất pin sạc lại được và pin không sạc lại được.

Cụ thể:

- Sản xuất pin và ắc quy: Pin có dioxit mangan, dioxit thuỷ ngân, ôxit bạc...
- Sản xuất ắc quy điện, bao gồm các phần như: Tấm ngăn, bình ắc quy, vỏ bọc;
- Sản xuất ắc quy axit chì;
- Sản xuất ắc quy nitrat camium;

- Sản xuất ắc quy NiMH;
- Sản xuất ắc quy Lithi;
- Sản xuất ắc quy khô;
- Sản xuất ắc quy nước.

273: Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị dây dẫn mang điện và thiết bị dây dẫn không mang điện cho mạch điện dẫn bằng mọi chất liệu.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất dây cách điện và sợi cáp quang học.

2731 - 27310: Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học

Nhóm này gồm: Sản xuất sợi cáp quang truyền số liệu hoặc truyền hình ảnh động.

Loại trừ:

- Sản xuất sợi thủy tinh được phân vào nhóm 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh);
- Sản xuất bộ sợi cáp quang có thiết bị nối hoặc có gắn các bộ phận, tùy thuộc vào ứng dụng được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử).

2732 - 27320: Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác

Nhóm này gồm: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm.

Loại trừ:

- Sản xuất (kéo) dây được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang), 24202 (Sản xuất kim loại màu);
- Sản xuất cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB, và các hệ thống cáp tương tự được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);
- Sản xuất bộ dây cáp, vỏ bọc dây điện và các bộ dây cáp tương tự hoặc các linh kiện dùng trong các ứng dụng tự động được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác).

2733 - 27330: Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các thiết bị dây dẫn mang điện và không mang điện bằng bất cứ vật liệu nào,

Cụ thể:

- Sản xuất thanh ray xe buýt, dây dẫn điện (trừ loại mạch chuyển);
- Sản xuất GFCI (ngắt mạch rò ngầm);
- Sản xuất kẹp đèn;
- Sản xuất cột và cuộn chống sét;

- Sản xuất bộ phận ngắt mạch cho dây dẫn điện (các công tắc ứng suất, nút bấm, lẫy khoá);
- Sản xuất ổ cắm, dây dẫn điện;
- Sản xuất hộp đựng dây điện (ví dụ môi nối, công tắc);
- Sản xuất cáp, máy móc, điện;
- Sản xuất thiết bị nối và dẫn;
- Sản xuất cực chuyển giao và mạch nối phần cứng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn không mang điện bằng nhựa bao gồm cáp điện nhựa, hộp đựng môi nối hai mạch điện bằng nhựa, bàn rà, máy nối cực bằng nhựa và các thiết bị tương tự.

Loại trừ:

- Sản xuất cách điện bằng thuỷ tinh và gồm được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm, sứ khác);
- Sản xuất linh kiện nối điện, đui đèn, công tắc được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử).

274 - 2740 - 27400: Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng

Nhóm này gồm:

Sản xuất đèn tròn hoặc đèn ống, các bộ phận hoặc linh kiện (trừ những chỗ thuỷ tinh rỗng của đèn ống); các vật điện chiếu sáng (trừ xe điện); thiết bị chiếu sáng không dùng điện; chụp đèn (trừ loại bằng thuỷ tinh và nhựa); linh kiện các vật chiếu sáng (trừ dây dẫn mang điện). Sản xuất thiết bị chiếu sáng không dùng điện cũng thuộc nhóm này.

Cụ thể:

- Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại,... đèn, thiết bị phụ và bóng đèn;
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng treo cố định trên trần nhà;
- Sản xuất đèn treo nhiều ngọn;
- Sản xuất đèn bàn (đồ chiếu sáng cố định);
- Sản xuất thiết bị chằng đèn trên cây Noel;
- Sản xuất lò sưởi điện;
- Sản xuất đèn flash;
- Sản xuất đèn điện diệt côn trùng;
- Sản xuất đèn lồng (cacbua, điện, gas, dầu lửa);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho các phương tiện giao thông (trừ xe cộ);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cố định trên đường phố (trừ đèn giao thông);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho xe cộ (ví dụ cho xe máy, máy bay, tàu thủy).

Loại trừ:

- Sản xuất đồ thủy tinh và bộ phận bằng thủy tinh dùng cho đồ chiếu sáng được phân vào nhóm 2310 (Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh);

- Sản xuất thiết bị dây dẫn mang điện dùng cho đồ chiếu sáng cố định được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất quạt trần hoặc quạt phòng tắm có gắn thiết bị chiếu sáng cố định được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất thiết bị dấu hiệu bằng điện như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu cho người đi trên đường được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác).

275 - 2750 - 27500: Sản xuất đồ điện dân dụng

Nhóm này gồm:

Sản xuất các thiết bị điện nhỏ và đồ gia dụng bằng điện, máy hút bụi dùng trong gia đình, quạt gia dụng, máy giặt gia dụng, máy lau sàn điện gia dụng, thiết bị là, thiết bị nấu ăn gia dụng, tủ lạnh gia dụng, tủ ướp lạnh, các thiết bị gia dụng chính bằng điện hoặc không bằng điện, như máy rửa bát, bình đun nước, máy nghiền rác. Nhóm này bao gồm các thiết bị có điện, gas hoặc các nguồn năng lượng khác.

Cụ thể:

- Sản xuất các thiết bị điện gia dụng như: Tủ lạnh, tủ ướp lạnh, máy rửa bát, máy giặt và sấy khô, máy hút bụi, máy lau sàn, máy nghiền rác, máy xay, nghiền, ép hoa quả, mở hộp, máy cạo râu điện, đánh răng điện, và các thiết bị dùng cho cá nhân bằng điện khác, máy mài dao, quạt thông gió;

- Sản xuất các thiết bị gia dụng nhiệt điện như: Máy đun nước bằng điện, chần điện, máy sấy, lược, bàn chải, cuộn tóc bằng điện, bàn là điện, máy sưởi và quạt gia dụng, lò điện, lò vi sóng, bếp điện, lò nướng bánh, máy pha cà phê, chảo rán, quay, nướng, hấp, điện trở,...

- Sản xuất thiết bị nấu và làm nóng gia dụng không dùng điện như:

+ Máy sưởi không dùng điện, vỉ nướng, lò, ấm đun nước, thiết bị nấu ăn, sấy bát.

Loại trừ:

- Sản xuất tủ lạnh và máy ướp lạnh dùng cho thương mại và công nghiệp, điều hoà nhiệt độ phòng, quạt treo, lò sưởi vĩnh cửu, quạt thông hơi, hút gió, đồ đun nấu, máy giặt thương mại, giặt khô, máy hút bụi thương mại công nghiệp và trong công sở được phân vào ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất máy khâu gia dụng được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);

- Lắp đặt hệ thống máy hút bụi trung tâm được phân vào nhóm 43290 (Lắp đặt hệ thống xây dựng khác).

279 - 2790 - 27900: Sản xuất thiết bị điện khác

Nhóm này gồm:

Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng.

Cụ thể:

- Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn;
- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;
- Sản xuất chuông điện;
- Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;
- Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa);
- Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục;
- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);
- Sản xuất máy triệt sự tràn;
- Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện;
- Sản xuất điện cực cacbon và graphit, kết nối, các sản phẩm cacbon và graphit điện khác;
- Sản xuất máy thực hành gia tốc;
- Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc;
- Sản xuất súng cầm tay hàn sắt;
- Sản xuất nam châm điện;
- Sản xuất còi báo động;
- Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử;
- Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành;
- Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản;
- Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong;
- Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay.

Loại trừ:

- Sản xuất vật cách điện bằng sứ được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác);
- Sản xuất sợi và các sản phẩm cacbon hoặc graphit được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất máy chỉnh lưu loại linh kiện điện, mạch điện chỉnh điện áp, mạch điện đổi năng lượng, tụ điện, điện trở, và các thiết bị khác được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);
- Sản xuất máy biến thế, mô tơ, công tắc, role, điều khiển công nghiệp được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);
- Sản xuất ắc quy được phân vào nhóm 27200 (Sản xuất pin và ắc quy);
- Sản xuất dây truyền thông và truyền tải năng lượng, thiết bị dây dẫn mang điện và không mang điện được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị chiếu sáng);
- Sản xuất thiết bị gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);
- Sản xuất miếng đệm cacbon và graphit được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);
- Sản xuất thiết bị điện dùng cho mô tô như máy phát, máy biến thế, ổ cắm, hệ thống cửa số và cửa ra vào bằng điện, máy điều chỉnh điện thế được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất các thiết bị báo hiệu cơ khí hay điện cơ, các thiết bị kiểm soát giao thông và an toàn cho đường sắt, tàu điện, thuyền bè, đường bộ, thiết bị dừng đỗ, sân bay được phân vào nhóm 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe).

28: SẢN XUẤT MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHƯA ĐƯỢC PHÂN VÀO ĐÁU

Ngành này gồm: Sản xuất máy móc và thiết bị hoạt động độc lập với nguyên liệu về mặt cơ khí hoặc nhiệt hoặc thực hiện các tác động lên nguyên liệu (như cân và đóng gói), bao gồm các linh kiện cơ khí mà sản sinh và ứng dụng lực và bất kỳ linh kiện ban đầu nào được sản xuất, các thiết bị cố định, di động hoặc cầm tay, không kể chúng được thiết kế cho công nghiệp, xây dựng, kỹ thuật dân dụng, nông nghiệp hoặc gia dụng. Sản xuất các thiết bị đặc biệt cho vận tải hành khách và hàng hoá trong phạm vi liên quan cũng thuộc ngành này.

Ngành này cũng gồm:

- Sản xuất các máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu trong hệ thống ngành cho dù có được dùng trong các quá trình sản xuất hay không, như thiết bị gây cười trong các hội chợ, thiết bị dành cho trò chơi bowling...

- Sản xuất các sản phẩm kim loại sử dụng chung (Ngành 25), thiết bị liên quan đến điều khiển, thiết bị máy tính, thiết bị đo lường và kiểm tra, phân phối điện và máy móc điều khiển (Ngành 26 và 27) và xe có động cơ dùng cho mục đích chung (Ngành 29 và 30).

281: Sản xuất máy thông dụng

Nhóm này gồm: Sản xuất máy dùng cho mục đích chung, tức là máy được sử dụng trong nhiều ngành của VSIC. Nó có thể bao gồm sản xuất các cấu kiện sử dụng trong sản xuất nhiều máy khác hoặc sản xuất các máy móc hỗ trợ cho hoạt động của các ngành khác.

2811 - 28110: Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy pít tông đốt trong và các bộ phận tương tự, trừ mô tô, máy bay và máy đẩy như:

+ Động cơ thuỷ lực,

+ Động cơ đường sắt.

- Sản xuất pít tông, vòng pít tông, bộ chế hoà khí và chế hoà khí dùng cho các loại động cơ đốt trong, động cơ diesel;

- Sản xuất van đóng mở của động cơ đốt trong;

- Sản xuất tuabin và các bộ phận của:

+ Tuabin hơi nước và tuabin hơi khác,

+ Tuabin hydro, bánh xe nước, máy điều chỉnh,

+ Tuabin gió,

+ Tuabin gas, trừ động cơ phản lực và động cơ chân vịt cho động cơ đẩy của máy bay,

+ Sản xuất bộ tuabin nội hơi,

+ Sản xuất bộ máy phát tuabin.

Loại trừ:

- Sản xuất bộ máy phát điện được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);

- Sản xuất bộ máy phát chuyển động chính (trừ bộ phát điện tua bin) được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);

- Sản xuất thiết bị điện và linh kiện động cơ đốt trong được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất hoặc động cơ đẩy tuần hoàn của mô tô, máy bay được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác), 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan), 30910 (Sản xuất mô tô, xe máy);

- Sản xuất động cơ phản lực và động cơ chân vịt được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan).

2812 - 28120: Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất cấu kiện thuỷ lực và hơi nước (bao gồm bơm thuỷ lực, động cơ thuỷ lực, xi lanh thuỷ lực, van thuỷ lực và hơi nước, vòi và bộ phận lắp nối thuỷ lực và hơi nước);

- Sản xuất thiết bị chuẩn bị bay cho việc sử dụng hệ thống hơi;

- Sản xuất hệ thống năng lượng dễ cháy;

- Sản xuất thiết bị truyền hydro.

Loại trừ:

- Sản xuất máy nén được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác);

- Sản xuất máy bơm và van cho ứng dụng không có hydro được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác);

- Sản xuất thiết bị truyền tải cơ khí được phân vào nhóm 28140 (Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động).

2813 - 28130: Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác;

- Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo;

- Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô...

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông;

- Sản xuất vòi và van vệ sinh;

- Sản xuất vòi và van làm nóng;

- Sản xuất máy bơm tay.

Loại trừ:

- Sản xuất van cao su lưu hoá, thủy tinh hoặc thiết bị gồm được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su), 2310 (Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh) hoặc 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác);

- Sản xuất thiết bị chuyển hydro được phân vào nhóm 28120 (Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu);

- Sản xuất van hút cho động cơ đốt trong được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).

2814 - 28140: Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bi rìi, ổ bi, vòng bi tròn và các chi tiết khác;

- Sản xuất thiết bị truyền tải năng lượng cơ khí như:

+ Truyền trục và quay: trục cam, tay quay, lắc quay tay...

+ Trục phẳng, bánh răng chuyển động ma sát.

- Sản xuất bánh răng, hệ thống bánh răng và hộp số, các hộp thay đổi tốc độ khác;

- Sản xuất khớp ly hợp và trục nối;

- Sản xuất bánh đà và ròng rọc;

- Sản xuất dây xích có khớp nối;

- Sản xuất dây xích chuyển động bằng năng lượng.

Loại trừ:

- Sản xuất các dây xích khác được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất khớp ly hợp (điện từ) được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất dây chuyền phụ trợ cho thiết bị chuyển động năng lượng như các bộ phận của động cơ hoặc máy bay được phân vào ngành 29 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác) và ngành 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác).

2815 - 28150: Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung

Nhóm này gồm:

- Sản xuất lò hấp, lò luyện điện, công nghiệp và thí nghiệm, bao gồm lò đốt, lò thiêu;

- Sản xuất lò nấu;

- Sản xuất bếp lò điện cố định, bếp lò bể bơi điện, thiết bị bếp lò gia dụng không dùng điện, như năng lượng mặt trời, hơi, dầu và các lò và thiết bị bếp lò tương tự;

- Sản xuất lò điện gia dụng (lò điện xục khí, máy bơm đốt nóng...), bếp lò xục khí không dùng điện.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất thiết bị máy cơ khí đốt lò, lò sưởi, máy phóng điện...

Loại trừ:

- Sản xuất lò gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất máy sấy nông nghiệp được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);

- Sản xuất lò nướng bánh được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);

- Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và bìa cứng được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);

- Sản xuất thiết bị y tế, mổ hoặc khử trùng và thí nghiệm được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa);

- Lò thí nghiệm (nha khoa) được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

2816 - 28160: Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy móc nâng, bốc dỡ, vận chuyển hoạt động bằng tay hoặc bằng năng lượng như:

+ Puli ròng rọc, cần trục, tời,

+ Cần trục, cần trục to, khung nâng di động...

+ Xe đẩy, có hoặc không có máy nâng hoặc thiết bị cầm tay, có hoặc không có bộ phận tự hành, loại được sử dụng trong các nhà máy,

+ Tay máy và người máy công nghiệp được thiết kế đặc biệt cho việc nâng, bốc dỡ.

- Sản xuất băng tải...

- Sản xuất máy nâng, cầu thang tự động và chuyên bằng cầu thang bộ;

- Sản xuất các bộ phận đặc biệt cho các thiết bị nâng và vận chuyển.

Loại trừ:

- Sản xuất thang máy hoạt động liên tục và băng tải cho tầng ngầm được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất xẻng máy, máy đào được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất người máy công nghiệp cho nhiều mục đích được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);

- Sản xuất cần trục nổi, cần trục tàu hoả, tải trục được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cầu kiện nổi), 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe);

- Lắp đặt máy nâng và thang máy được phân vào nhóm 43290 (Lắp đặt hệ thống xây dựng khác).

2817 - 28170: Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy tính cơ;
- Sản xuất máy cộng, thu ngân;
- Sản xuất máy tính điện tử hoặc không dùng điện tử;
- Sản xuất dụng cụ cân buro phi, máy phục vụ buro điện (dán phong bì, máy dán và in địa chỉ; mở, phân loại), các máy phụ trợ;
- Sản xuất máy dán nhãn;
- Sản xuất máy chữ;
- Sản xuất máy tốc ký;
- Sản xuất thiết bị đóng sách (như đóng nhựa hoặc đóng băng), loại văn phòng;
- Sản xuất máy viết séc;
- Sản xuất máy đếm xu và đóng gói xu;
- Sản xuất gọt bút chì;
- Sản xuất dập ghim và nhỏ ghim dập;
- Sản xuất máy in phiếu bầu cử;
- Sản xuất máy dùi;
- Sản xuất máy bán hàng tự động, hoạt động máy móc;
- Sản xuất máy đếm tiền;
- Sản xuất máy photocopy;
- Sản xuất đầu máy quay đĩa;
- Sản xuất bảng đen, bảng trắng và bảng ghi;
- Sản xuất máy ghi điều lọc.

Loại trừ: Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính).

2818 - 28180: Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén

Nhóm này gồm:

Sản xuất dụng cụ cầm tay có mô tơ điện hoặc không dùng điện hoặc chạy nước như:

- + Cưa tròn hoặc cưa thẳng,
- + Máy khoan hoặc khoan búa,
- + Máy đánh bóng dùng điện cầm tay,
- + Máy đóng đinh thuỷ lực,
- + Tầng đệm,
- + Máy bào ngang,
- + Máy mài,
- + Máy đập,
- + Súng tán đinh thuỷ lực,
- + Máy bào đứng,
- + Máy xén,
- + Máy vặn,
- + Máy đóng đinh dùng điện.

2819 - 28190: Sản xuất máy thông dụng khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu;
- Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô;
- Sản xuất quạt không dùng cho gia đình;
- Sản xuất máy cân dùng trong gia đình như: cân hành lý, cân khác...
- Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng;
- Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hoả, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi...
- Sản xuất máy đóng gói như: Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn...
- Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống;
- Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho tinh chế dầu, hoá chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống...
- Sản xuất máy chuyển nhiệt;

- Sản xuất máy hoá lỏng khí và gas;
- Sản xuất máy cung cấp gas;
- Sản xuất máy cán láng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thuỷ tinh);
- Sản xuất máy ly tâm (trừ máy tách kem và sấy khô quần áo);
- Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó;
- Sản xuất máy bán hàng tự động;
- Sản xuất các bộ phận cho máy có những mục đích chung;
- Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái);
- Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học);
- Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.

Loại trừ:

- Sản xuất cân nhạy cảm dùng trong phòng thí nghiệm được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);
- Sản xuất tủ lạnh hoặc tủ đá gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất quạt gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất thiết bị hàn điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);
- Sản xuất máy phun nông nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);
- Sản xuất máy cuộn thuỷ tinh hoặc kim loại và các thiết bị của chúng được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy luyện kim), 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);
- Sản xuất máy làm khô trong nông nghiệp, máy tinh luyện thực phẩm được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất máy tách kem được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất máy làm khô quần áo thương mại được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);
- Sản xuất máy in dệt được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da).

282: Sản xuất máy chuyên dụng

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy móc chuyên dụng, tức là máy chuyên dùng trong các ngành lớn hoặc một nhóm nhỏ trong các ngành của hệ thống ngành kinh tế. Mặc dù hầu hết các máy này được sử dụng trong các quá trình sản xuất khác như chế biến thực phẩm hay sản xuất hàng dệt, nhóm này cũng bao gồm sản xuất máy chuyên biệt cho các ngành khác (không phải là ngành chế biến, chế tạo), như sản xuất thiết bị hộp số hạ cánh cho máy bay, hay sản xuất thiết bị gây cười ở các công viên.

2821 - 28210: Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy kéo dùng cho nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất máy kéo bộ (điều khiển bộ);
- Sản xuất máy gặt, máy xén cỏ;
- Sản xuất xe moóc nông nghiệp tự bốc dỡ hoặc bán moóc;
- Sản xuất máy nông nghiệp dùng để phục vụ gieo trồng hoặc keo dính kết như: Máy cày, máy rắc phân, hạt, bừa...
- Sản xuất máy gặt hoặc máy đập như: Máy gặt, máy đập, máy sàng...
- Sản xuất máy vắt sữa;
- Sản xuất máy phun cho nông nghiệp;
- Sản xuất máy đa năng trong nông nghiệp như: Máy giữ gia cầm, máy giữ ong, thiết bị cho chuẩn bị cỏ khô... Sản xuất máy cho việc làm sạch, phân loại trứng, hoa quả...

Loại trừ:

- Sản xuất dụng cụ cầm tay nông nghiệp không vận hành bằng điện được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);
- Sản xuất xe tải cho trang trại được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp);
- Sản xuất dụng cụ cầm tay vận hành bằng năng lượng được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);
- Sản xuất máy tách kem được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất máy làm sạch, phân loại hạt, thóc hoặc phơi rau đậu được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất xe tải đường bộ cho xe bán moóc được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xe moóc đường bộ hoặc somi moóc được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc).

2822 - 28220: Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị, máy móc chế biến kim loại và vật liệu khác (gỗ, xương, đá, cao su cứng, nhựa cứng, thủy tinh lạnh...), bao gồm các máy sử dụng một con lác lazer, sóng siêu âm, thể plasma, xung điện nam châm...

- Sản xuất máy quay, cán, khoan, định dạng, nghiền...

- Sản xuất dụng cụ dán tem hoặc máy nén;

- Sản xuất máy dùi, máy ép bằng sức nước, máy ngăn nước, búa, máy lâm nghiệp...

- Sản xuất ống cuộn chỉ hoặc máy móc cho làm dây;

- Sản xuất máy cho việc đóng, dập, dán hoặc cho những lắp ráp khác của gỗ, tre, xương, cao su cứng hoặc nhựa...

- Sản xuất búa đập quay, cưa xích, mặt giũa, máy tán đinh, máy cắt kim loại...

- Máy đóng tấm ván ghép từng mảnh con và tương tự;

- Sản xuất máy mạ điện.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất bộ phận và linh kiện cho công cụ máy móc được đề cập đến ở trên như: Làm vòng kẹp, đầu chì và các phụ tùng đặc biệt khác cho dụng cụ máy.

Loại trừ:

- Sản xuất dụng cụ hoán đổi cho dụng cụ cầm tay hoặc dụng cụ máy móc (khoan, máy dùi, cắt, xay, dụng cụ quay, lưỡi cưa, dao cắt...) được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất máy cầm tay hàn sắt điện hoặc súng điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất dụng cụ cầm tay được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);

- Sản xuất máy sử dụng trong cán kim loại được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy luyện kim);

- Sản xuất máy khai thác quặng được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng).

2823 - 28230: Sản xuất máy luyện kim

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy và thiết bị vận chuyển kim loại nóng;
- Lò chuyên, đúc thổi;
- Sản xuất máy nghiền cuộn kim loại.

Loại trừ:

- Sản xuất ghế kéo được phân vào nhóm 28220 (Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại);
- Sản xuất hộp đúc và đúc (trừ đúc thổi) được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);
- Sản xuất máy cho đúc tạo hình được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

2824 - 28240: Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thang máy và băng tải sử dụng dưới đất;
- Sản xuất máy khoan, cắt, đục, đào (có hoặc không sử dụng dưới lòng đất);
- Sản xuất máy xử lý khoáng chất bằng việc soi, phân loại, rửa, nghiền...
- Sản xuất máy trộn bê tông và vữa;
- Sản xuất máy địa chất như: máy ủi đất, ủi đất góc, san đất, cào, xúc,...
- Sản xuất máy đóng, máy ép cọc, máy trải vữa, trải nhựa đường, máy rải bê tông...
- Sản xuất máy kéo đặt đường ray và máy kéo được sử dụng trong xây dựng hoặc khai thác;
- Sản xuất lưỡi máy ủi hoặc lưỡi máy ủi đất góc;
- Sản xuất xe đẩy.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị nâng và thiết bị điều khiển được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp);
- Sản xuất máy kéo khác được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp), 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất dụng cụ máy cho làm đá, bao gồm máy cho chế đá hoặc làm sạch đá được phân vào nhóm 28220 (Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại);
- Sản xuất xe tải trộn bê tông được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác).

2825 - 28250: Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy sấy khô trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy cho công nghiệp sản xuất bơ sữa như:
 - + Máy tách kem,
 - + Máy chế biến sữa (làm tinh khiết),
 - + Máy biến đổi sữa (trộn bơ, làm bơ và đóng khuôn),
 - + Máy làm phomat (làm thuần khiết, đúc khuôn, đóng)...
- Sản xuất máy dùng trong công nghiệp nghiền hạt như:
 - + Máy làm sạch, phân loại hạt, hoặc rau đậu khô (máy quạt, dãn, tách, ...),
 - + Máy sản xuất bột và bột xay thô... (xay hạt, rây, làm sạch cám, tách vỏ).
- Sản xuất máy nghiền... được sử dụng để làm rượu, nước hoa quả...
- Sản xuất máy cho công nghiệp làm bánh hoặc làm mì ống hoặc các sản phẩm tương tự;
 - Lò bánh, trộn bột nhào, máy chia bột, máy thái, máy làm bánh...
 - Sản xuất máy móc và thiết bị cho chế biến thức ăn khác nhau như:
 - + Máy làm bánh, kẹo, coca hoặc sôcôla; máy dùng để sản xuất đường, bia, chế biến thịt và gia cầm, máy dùng để chuẩn bị rau, lạc hoặc quả; chuẩn bị cá, cua hoặc hải sản khác,
 - + Máy cho việc lọc và tinh chế,
 - + Máy khác cho công nghiệp sơ chế và sản xuất thức ăn và đồ uống.
- Sản xuất máy cho việc sơ chế hoặc chiết xuất mỡ động vật hoặc dầu thực vật;
- Sản xuất máy cho sơ chế thuốc lá và làm xì gà hoặc thuốc lá, thuốc ống hoặc thuốc nhai;
- Sản xuất máy cho sơ chế thức ăn trong khách sạn và nhà hàng.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị tiệt trùng thức ăn và sữa được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);
- Sản xuất máy đóng gói, bọc và cân được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);
- Sản xuất máy làm sạch, phân loại hoặc nghiền trấu, quả hoặc các nông sản khác (trừ hạt, thóc, rau đậu khô) được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp).

2826 - 28260: Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy dệt như:

+ Máy cho sơ chế, sản xuất, vẽ, dệt hoặc cắt vải nhân tạo, nguyên liệu hoặc sợi,

+ Sản xuất máy cho việc sơ chế sợi dệt: Quay tơ, quần chỉ và các máy có liên quan...

+ Máy dệt, bao gồm cả dệt tay,

+ Máy đan len,

+ Máy cho làm lưới, vải tuyn, ren, dải viền...

- Sản xuất máy phụ trợ hoặc thiết bị của máy dệt như: Máy dệt vải hoa, máy ngừng tự động, máy thay đổi con suốt, trục quay và bánh đà trục quay...

- Sản xuất máy dệt in;

- Sản xuất máy để chế biến sợi như: Tẩy trắng, nhuộm, hồ, hoàn thiện, ngâm sợi dệt; máy cuộn tơ, tháo, gập, cắt hoặc trang trí sợi dệt;

- Sản xuất máy giặt, là như: Bàn là..., máy giặt và máy sấy, máy giặt khô;

- Sản xuất máy khâu, đầu máy khâu và kim máy khâu (cho gia dụng hoặc không cho gia dụng);

- Sản xuất máy sản xuất hoặc hoàn thiện vải ni hoặc không pha len;

- Sản xuất máy thuộc da như: Máy sơ chế, thuộc hoặc làm da, máy làm giày hoặc sửa giày hoặc các chi tiết khác của da, da thuộc hoặc da lông thú.

Loại trừ:

- Sản xuất giấy hoặc giấy bìa sử dụng cho máy dệt vải hoa được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất máy giặt và máy sấy gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất bàn là loại cán lạng được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);

- Sản xuất máy sử dụng đóng sách được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

2829: Sản xuất máy chuyên dụng khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy sử dụng đặc biệt chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất máy phôtô được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính));

- Sản xuất máy móc và thiết bị làm cao su cứng, nhựa cứng và thủy tinh lạnh được phân vào nhóm 28220 (Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại);

- Sản xuất khuôn thổi được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy luyện kim).

28291: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng

Nhóm này gồm: Sản xuất máy làm ngói, gạch lát nền hoặc tường, bột làm đồ gốm, sứ; chất tổng hợp, ống dẫn, điện cực than chì,...

28299: Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy làm bột giấy;

- Sản xuất máy làm giấy và giấy bìa;

- Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và giấy bìa;

- Sản xuất máy sản xuất các sản phẩm từ giấy và giấy bìa;

- Sản xuất máy làm cao su mềm hoặc nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của những nguyên liệu này như: Máy đẩy, đúc, bơm hơi lốp hoặc máy dập lại lốp xe và các máy khác cho việc làm sản phẩm nhựa hoặc cao su đặc biệt;

- Sản xuất máy in, máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in, bao gồm máy cho in dẹt và các nguyên liệu khác;

- Sản xuất máy sản xuất chất bán dẫn;

- Sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau;

- Sản xuất máy và thiết bị biến đổi khác nhau như:

+ Sản xuất máy để lắp đèn điện, ống (van) hoặc bóng đèn,

+ Sản xuất máy cho sản xuất hoặc các công việc làm nóng thủy tinh, sợi thủy tinh,

+ Sản xuất máy móc cho việc tách chất đồng vị.

- Sản xuất thiết bị liên kết và cân bằng lốp xe; thiết bị cân bằng khác;

- Sản xuất hệ thống bôi trơn trung tâm;

- Sản xuất thiết bị hạ cánh máy bay, máy phóng máy bay vận tải và thiết bị liên quan;

- Sản xuất giường thuộc da;

- Sản xuất thiết bị phát bóng tự động (Ví dụ thiết bị đặt pin);

- Sản xuất thiết bị tập bắn, bơi lội và các thiết bị giải trí khác.

29: SẢN XUẤT Ô TÔ VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

Ngành này gồm: Sản xuất xe có động cơ dùng để vận chuyển người và hàng hoá. Sản xuất các thiết bị và phụ tùng khác nhau, cũng như sản xuất xe moóc và bán rơ moóc; các hoạt động làm thay đổi lớn cho xe có động cơ.

Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ trong nhóm này được phân vào nhóm 45200 (Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác).

291 - 2910 - 29100: Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất ô tô chở khách;
- Sản xuất xe động cơ thương mại như: Xe tải, xe kéo trên đường cho xe bán rơ moóc...

- Sản xuất xe buýt, xe buýt điện và xe buýt đường dài;

- Sản xuất động cơ xe;

- Sản xuất gầm xe có động cơ;

- Sản xuất xe có động cơ khác như:

- + Xe chạy bằng máy trên tuyết và băng, xe trong sân golf, thủy phi cơ,

- + Động cơ chữa cháy, quét đường, thư viện lưu động, xe bọc sắt...

- + Xe vận tải trộn bê tông,

- + ATV's, xe kéo nhỏ và các xe kéo tương tự bao gồm xe đua.

Nhóm này cũng gồm: Tái sản xuất xe có động cơ.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho mô tô, xe thô sơ được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất pít tông, vòng pít tông và bộ chế hoà khí được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất xe kéo nông nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);

- Sản xuất máy kéo sử dụng trong xây dựng và khai khoáng được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất xe tải gom rác được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất thân xe có động cơ được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc);

- Sản xuất các thiết bị điện cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất thiết bị và linh kiện cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xe tăng và xe quân sự được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội);

- Bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phụ tùng cho xe có động cơ được phân vào nhóm 45200 (Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác).

292 - 2920 - 29200: Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thân xe, gồm cabin cho xe có động cơ;
- Trang bị bên ngoài các loại xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất rơ moóc và bán rơ moóc như: Dùng để vận chuyển hàng hoá: tàu chở dầu, vận chuyển hành khách: rơ moóc có mui;
- Sản xuất contơơ vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải.

Loại trừ:

- Sản xuất rơ moóc và bán rơ moóc đặc biệt sử dụng cho nông nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);

- Sản xuất bộ phận và các thiết bị đi kèm thân xe cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xe thô sơ dùng cho động vật kéo được phân vào nhóm 30990 (Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu).

293 - 2930 - 29300: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các bộ phận và thiết bị thay đổi cho xe có động cơ như: Phanh, hộp số, trục xe, bánh xe, hệ thống giảm sóc, bộ tản nhiệt, giảm thanh, ống xả, xúc tác, khớp ly hợp, bánh lái, cột và hộp lái;

- Sản xuất thiết bị và phụ tùng cho thân xe có động cơ như: Dây an toàn, túi không khí, cửa sổ, hãm xung;

- Sản xuất ghế ngồi trong xe;

- Sản xuất thiết bị điện cho xe có động cơ như máy phát điện, máy dao điện, phích cắm sáng, hệ thống dây đánh lửa, hệ thống cửa sổ và cửa ra vào điện, lắp đặt các thiết bị đo lường vào động cơ, điều chỉnh nguồn điện...

Loại trừ:

- Sản xuất các loại xăm được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su);
- Sản xuất vòi và dây đeo bằng cao su và các sản phẩm từ cao su khác được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su) ;
- Sản xuất pin cho động cơ được phân vào nhóm 27200 (Sản xuất pin và ắc quy);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho xe có động cơ được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);
- Sản xuất pít tông, vòng pít tông và bộ chế hoà khí được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));
- Sản xuất máy bơm cho xe có động cơ và động cơ được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác);
- Bảo dưỡng, sửa chữa và thay đổi nhỏ cho xe có động cơ được phân vào nhóm 45200 (Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác).

30: SẢN XUẤT PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁC

Ngành này gồm: Sản xuất thiết bị vận tải để đóng tàu và sản xuất thuyền, sản xuất đầu máy xe lửa và lăn đường ray, sản xuất tàu vũ trụ, máy bay và sản xuất các phụ tùng của chúng.

301: Đóng tàu và thuyền

Nhóm này gồm: Đóng tàu, thuyền và các cấu kiện nổi khác dùng cho vận tải và các mục đích thương mại khác cũng như cho mục đích thể thao và giải trí.

3011 - 30110: Đóng tàu và cấu kiện nổi

Nhóm này gồm: Đóng tàu, trừ tàu cho thể thao hoặc giải trí và xây dựng cấu kiện nổi.

Cụ thể:

- Đóng tàu thương mại: Tàu chở khách, phà, tàu chở hàng, xà lan, tàu đất...
- Đóng tàu chiến;
- Đóng tàu đánh cá và tàu chế biến cá.

Nhóm này cũng gồm:

- Đóng tàu di chuyển bằng đệm không khí (trừ loại tàu dùng cho giải trí);
- Xây dựng dàn khoan, tàu nổi hoặc tàu lặn;
- Thiết lập cấu kiện nổi: Sàn tàu nổi, thuyền phao, giếng kín, giàn nổi, phao cứu đắm, xà lan nổi, xà lan bốc dỡ hàng, cần trục nổi, mảng hơi không thể tái tạo...
- Sản xuất các bộ phận cho tàu và cho cấu kiện nổi.

Loại trừ:

- Sản xuất các bộ phận cho tàu không phải bộ phận thân tàu chính như:
 - + Sản xuất buồm được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)),
 - + Sản xuất tàu chân vịt được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu),
 - + Sản xuất mỏ neo thép hoặc sắt được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu),
 - + Sản xuất động cơ tàu thủy được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).
- Sản xuất dụng cụ cho hải quân được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho tàu được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);
- Sản xuất động cơ cho thủy phi cơ được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất xuồng hơi hoặc bè mảng cho giải trí được phân vào nhóm 30120 (Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí);
- Sửa chữa đặc biệt và bảo dưỡng cho tàu và hệ thống nổi được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));
- Phá tàu cũ được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);
- Lắp đặt bên trong cho thuyền được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng).

3012 - 30120: Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xuồng hơi và bè mảng;
- Đóng thuyền buồm có hoặc không có trợ lực;
- Đóng xuồng máy;
- Đóng tàu đệm không khí dùng cho giải trí;
- Đóng thủy phi cơ cá nhân;
- Đóng tàu du lịch và thuyền thể thao khác như: Thuyền bơi, ca nô, xuồng.

Loại trừ:

- Sản xuất bộ phận của tàu du lịch và tàu thể thao như:
 - + Sản xuất buồm được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)),

+ Sản xuất mỏ neo sắt hoặc thép được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu),

+ Sản xuất động cơ tàu thủy được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)),

- Sản xuất ván thuyền buồm và ván lướt sóng được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao),

- Bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay đổi tàu du lịch được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)).

302 - 3020 - 30200: Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đầu máy điện, đầu điêzen, hơi nước và đầu máy xe lửa khác;

- Sản xuất toa khách xe lửa hoặc xe điện tự động, xe tải và toa trần, bảo dưỡng hoặc dịch vụ;

- Sản xuất toa xe điện hoặc xe lửa nói chung, không tự động như: Toa hành khách, toa chở hàng hoá, toa thùng, toa tải hàng tự phóng điện, vòi lấy nước, toa nước...

- Sản xuất những bộ phận đặc biệt của đầu máy và toa xe lửa như: Giá chuyển hướng, trục xe và bánh xe, phanh và các bộ phận của phanh; moóc và các bộ phận nối, giảm xóc và các bộ phận giảm xóc; thùng và khung toa; thân, nối hành lang, thiết bị chiếu sáng...

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất hiệu lệnh cơ khí và điện tử, thiết bị điều khiển giao thông và an toàn cho tàu hoả, tàu điện, đường bộ, đường thủy, các phương tiện đỗ và sân bay;

- Sản xuất đầu máy trong khai thác mỏ và các xe chạy đường ray dùng trong khai thác mỏ;

- Sản xuất chỗ ngồi tàu hoả.

Loại trừ:

- Sản xuất đường ray chưa lắp ráp được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang);

- Sản xuất thiết bị cố định đường ray được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu).

- Sản xuất động cơ điện được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);

- Sản xuất hiệu lệnh điện tử thiết bị điều khiển giao thông và an toàn, được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất động cơ và tuabin được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).

303 - 3030 - 30300: Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy bay vận tải hàng hoá và hành khách, cho mục đích quốc phòng, cho thể thao và các mục đích khác;

- Sản xuất máy bay trực thăng;

- Sản xuất tàu lượn, khung điều tàu lượn;

- Sản xuất khí cầu điều khiển được và khí cầu đốt nóng không khí;

- Sản xuất các bộ phận và phụ tùng của máy bay như:

+ Linh kiện chính như thân máy bay, cánh, cửa, bề mặt điều khiển, thiết bị hạ cánh, thùng nhiên liệu, vỏ động cơ máy bay, thiết bị chiếu sáng...

+ Cánh quạt máy bay, khối quay máy bay lên thẳng và khối động cơ đẩy,

+ Máy và động cơ trên máy bay,

+ Các bộ phận của máy bay phản lực và tuabin phản lực cánh quạt cho máy bay,

- Sản xuất phụ tùng hạ cánh máy bay, bộ phận hãm...

- Sản xuất máy bay đào tạo phi công dưới đất;

- Sản xuất tàu vũ trụ và động cơ hạ cánh tàu vũ trụ, vệ tinh nhân tạo, tàu thăm dò vũ trụ không người lái, trạm quỹ đạo, tàu con thoi;

- Sản xuất tên lửa đạn đạo xuyên lục địa (ICBM) và các tên lửa tương tự.

Nhóm này cũng gồm:

- Đại tu và thay đổi máy bay hoặc động cơ máy bay;

- Sản xuất ghế ngồi cho máy bay.

Loại trừ:

- Sản xuất dù được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));

- Sản xuất đạn quân sự được phân vào nhóm 25200 (Sản xuất vũ khí và đạn dược);

- Sản xuất thiết bị viễn thông cho vệ tinh nhân tạo được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị máy bay và thiết bị hàng không được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất hệ thống điều khiển không quân được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho máy bay được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất các bộ phận đánh lửa và các bộ phận điện khác cho động cơ đốt trong được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất pít tông, vòng pít tông và bộ chế hoà khí được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất phụ tùng hạ cánh máy bay, máy phóng máy bay và thiết bị liên quan được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

304 - 3040 - 30400: Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xe tăng;

- Sản xuất thiết bị quân sự dùng cả cho địa hình dưới nước và trên cạn có trang bị;

- Sản xuất các xe chiến đấu quân sự khác.

Loại trừ: Sản xuất vũ khí và đạn dược được phân vào nhóm 25200 (Sản xuất vũ khí và đạn dược).

309: Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị vận tải ngoài xe có động cơ, thiết bị vận tải đường sắt, đường thủy, đường không hoặc vũ trụ và thiết bị quân sự.

3091 - 30910: Sản xuất mô tô, xe máy

Nhóm này gồm:

- Sản xuất mô tô, xe máy có bàn đạp hoặc xe đạp có một động cơ hỗ trợ;

- Sản xuất động cơ cho xe mô tô;

- Sản xuất xe thùng;

- Sản xuất bộ phận và phụ tùng của xe mô tô.

Loại trừ:

- Sản xuất xe đạp được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);

- Sản xuất xe cho người khuyết tật được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật).

3092 - 30920: Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xe đạp không có động cơ và các xe đạp khác, bao gồm xe đạp ba bánh (chuyên chở), xe nhiều người ngồi, xe đạp hai bánh và xe ba bánh cho trẻ em;

- Sản xuất các bộ phận và phụ tùng xe đạp;
- Sản xuất xe cho người khuyết tật có hoặc không có động cơ;
- Sản xuất bộ phận và phụ tùng xe cho người khuyết tật;
- Sản xuất xe nôi cho trẻ sơ sinh.

Loại trừ:

- Sản xuất xe đạp với động cơ phụ trợ được phân vào nhóm 30910 (Sản xuất mô tô, xe máy);
- Sản xuất đồ chơi có tay lái, bao gồm xe đạp và xe ba bánh bằng nhựa được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

3099 - 30990: Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xe kéo bằng động vật: Xe lừa kéo, xe trâu bò kéo...;
- Xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị và các loại tương tự.

Loại trừ:

- Xe tải sử dụng trong các nhà máy có được lắp đặt với thiết bị nâng nhấc hay không, hay được kéo bằng tay (bao gồm xe tải kéo tay) được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp);
- Xe kéo trang trí trong nhà hàng, như xe chở thức ăn được phân vào nhóm 3100 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế).

31: SẢN XUẤT GIƯỜNG, TỦ, BÀN, GHẾ

Ngành này gồm:

Sản xuất đồ đạc và các thiết bị có liên quan bằng các loại chất liệu trừ đá, bê tông, gốm. Quá trình này được sử dụng trong sản xuất thiết bị nội thất bằng phương pháp tiêu chuẩn lắp đặt vật liệu và linh kiện, bao gồm cắt, đục, dát. Thiết kế các chi tiết, về cả thẩm mỹ và chức năng, là một nội dung quan trọng trong quá trình sản xuất.

Một số công đoạn trong sản xuất thiết bị nội thất cũng tương tự như quá trình sản xuất trong các công đoạn sản xuất khác. Ví dụ, quá trình cắt và lắp đặt trong sản xuất gỗ được phân ở ngành 16 (Sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ). Tuy nhiên, nhiều quá trình sản xuất phân biệt sản xuất thiết bị nội thất gỗ với sản xuất các sản phẩm gỗ. Tương tự, sản xuất thiết bị nội thất kim loại sử dụng kỹ thuật sản xuất sản phẩm hình cuộn được phân vào ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)). Quá trình đúc thiết bị nội thất bằng nhựa cũng tương tự như đúc các sản phẩm nhựa khác. Tuy nhiên, sản xuất thiết bị nội thất bằng nhựa có thể là một hoạt động đặc biệt.

310 - 3100: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế*31001: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ*

Nhóm này gồm: Sản xuất đồ đạc các loại bằng gỗ ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau.

Cụ thể:

- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho văn phòng, phòng làm việc, khách sạn, nhà hàng, nơi công cộng và gia dụng;
- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho nhà hát, rạp chiếu phim;
- Sản xuất ghế và chỗ ngồi cho thiết bị vận tải bằng gỗ;
- Sản xuất ghế xôfa, giường xôfa và bộ xôfa;
- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ trong vườn;
- Sản xuất đồ nội thất bằng gỗ đặc biệt cho cửa hàng: quầy thu tiền, giá trưng bày, kệ, ngăn, giá...
- Sản xuất đồ đạc văn phòng bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc nhà bếp bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc gỗ cho phòng ngủ, phòng khách, vườn...
- Sản xuất tủ gỗ cho máy khâu, tivi...
- Sản xuất ghế dài, ghế đầu cho phòng thí nghiệm, chỗ ngồi khác cho phòng thí nghiệm, đồ đạc cho phòng thí nghiệm (như tủ và bàn);
- Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho y tế, phẫu thuật, nha sĩ và thú y;
- Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoàn thiện việc bọc ghế và chỗ ngồi bằng gỗ bằng vật liệu dùng để bọc đồ đạc;
- Hoàn thiện đồ gỗ nội thất như phun, vẽ, đánh xi và nhồi đệm;
- Sản xuất đồ đỡ đệm bằng gỗ;
- Gia công một số chi tiết cho sản phẩm tủ thờ.

31002: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại

Nhóm này gồm:

Sản xuất các đồ đạc như trên bằng kim loại ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau.

31009: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác

Nhóm này gồm:

Sản xuất các đồ đạc như trên bằng các loại chất liệu (trừ gỗ, đá, bê tông và gốm) ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau như:

Loại trừ:

- Sản xuất gói, nệm, chăn, chăn lông vịt được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));
- Sản xuất đệm cao su hơi được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);
- Sản xuất đồ đặc bằng gốm, bê tông và đá được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác), 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao), 23960 (Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng hoặc đèn được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);
- Sản xuất ghế ô tô, ghế tàu hỏa, ghế máy bay được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác), 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe), 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);
- Bảng đen được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính));
- Lắp đặt, bộ phận lắp đặt và phụ tùng lắp đặt, lắp đặt thiết bị đồ đặc thu viện được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng).

32: CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO KHÁC

Ngành này gồm: Sản xuất các loại sản phẩm khác nhau không nằm ở các phân khác trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân. Vì đây là một nhóm dư ra, nên các quá trình sản xuất, các nguyên liệu đầu vào và sử dụng các sản phẩm sản xuất có thể thay đổi rất rộng và các tiêu chí thông thường để phân các nhóm không được áp dụng.

321: Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan

Nhóm này gồm: Sản xuất đồ trang sức và trang sức mỹ ký.

3211 - 32110: Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan

Nhóm này gồm:

- Sản xuất ngọc trai nhân tạo;
- Sản xuất đá quý và đá bán quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán quý tái phục hồi hoặc nhân tạo;
- Làm kim cương;
- Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý hoặc đá quý hoặc đá nửa quý, hoặc kim loại quý tổng hợp và đá quý hoặc đá nửa quý hoặc các kim loại khác;
- Sản xuất các chi tiết vàng bạc bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý như: Đồ ăn như dao, đĩa, thìa bát đĩa..., ấm chén, các chi tiết vệ sinh, các chi tiết trong văn phòng, các chi tiết sử dụng trong tôn giáo...

- Sản xuất các chi tiết kỹ thuật hoặc thí nghiệm bằng kim loại quý (trừ dụng cụ hoặc các phần tương tự): nồi nấu kim loại, bàn xẻng, thử cực dương của kim loại...

- Đồng hồ bằng kim loại (quý); cổ tay áo, dây đồng hồ, hộp thuốc lá;

- Sản xuất đồng xu, bao gồm đồng xu dùng trong các phiên đấu thầu pháp lý, bằng hoặc không bằng kim loại quý.

Nhóm này cũng gồm: Chạm khắc sản phẩm kim loại quý hoặc không quý của cá nhân .

Loại trừ:

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim loại (bằng da, nhựa...) được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi sách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);

- Sản xuất các chi tiết bằng kim loại cơ sở mạ kim loại quý được phân vào ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);

- Sản xuất hộp đồng hồ được phân vào nhóm 2652 (Sản xuất đồng hồ);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất đồ trang sức giả được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan).

3212 - 32120: Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan

Nhóm này gồm:

- Sản xuất y phục hoặc đồ trang sức giả như:

+ Nhẫn, vòng tay, vòng cổ và các chi tiết trang sức tương tự được làm từ tấm kim loại thường mạ kim loại quý,

+ Đồ trang sức bao gồm đá giả như đá ngọc giả, kim cương giả...

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại (trừ kim loại quý).

Loại trừ:

- Sản xuất đồ trang sức từ kim loại quý hoặc mạ kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất đồ trang sức bao gồm đá ngọc thật được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

322 - 3220 - 32200: Sản xuất nhạc cụ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đàn dây;

- Sản xuất dụng cụ bàn phím có dây, bao gồm cả piano tự động;
- Sản xuất đàn hộp có bàn phím, bao gồm đàn hơi và các đàn có bàn phím tương tự;
- Sản xuất đàn accoóc và dụng cụ tương tự, bao gồm đàn thổi bằng miệng;
- Sản xuất đàn gió;
- Sản xuất nhạc khí gỗ;
- Sản xuất nhạc cụ âm thanh, âm thanh được tạo ra bằng điện;
- Sản xuất đàn hộp;
- Sản xuất các phụ tùng nhạc cụ như: Máy nhíp, âm thoa, ống sáo điều chỉnh âm điệu, thẻ, đĩa nhạc và các cuộn cho dụng cụ cơ khí tự động...

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất sáo, còi và các dụng cụ thổi khác.

Loại trừ:

- Tái sản xuất đĩa, băng video và thu âm thanh được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);
- Sản xuất microphone, âmly, loa phóng thanh, tai nghe và các bộ phận tương tự, được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất thiết bị ghi, thu thanh và tương tự được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất đồ chơi dạng nhạc cụ được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);
- Sản xuất đàn oóc và các dụng cụ âm nhạc lịch sử khác được phân vào nhóm 33190 (Sửa chữa thiết bị khác);
- Xuất bản đĩa, băng video và thu âm thanh được phân vào nhóm 59200 (Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc);
- Sản xuất điều chỉnh âm thanh piano được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

323 - 3230 - 32300: Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao

Nhóm này gồm: Sản xuất dụng cụ thể thao và điền kinh (trừ trang phục và giày, dép).

Cụ thể:

- Sản xuất các chi tiết và thiết bị cho thể thao, cho các cuộc thi đấu trong nhà và ngoài trời, bằng mọi loại chất liệu như:
 - + Bóng cứng, mềm và bóng cao su,
 - + Vợt, gậy đánh gôn,

- + Ván trượt tuyết, sào, cọc chèo thuyền,
- + Thuyền buồm, thuyền lướt sóng,
- + Dụng cụ cần thiết cho câu cá, bao gồm cả lưới,
- + Dụng cụ cần thiết cho săn bắn, leo núi...
- + Găng tay da thể thao và mũ thể thao,
- + Giày trượt băng...
- + Cung, nỏ,
- + Phòng tập thể dục, thể hình hoặc thiết bị điền kinh.

Loại trừ:

- Sản xuất buồm được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));
- Sản xuất quần áo thể thao được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));
- Sản xuất yên cương và bộ yên cương được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);
- Sản xuất roi và tay cầm của roi đua được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);
- Sản xuất giày thể thao được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày dép);
- Sản xuất vũ khí và đạn dược cho thể thao được phân vào nhóm 25200 (Sản xuất vũ khí và đạn dược);
- Sản xuất cân kim loại được sử dụng cho môn cử tạ được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất xe đạp thể thao không phải xe trượt băng và các loại xe tương tự được phân vào ngành 29 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác) và 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác);
- Sản xuất thuyền được phân vào nhóm 30120 (Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí);
- Sản xuất bàn bi-a và dụng cụ ném bóng được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);
- Sản xuất nút tai và nút tránh tiếng ồn (ví dụ cho bơi lội hoặc bảo vệ khỏi tiếng ồn) được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

324 - 3240 - 32400: Sản xuất đồ chơi, trò chơi

Nhóm này gồm:

Sản xuất búp bê, đồ chơi, như búp bê hoàn chỉnh, các bộ phận của búp bê, quần áo búp bê, phần chuyển động, đồ chơi, trò chơi (gồm cả điện), xe đạp trẻ con (trừ xe đạp bằng kim loại và xe ba bánh).

Cụ thể:

- Sản xuất búp bê và quần áo, phụ kiện cho búp bê;
- Sản xuất đồ chơi động vật;
- Sản xuất đồ chơi có bánh xe được thiết kế để cưỡi, bao gồm xe đạp và xe ba bánh;
- Sản xuất dụng cụ đồ chơi âm nhạc;
- Sản xuất các chi tiết cho hội chợ vui chơi, trên bàn hoặc trong phòng;
- Sản xuất bài tây;
- Sản xuất bàn để chơi trò bắn đạn, chơi xu, bi-a, bàn đặc biệt cho casino...
- Sản xuất trò chơi điện tử: video giải trí, cờ...
- Sản xuất kiểu thu nhỏ và kiểu tái tạo tương tự, tàu điện điện tử, bộ xây dựng...
- Sản xuất trò chơi câu đố...

Loại trừ:

- Sản xuất các chương trình trò chơi video được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất xe đạp được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);
- Viết và xuất bản phần mềm cho trò chơi video giải trí được phân vào nhóm 58200 (Xuất bản phần mềm), 62010 (Lập trình máy vi tính).

325 - 3250: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng

Nhóm này gồm:

Sản xuất các dụng cụ và đồ đạc thí nghiệm, dụng cụ y tế và phẫu thuật, các thiết bị và dụng cụ phẫu thuật, thiết bị nha khoa, thuật chỉnh răng, răng giả và các dụng cụ chỉnh răng, dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Loại trừ: Sản xuất xe lăn được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật).

32501: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất màn phẫu thuật;
- Sản xuất chất hàn răng và bột xi măng hàn răng (trừ chất dính răng giả hoặc bột hàn răng giả), sáp nha khoa và điều chế bột thạch cao nha khoa khác;
- Sản xuất lò thí nghiệm nha khoa;

- Sản xuất máy làm sạch siêu âm trong phòng thí nghiệm;
- Sản xuất máy khử trùng trong phòng thí nghiệm, máy li tâm phòng thí nghiệm;
- Sản xuất dụng cụ y tế, nha khoa, phẫu thuật hoặc thú y, như:
 - + Bàn mổ,
 - + Bàn khám nghiệm,
 - + Giường bệnh với các thiết bị kèm theo,
 - + Ghế chữa răng.
- Sản xuất mảng và đinh vít cho xương, ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiêu, ống thông dò...
- Sản xuất dụng cụ nha khoa bao gồm cả ghế nha khoa có kèm các thiết bị nha khoa;
 - Sản xuất răng, sống mũi... nhân tạo được làm từ thí nghiệm nha khoa;
 - Sản xuất mắt thuỷ tinh;
 - Sản xuất nhiệt kế y tế.
- Dụng cụ chỉnh răng, kính mắt, kính râm, thấu kính, thấu kính hội tụ, bảo vệ mắt...

32502: Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng

Nhóm này gồm:

Sản xuất dụng cụ chỉnh hình như: Nạng, thắt lưng và băng giữ ngoại khoa, giấy và corset chỉnh hình, nẹp và những thiết bị bó xương khác, thiết bị giúp ích cho người bệnh ví dụ: Máy giúp cho người khuyết tật đi lại, máy nghe cho người điếc.

Sản xuất chân tay giả và các bộ phận giả khác của cơ thể...

329 - 3290 - 32900: Sản xuất khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như:
 - + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn,
 - + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác,
 - + Sản xuất phao cứu sinh,
 - + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao),
 - + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy),
 - + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác,

- + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn),
- + Sản xuất mặt nạ khí ga.
- Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...
- Sản xuất bàn chải giày, quần áo;
- Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không;
- Sản xuất lõi bút chì;
- Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính;
- Sản xuất găng tay;
- Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ;
- Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt;
- Sản xuất tẩu hút xì gà;
- Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tẩu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọ chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày;
- Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sây, manơ canh...
- Hoạt động nhồi bông thú,
- Làm con dấu.

Loại trừ:

- Sản xuất bắc đèn được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất quần áo lao động và phục vụ (ví dụ đồng phục, áo khoác trong phòng thí nghiệm) được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));
- Sản xuất hình nộm bằng giấy được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

33: SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG VÀ LẮP ĐẶT MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ

Ngành này gồm:

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc và thiết bị công nghiệp nhằm khôi phục lại máy móc thiết bị và các sản phẩm khác. Việc bảo dưỡng chung hay định kỳ các sản phẩm này đảm bảo chúng hoạt động hiệu quả và tránh các hỏng hóc và sửa chữa không cần thiết;

- Các hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng chuyên dụng. Một khối lượng khá lớn công việc sửa chữa cũng được các nhà sản xuất các sản phẩm máy móc thiết bị thực hiện, trong các trường hợp này việc xếp đơn vị tham gia vào các hoạt động sửa chữa và sản xuất này sẽ dựa vào nguyên tắc giá trị gia tăng mà theo thói thường các hoạt động kết hợp này thường được xếp vào sản xuất hàng hoá. Nguyên tắc tương tự cũng được áp dụng với hoạt động thương mại và sửa chữa kết hợp;

- Tái tạo và tái sản xuất máy móc thiết bị cũng được coi là hoạt động sản xuất;

- Sửa chữa và bảo dưỡng hàng hoá là tài sản cố định cũng như đồ tiêu dùng được phân vào sửa chữa và bảo dưỡng đồ gia dụng (ví dụ sửa chữa thiết bị văn phòng hay đồ nội thất, xem 95240 (Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự).

Ngành này cũng gồm: Lắp đặt chuyên biệt máy móc. Tuy nhiên, việc lắp đặt thiết bị là một phần không thể tách rời của nhà cửa hoặc cấu trúc tương tự như lắp đặt đường dây, lắp đặt hệ thống điều hoà không khí được phân vào phần xây dựng.

Loại trừ:

- Làm sạch máy công nghiệp được phân vào nhóm 81290 (Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt);

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và thiết bị liên lạc được phân vào nhóm 951 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị liên lạc);

- Sửa chữa và bảo dưỡng đồ dùng gia đình được phân vào nhóm 952 (Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình).

331: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn

Nhóm này gồm: Sửa chữa và bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc và thiết bị gồm sửa chữa chuyên môn các sản phẩm sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo với mục đích khôi phục lại các sản phẩm kim loại, máy móc, thiết bị này và các sản phẩm khác đi vào hoạt động.

Nhóm này cũng gồm: Việc bảo dưỡng chung hay định kỳ các sản phẩm này đảm bảo chúng hoạt động hiệu quả và tránh các hỏng hóc và sửa chữa không cần thiết.

Loại trừ:

- Tái sản xuất hoặc tái chế tạo máy móc, thiết bị được phân vào mã tương ứng trong các ngành từ 25 đến 31;

- Làm sạch máy công nghiệp được phân vào nhóm 81290 (Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt);

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và thiết bị liên lạc được phân vào nhóm 951 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị liên lạc);

- Sửa chữa và bảo dưỡng đồ dùng gia đình được phân vào nhóm 952 (Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình).

3311 - 33110: Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa và bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn của ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)) như:

+ Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng đường ống,

+ Sửa chữa hàn cơ động,

+ Sửa chữa các thùng hàng hoá bằng thép của tàu thủy,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng các máy phát chạy hơi nước và khí khác.

- Sửa chữa và bảo dưỡng các bộ phận phụ cho việc sử dụng máy phát chạy hơi nước như: Tụ điện, bộ phận tiết kiệm (xăng...), nồi đun sôi, bộ thu nhiệt, ắc quy;

- Sửa chữa và bảo dưỡng lò phản ứng hạt nhân, loại trừ máy tách chất đồng vị;

- Sửa chữa và bảo dưỡng nồi hơi điện hoặc dùng cho ngành hàng hải;

- Sửa chữa các nồi hơi trung tâm và bộ tản nhiệt;

- Sửa chữa và bảo dưỡng vũ khí và quân nhu (bao gồm sửa chữa súng thể thao và giải trí);

- Sửa chữa và bảo dưỡng các xe chở hàng, các thiết bị bốc dỡ nguyên, vật liệu, v.v... cho các tổ chức.

Loại trừ:

- Sửa chữa hệ thống lò sưởi trung tâm được phân vào nhóm 4322 (Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí);

- Dịch vụ thợ khoá được phân vào nhóm 80200 (Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn).

3312 - 33120: Sửa chữa máy móc, thiết bị

Nhóm này gồm:

Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp như mài hoặc lắp đặt lưới và răng cưa máy móc công nghiệp hoặc thương mại hoặc cung cấp dịch vụ hàn sửa chữa (ví dụ như động cơ); sửa chữa máy móc thiết bị công nghiệp, nông nghiệp và các máy móc nặng khác (ví dụ thiết bị bốc dỡ vật liệu và xe nâng, các công cụ máy, thiết bị làm lạnh thương mại, thiết bị xây dựng và máy móc khai thác mỏ), bao gồm cả máy móc thiết bị của ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu).

Cụ thể:

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện động cơ không tự động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy bơm và thiết bị có liên quan;
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị sử dụng điện năng từ thủy lực;
- Sửa chữa van;
- Sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bánh răng và các bộ phận chuyển động của xe;
- Sửa chữa và bảo dưỡng các lò luyện trong công nghiệp;
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị vận chuyển bốc dỡ vật liệu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc dùng chung cho mục đích thương mại;
- Sửa chữa các dụng cụ cầm tay chạy điện khác;
- Sửa chữa và bảo dưỡng các dụng cụ và phụ tùng máy móc cắt kim loại và tạo hình kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng các dụng cụ máy móc khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa máy kéo nông nghiệp;
- Sửa chữa máy nông nghiệp và máy lâm nghiệp và lấy gỗ;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy luyện kim;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng và khí đốt;
- Sửa chữa máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy là hàng dệt, quần áo và da;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy làm giấy;
- Sửa chữa và bảo dưỡng các máy móc dùng cho mục đích chuyên dụng khác của ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu);
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị cân;
- Sửa chữa máy dùng để tính;
- Sửa chữa máy dùng để cộng, máy thu tiền;
- Sửa chữa máy tính có dòng điện hoặc không dòng điện;
- Sửa chữa máy chữ;
- Sửa chữa máy photocopy.

Loại trừ:

Lắp đặt các lò luyện trong công nghiệp và thiết bị đốt nóng khác được phân vào nhóm 4322 (Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí).

3313 - 33130: Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học

Nhóm này gồm:

Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị của nhóm 265 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ), 266 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp) và 267 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học), trừ những thiết bị được coi là đồ gia dụng;

- Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển của nhóm 265 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ); Cụ thể:

- + Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị động cơ máy bay;
- + Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị kiểm tra bộ phận thoát khí tự động;
- + Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị khí tượng;
- + Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị kiểm tra và giám sát các tính chất hoá học, vật lý và điện;
- + Sửa chữa và bảo dưỡng các công cụ dùng để điều tra;
- + Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị kiểm tra và phát hiện bức xạ.

Nhóm này cũng gồm:

- Sửa chữa các dụng cụ và thiết bị chiếu chụp X quang, điện liệu pháp, điện y của nhóm 2660 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp); cụ thể:

- + Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị hình ảnh cộng hưởng từ trường,
- + Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị siêu âm y tế,
- + Sửa chữa và bảo dưỡng máy điều hoà nhịp tim,
- + Sửa chữa và bảo dưỡng máy trợ thính,
- + Sửa chữa và bảo dưỡng máy đo nhịp tim bằng điện,
- + Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị nội soi,
- + Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chiếu chụp.

- Sửa chữa các dụng cụ và thiết bị quang học, tức là các thiết bị của nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học) như kính lúp, ống nhòm, kính hiển vi (loại trừ loại dùng nghiên cứu electron và proton), kính thiên văn, lăng kính, và thấu kính (loại trừ kính mắt), thiết bị chụp ảnh, nếu việc sử dụng chủ yếu trong thương mại.

Loại trừ:

- Sửa chữa máy photocopy được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa máy móc, thiết bị);
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 95110 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
- Sửa chữa máy chiếu của máy tính được phân vào nhóm 95110 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị liên lạc được phân vào nhóm 95120 (Sửa chữa thiết bị liên lạc);
- Sửa chữa tivi và máy quay video thương mại được phân vào nhóm 95120 (Sửa chữa thiết bị liên lạc);
- Sửa chữa máy quay video loại dùng cho gia đình được phân vào nhóm 95210 (Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng);
- Sửa chữa các loại đồng hồ được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

3314 - 33140: Sửa chữa thiết bị điện

Nhóm này gồm:

Sửa chữa và bảo dưỡng các hàng hoá của ngành 27, trừ các sản phẩm trong nhóm 2750 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

Cụ thể:

- Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt,
- Sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện và bộ mô tơ máy phát điện,
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi,
- Sửa chữa và bảo dưỡng các role và bộ điều khiển công nghiệp,
- Sửa chữa và bảo dưỡng pin và ắc quy,
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng,
- Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện.

Loại trừ:

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính được phân vào nhóm 95110 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị viễn thông được phân vào nhóm 95120 (Sửa chữa thiết bị liên lạc);
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện tử tiêu dùng được phân vào nhóm 95210 (Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng);

- Sửa chữa các loại đồng hồ được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

3315 - 33150: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị vận tải của ngành 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác), trừ mô tô và xe đạp. Tuy nhiên, việc đóng lại hoặc đại tu tại nhà máy tàu thủy, đầu máy, ô tô và máy bay được phân vào ngành 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác);

- Sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ tàu thuyền;

- Sửa chữa và bảo dưỡng thuyền giải trí;

- Sửa các đầu máy xe lửa và toa xe (loại trừ việc làm mới hoặc chuyển đổi).

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy bay (loại trừ việc chuyển đổi, khảo sát và đại tu, làm mới);

- Sửa chữa và bảo dưỡng các động cơ máy bay;

- Sửa chữa xe ngựa và xe kéo bằng súc vật;

- Sửa chữa ghe xuồng.

Loại trừ:

- Tái tạo tàu thuyền tại nhà máy được phân vào nhóm 301 (Đóng tàu và thuyền);

- Tái tạo đầu máy và xe chạy đường sắt được phân vào nhóm 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe);

- Sửa chữa máy bay tại nhà máy được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);

- Việc cạo gỉ và tháo dỡ tàu được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Sửa chữa và bảo dưỡng mô tô và xe máy được phân vào nhóm 454 (Bán, bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Sửa xe đạp được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

3319 - 33190: Sửa chữa thiết bị khác

Nhóm này gồm: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị không nằm trong các mã khác của nhóm này.

Cụ thể:

- Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi;

- Sửa chữa dây, đòn bẫy, buồm, mái che;
- Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất;
- Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự;
- Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự;
- Phục hồi đàn organ và nhạc cụ tương tự.

Loại trừ:

- Sửa chữa các loại đồ dùng gia đình và văn phòng, tân trang các đồ đạc được phân vào nhóm 95240 (Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự);
- Sửa xe đạp được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu);
- Sửa quần áo được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

332 - 3320 - 33200: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Nhóm này gồm:

Lắp đặt máy móc chuyên dụng. Tuy nhiên, việc lắp đặt thiết bị là bộ phận không thể thiếu của các toà nhà hoặc các cấu trúc tương tự, như lắp đặt dây dẫn điện, hệ thống chuông báo trộm hay lắp đặt hệ thống điều hòa, thang máy được xếp vào xây dựng.

Cụ thể:

- Lắp đặt máy công nghiệp trong các nhà máy công nghiệp;
- Lắp đặt thiết bị kiểm soát quá trình công nghiệp;
- Tháo dỡ các máy móc và thiết bị cỡ lớn;
- Lắp đặt thiết bị máy;
- Lắp đặt các thiết bị chơi bowling...

D: SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Ngành này gồm:

- Hoạt động phân phối năng lượng điện, khí tự nhiên, hơi nước và nước nóng thông qua một hệ thống ống dẫn, đường dây ổn định lâu dài (mạng lưới). Chiều dài của mạng lưới này không quan trọng; ở đây cũng bao gồm cả việc cung cấp điện, khí đốt, hơi nước, nước nóng và các loại tương tự trong khu công nghiệp hoặc khu nhà ở cao tầng;

- Hoạt động cung cấp điện và ga, bao gồm thu thập, giám sát và phân phối điện, ga. Nó cũng bao gồm cung cấp hơi nước và điều hoà không khí.

Loại trừ:

- Hoạt động cung cấp nước, hơi nước được phân vào ngành 36 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước), 37 (Thoát nước và xử lý nước thải);

- Vận chuyển gas qua đường dây (chủ yếu là đường dài).

35: SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

351: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

3511: Sản xuất điện

Nhóm này gồm: Việc sản xuất điện năng với số lượng lớn như hoạt động của các cơ sở sản xuất điện; bao gồm nhiệt điện, điện hạt nhân, thủy điện, tua bin khí, điêzen

Loại trừ: Sản xuất điện thông qua đốt rác, được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại).

35111: Thủy điện

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng nước;

35112: Nhiệt điện than

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ than đá;

35113: Nhiệt điện khí

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ khí thiên nhiên;

35114: Điện hạt nhân

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng hạt nhân;

35115: Điện gió

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng gió;

35116: Điện mặt trời

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời;

35119: Điện khác

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ các dạng năng lượng khác, chưa được phân vào đâu: sóng biển, thủy triều, diezen...

3512: Truyền tải và phân phối điện

Nhóm này gồm: Việc chuyển điện từ nơi sản xuất đến các trung tâm phân phối và phân phối đến người sử dụng cuối cùng.

35121: Truyền tải điện

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các hệ thống truyền tải vận chuyển điện từ nơi sản xuất đến hệ thống phân phối;

- Hoạt động trao đổi điện và khả năng truyền tải điện.

35122: Phân phối điện

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của hệ thống phân phối (tức là gồm có các tuyến dây, cột, đồng hồ đo và dây dẫn) vận chuyển điện từ nơi sản xuất hoặc hệ thống truyền tải đến người tiêu dùng cuối cùng;
- Bán điện cho người sử dụng;
- Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác;

352-3520 : Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khí đốt, phân phối khí tự nhiên hoặc tổng hợp tới người tiêu dùng cuối cùng thông qua một hệ thống đường ống chính. Các nhà kinh doanh hoặc môi giới sắp xếp việc bán khí tự nhiên qua hệ thống phân phối do người khác điều hành cũng thuộc nhóm này.

- Các hoạt động cung cấp gas riêng biệt bằng đường ống dẫn khí, chủ yếu là khoảng cách dài, nối người sản xuất với nhà phân phối khí hoặc giữa thành thị với nông thôn được phân vào nhóm hoạt động vận tải đường ống;

Loại trừ:

- Hoạt động của các lò than cốc được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc);
- Sản xuất các sản phẩm dầu tinh chế được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);
- Sản xuất khí đốt công nghiệp được phân vào nhóm 20111 (Sản xuất khí công nghiệp);
- Bán buôn nhiên liệu khí đốt được phân vào nhóm 4661 (Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan);
- Bán lẻ gas đựng trong chai được phân vào nhóm 4773 (Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh);
- Bán thẳng nhiên liệu được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);
- Vận chuyển gas theo đường ống (đường dài) được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

35201: Sản xuất khí đốt

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khí đốt cho mục đích cung cấp khí đốt từ than đá, phế phẩm của nông nghiệp hoặc rác thải;

- Sản xuất nhiên liệu khí với giá trị toả nhiệt đặc biệt từ quá trình lọc, pha trộn và các quá trình sản xuất khác các loại khí bao gồm cả khí tự nhiên;

35202: Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống

Nhóm này gồm:

- Vận chuyển, phân phối và cung cấp nhiên liệu khí các loại thông qua hệ thống ống dẫn chính;

- Bán khí đến người sử dụng thông qua ống dẫn chính;

- Hoạt động của các đại lý và nhà môi giới mà thu xếp việc mua bán khí đốt thông qua hệ thống phân phối của người khác;

- Mua bán, trao đổi nhiên liệu khí và khả năng vận chuyển nhiên liệu khí.

Loại trừ:

- Hoạt động của các lò than cốc được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc);

- Sản xuất các sản phẩm dầu tinh chế được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Sản xuất khí đốt công nghiệp được phân vào nhóm 20111 (Sản xuất khí công nghiệp);

- Bán buôn nhiên liệu khí đốt được phân vào nhóm 4661 (Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan);

- Bán lẻ gas đựng trong chai được phân vào nhóm 4773 (Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Bán thẳng nhiên liệu được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);

- Vận chuyển gas theo đường ống (đường dài) được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

353 - 3530: Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá

35301: Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí

Nhóm này gồm:

- Sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác;

- Sản xuất và phân phối không khí lạnh;

- Sản xuất và phân phối nước lạnh cho mục đích làm mát.

Loại trừ: Sản xuất đá làm thực phẩm hoặc không làm thực phẩm (làm mát) được phân vào nhóm 35302 (Sản xuất nước đá).

35302: Sản xuất nước đá

Nhóm này gồm: Sản xuất đá làm thực phẩm hoặc đá làm mát.

E: CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI

Ngành này gồm: Các hoạt động liên quan đến quản lý (bao gồm khai thác, xử lý và loại bỏ) các loại rác như rác thải công nghiệp, rác thải gia đình thể rắn hoặc không phải rắn cũng như các khu vực bị nhiễm bẩn. Đầu ra của quá trình xử lý rác hoặc nước thải có thể bị loại bỏ hoặc trở thành đầu vào của quá trình sản xuất khác. Các hoạt động cung cấp nước cũng được phân nhóm vào ngành này vì chúng thường được thực hiện liên quan với các đơn vị tham gia vào hoạt động xử lý nước thải.

36: KHAI THÁC, XỬ LÝ VÀ CUNG CẤP NƯỚC

Ngành này gồm: Khai thác, xử lý và phân phối nước cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Khai thác nước ở các nguồn khác nhau cũng như phân phối nước bằng các cách khác nhau.

360 - 3600 - 36000: Khai thác, xử lý và cung cấp nước

- Khai thác nước từ sông, hồ, ao...
- Thu nước mưa,
- Thanh lọc nước để cung cấp,
- Xử lý nước cho mục đích công nghiệp và các mục đích khác,
- Xử lý nước lợ, nước mặn để cung cấp nước như là sản phẩm chính,
- Cung cấp nước thông qua mạng lưới đường ống, bằng xe bồn chuyên chở hoặc các phương tiện khác,
- Hoạt động của các kênh tưới nước.

Loại trừ:

- Hoạt động của hệ thống tưới tiêu và thiết bị tưới tiêu cho mục đích nông nghiệp được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt),
- Xử lý nước thải để tránh ô nhiễm được phân vào nhóm 3700 (Thoát nước và xử lý nước thải),
- Vận chuyển nước qua ống dẫn (đường dài) được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

37: THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngành này gồm: Hoạt động của hệ thống cống rãnh hoặc các phương tiện xử lý nước thải để thu dọn, xử lý và tiêu huỷ nước thải.

370 - 3700: Thoát nước và xử lý nước thải

37001: Thoát nước

- Hoạt động của hệ thống thoát nước gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải.

- Thu gom và vận chuyên nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), khu dân cư nông thôn tập trung thông qua hệ thống thoát nước.

- Duy tu và bảo dưỡng hệ thống thoát nước.

37002: Xử lý nước thải

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các công trình xử lý nước thải, bùn thải.

- Xử lý nước thải, bùn thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải khác) bằng các công trình xử lý nước thải, bùn thải.

- Duy tu và bảo dưỡng các công trình xử lý nước thải, bùn thải.

38: HOẠT ĐỘNG THU GOM, XỬ LÝ VÀ TIÊU HỦY RÁC THẢI, TÁI CHẾ PHẾ LIỆU

Ngành này gồm: Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải. Nó còn gồm việc chuyên chở rác thải; gồm hoạt động của các cơ sở tái chế phế liệu (tức là việc phân loại sắp xếp các nguyên, vật liệu có thể giữ lại từ vật thải).

381: Thu gom rác thải

Nhóm này gồm: Việc thu gom rác thải từ hộ gia đình và các cơ sở kinh doanh bằng túi, xe rác và thùng chứa, v.v... Nó bao gồm việc thu gom rác thải độc hại và không độc hại ví dụ như rác thải từ hộ gia đình, ắc qui đã qua sử dụng, dầu và mỡ nấu đã qua sử dụng, dầu thải ra từ tàu thuyền và dầu đã dùng của các gara ô tô, rác thải từ công trình xây dựng và bị phá hủy.

3811 - 38110: Thu gom rác thải không độc hại

Nhóm này gồm:

- Thu gom các chất thải rắn không độc hại (rác từ nhà bếp) trong khu vực địa phương, như là việc thu gom các rác thải từ hộ gia đình và các cơ sở kinh doanh bằng các túi rác, xe rác, thùng chứa, v.v... có thể lẫn lộn cả các nguyên liệu có thể giữ lại để sử dụng;

- Thu gom các nguyên liệu có thể tái chế;

- Thu gom dầu và mỡ ăn đã qua sử dụng;

- Thu gom rác thải trong thùng rác ở nơi công cộng;

- Thu gom rác thải từ công trình xây dựng và bị phá hủy;

- Thu gom và dọn dẹp các mảnh vụn như cành cây và gạch vỡ;

- Thu gom rác thải đầu ra của các nhà máy dệt;

- Hoạt động của các trạm gom rác không độc hại.

Loại trừ:

- Thu gom rác độc hại được phân vào nhóm 3812 (Thu gom rác thải độc hại);

- Hoạt động của khu đất cho tiêu huỷ rác thải không độc hại được phân vào nhóm 3821 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);

- Hoạt động của các cơ sở nơi mà nguyên, vật liệu có thể tái sử dụng đang ở dạng hỗn hợp như giấy, nhựa v.v... cần được phân loại riêng được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu).

3812: Thu gom rác thải độc hại

Nhóm này gồm: Việc thu gom rác thải độc hại ở dạng rắn hoặc dạng khác như chất gây nổ, chất gỉ sét, chất dễ cháy, chất độc, chất kích thích, chất gây ung thư, chất phá huỷ dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khoẻ con người và môi trường. Nó có thể được phân loại, xử lý, đóng gói và dán nhãn chất thải cho mục đích vận chuyển.

Loại trừ: Việc khôi phục và dọn sạch các toà nhà hư hỏng, các khu mỏ, các vùng đất, nước mặt bị ô nhiễm như việc loại bỏ các amiăng được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác).

38121: Thu gom rác thải y tế

Nhóm này gồm: Thu gom rác thải từ các cơ sở y tế.

38129: Thu gom rác thải độc hại khác

Nhóm này gồm:

- Thu gom các loại rác thải độc hại ở dạng rắn hoặc dạng khác như chất gây nổ, chất gỉ sét, chất dễ cháy, chất độc, chất kích thích, chất gây ung thư, chất phá huỷ dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khoẻ con người và môi trường;

- Thu gom dầu đã qua sử dụng từ tàu thuyền hoặc gara;

- Thu gom rác thải độc hại sinh học;

- Ấc qui đã qua sử dụng;

- Hoạt động của các trạm chu chuyển các chất thải độc hại.

382: Xử lý và tiêu huỷ rác thải

Nhóm này gồm: Việc xử lý trước khi bỏ đi các loại rác thải theo các cách thức đa dạng bằng các phương tiện khác nhau, cũng như xử lý rác thải hữu cơ với mục đích tiêu huỷ; xử lý và tiêu huỷ các động vật sống hoặc chết bị nhiễm độc và các chất thải hư hỏng khác; xử lý và tiêu huỷ các chất thải phóng xạ đang chuyển trạng thái của các bệnh viện, vứt bỏ rác thải trên mặt đất hoặc dưới nước; chôn lấp rác thải; tiêu huỷ các hàng hoá đã qua sử dụng như tủ lạnh nhằm mục đích loại bỏ các chất thải gây hại; tiêu huỷ các chất thải bằng cách đốt cháy. Nhóm này còn bao gồm cả việc phát điện kết quả từ xử lý đốt chất thải.

Loại trừ: Xử lý và tiêu huỷ nước thải được phân vào nhóm 3700 (Thoát nước và xử lý nước thải).

3821 - 38210: Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại

Nhóm này gồm:

Việc xử lý trước khi tiêu huỷ và xử lý khác đối với các chất thải rắn và không rắn không độc hại, như:

- + Hoạt động của các khu đất dùng cho tiêu huỷ rác thải không độc hại,
- + Tiêu huỷ rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu huỷ hoặc bằng các phương pháp khác có hoặc không có dẫn đến sản xuất điện hoặc hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro, tro bay hoặc các sản phẩm cho mục đích sử dụng khác,
- + Xử lý rác thải hữu cơ để tiêu huỷ.
- + Sản xuất phân compôt từ chất thải hữu cơ.

Loại trừ:

- Đốt, thiêu huỷ rác thải nguy hiểm được phân vào nhóm 38229 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại khác);
- Hoạt động của các cơ sở mà nguyên, vật liệu có thể tái sử dụng đang ở dạng hỗn hợp như giấy, nhựa, lon đựng đồ uống đã dùng và kim loại, cần được phân loại riêng được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);
- Khử độc và làm sạch đất, nước; tiêu huỷ các vật liệu nhiễm độc được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác).

3822: Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại

Nhóm này gồm: Việc lọc bỏ xử lý trước khi đưa vào tiêu huỷ các chất thải độc hại dạng rắn và không rắn, gồm các chất thải như chất gây nổ, chất gỉ sét, dễ cháy, chất độc, kích thích, chất gây ung thư, chất phá huỷ dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khoẻ con người và môi trường.

Loại trừ:

- Đốt chất thải không nguy hiểm được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại),
- Khử độc và làm sạch đất, mặt nước; tiêu huỷ các nguyên vật liệu độc được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác),
- Tái xử lý nhiên liệu hạt nhân được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hoá chất cơ bản).

38221: Xử lý và tiêu huỷ rác thải y tế

Nhóm này gồm: Hoạt động của các phương tiện xử lý và tiêu huỷ rác thải từ các cơ sở y tế.

38229: Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các phương tiện xử lý rác thải độc hại;

- Xử lý và tiêu huỷ các động vật sống và chết bị nhiễm độc và các chất thải gây bệnh khác;

- Tiêu huỷ rác thải độc hại;

- Tiêu huỷ các hàng hoá đã qua sử dụng như tủ lạnh để loại trừ các chất thải gây hại;

- Xử lý, tiêu huỷ và cất giữ các chất thải hạt nhân phóng xạ như:

+ Xử lý và tiêu huỷ các chất thải phóng xạ đang chuyển trạng thái tức là những chất đang phân huỷ trong quá trình vận chuyển từ bệnh viện,

+ Đóng gói, chuẩn bị các điều kiện và các hoạt động xử lý khác đối với chất thải hạt nhân để cất giữ.

383 - 3830: Tái chế phế liệu

Nhóm này gồm: Quá trình chế biến các loại phế liệu, phế thải từ kim loại và phi kim loại thành dạng nguyên liệu thô mới để sử dụng vào các mục đích khác nhau. Quá trình chế biến được sử dụng kỹ thuật cơ học hoặc hoá học. Gồm việc tái chế các nguyên liệu từ các chất thải theo dạng là lọc và phân loại những nguyên liệu có thể tái chế từ các chất thải không độc hại (như là rác nhà bếp) hoặc lọc và phân loại các nguyên liệu có thể tái chế ở dạng hỗn hợp, ví dụ như giấy, nhựa, hộp đựng đồ uống đã qua sử dụng và kim loại thành các nhóm riêng.

Loại trừ:

- Sản xuất các sản phẩm hoàn chỉnh mới từ nguyên liệu thô thứ sinh (tự hoặc không tự sản xuất) như làm bột giấy từ giấy, giấy loại, đắp lại lớp xe hoặc sản xuất kim loại từ các mảnh vụn kim loại được phân vào các nhóm ngành tương ứng trong ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo);

- Xử lý lại nhiên liệu hạt nhân được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hoá chất cơ bản);

- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không nguy hiểm được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);

- Xử lý các rác thải hữu cơ để tiêu huỷ được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);

- Tái chế năng lượng từ việc xử lý đốt các chất thải không nguy hiểm được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);

- Tiêu huỷ hàng hoá đã qua sử dụng như tủ lạnh để tránh rác thải gây hại được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại);

- Xử lý và tiêu huỷ các chất thải phóng xạ đang chuyển trạng thái từ các bệnh viện được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại);

- Xử lý và tiêu huỷ chất thải độc, chất thải gây ô nhiễm được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại);

- Tháo dỡ ô tô, máy tính, tivi và các thiết bị khác để thu và bán lại các bộ phận có thể dùng được được phân vào ngành G (Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);

- Bán buôn các nguyên liệu có thể tái chế được phân vào nhóm 4669 (Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu).

38301: Tái chế phế liệu kim loại

Nhóm này gồm:

- Nghiền cơ học đối với chất thải kim loại như ô tô đã bỏ đi, máy giặt, xe đạp với việc lọc và phân loại được thực hiện tiếp theo;

- Tháo dỡ ô tô, máy tính, tivi và các thiết bị khác để tái chế nguyên liệu;

- Thu nhỏ các tấm kim loại lớn như các toa xe đường sắt;

- Nghiền nhỏ các rác thải kim loại, như các phương tiện xe không còn dùng được nữa;

- Các phương pháp xử lý cơ học khác như cắt, nén để giảm khối lượng;

- Phá huỷ tàu.

38302: Tái chế phế liệu phi kim loại

Nhóm này gồm:

- Tái chế phi kim loại không phải rác thải trong nhiếp ảnh ví dụ như dung dịch tráng hoặc phim và giấy ảnh;

- Tái chế cao su như các lốp xe đã qua sử dụng để sản xuất các nguyên liệu thô mới;

- Phân loại và tổng hợp nhựa để sản xuất các nguyên liệu thô mới như làm ống, lọ hoa, bảng màu và những thứ tương tự;

- Xử lý (làm sạch, nóng chảy, nghiền) rác thải bằng nhựa hoặc cao su để nghiền thành hạt nhỏ;

- Đập nhỏ, làm sạch và phân loại thuỷ tinh;

- Đập nhỏ, làm sạch và phân loại các rác thải khác như rác thải từ đồng đồ nát để sản xuất các nguyên liệu thô;

- Xử lý dầu và mỡ ăn qua sử dụng thành nguyên liệu thô;

- Xử lý chất thải từ thực phẩm, đồ uống, thuốc lá và chất còn dư thành nguyên liệu thô mới.

39: XỬ LÝ Ô NHIỄM VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI KHÁC

Ngành này gồm: Việc cung cấp dịch vụ khắc phục hậu quả, như việc dọn sạch các khu vực và các toà nhà hư hỏng, khu mỏ, đất, mặt nước và nước ngầm bị ô nhiễm.

390 - 3900 - 39000: Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác

Nhóm này gồm:

- Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học;
- Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân;
- Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học;
- Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển;
- Huỷ bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác;
- Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.

Loại trừ:

- Xử lý và tiêu huỷ chất thải không độc hại được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);
- Xử lý và tiêu huỷ chất thải độc hại được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại);
- Quét dọn và phun nước trên đường phố được phân vào nhóm 81290 (Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt).

F: XÂY DỰNG

Ngành này gồm:

Tất cả các hoạt động xây dựng công trình chung và xây dựng chuyên dụng cho các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Bao gồm xây mới, sửa chữa, mở rộng và cải tạo, lắp ghép các cấu trúc hoặc cấu kiện đúc sẵn trên mặt bằng xây dựng và xây dựng các công trình tạm.

Hoạt động xây dựng chung bao gồm: xây dựng nhà ở, nhà làm việc, nhà kho, các công trình công ích và công cộng khác, các công trình nông nghiệp ... Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng bao gồm: đường xe ô tô, đường phố, cầu, cống, đường sắt, sân bay, cảng và các công trình thuỷ khác, hệ thống thuỷ lợi, hệ thống cấp, thoát nước, công trình công nghiệp, đường ống và đường dây điện, công trình thể thao... Các công việc này có thể tự thực hiện hay thuê ngoài. Một phần hoặc toàn bộ công việc có thể được thực hiện dưới dạng ký hợp đồng phụ với các nhà thầu khoán. Một đơn vị thực hiện xây dựng toàn bộ một dự án cũng nằm trong ngành này. Sửa chữa nhà ở và các công trình xây dựng dân dụng cũng nằm ở ngành này.

Ngành này gồm: xây dựng hoàn chỉnh công trình nhà ở (ngành 41), xây dựng hoàn chỉnh công trình dân dụng (ngành 42) và hoạt động xây dựng chuyên dụng nếu như các hoạt động này được thực hiện như là một phần của quá trình xây dựng (ngành 43).

- Thuê thiết bị xây dựng có kèm người điều khiển được phân vào hoạt động xây dựng cụ thể được thực hiện với thiết bị.

Ngành này cũng gồm: Phát triển các dự án xây dựng nhà ở hoặc các công trình xây dựng dân dụng bằng cách sử dụng các phương tiện tài chính, kỹ thuật và vật chất để thực hiện các dự án xây dựng để bán. Nếu những hoạt động này được thực hiện không phải để bán mà để sử dụng (ví dụ: cho thuê hay sản xuất) thì đơn vị thực hiện hoạt động này không thuộc ngành xây dựng mà được xếp theo hoạt động tác nghiệp của đơn vị, ví dụ: bất động sản, công nghiệp chế biến...

41-410: XÂY DỰNG NHÀ CÁC LOẠI

Ngành này gồm:

Hoạt động xây dựng hoàn chỉnh các khu nhà để ở hoặc không phải để ở, tự thực hiện hay trên cơ sở hợp đồng hoặc phí. Công việc này có thể thuê ngoài một phần hoặc toàn bộ. Các đơn vị chỉ thực hiện một số công đoạn của quy trình xây dựng được xếp vào ngành 43 (Hoạt động xây dựng chuyên dụng).

4101-41010: Xây dựng nhà để ở

Nhóm này gồm:

- Xây dựng tất cả các loại nhà để ở như:
 - + Nhà cho một hộ gia đình,
 - + Nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng.
- Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại.

Loại trừ:

- Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);

- Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4102-41020: Xây dựng nhà không để ở

Nhóm này gồm:

- Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như:
 - + Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, ví dụ: nhà máy, xưởng lắp ráp...
 - + Bệnh viện, trường học, nhà làm việc,

- + Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại,
- + Nhà ga hàng không,
- + Khu thể thao trong nhà,
- + Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm,
- + Kho chứa hàng,
- + Nhà phục vụ mục đích tôn giáo, tín ngưỡng.
- Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng;

Loại trừ:

- Cải tạo các công trình xây dựng đúc sẵn hoàn chỉnh từ các bộ phận tự sản xuất nhưng không phải bê tông, xem ngành 16 (Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện) và ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);

- Xây dựng các công trình công nghiệp, loại trừ công trình nhà được phân vào nhóm 42930 (Xây dựng công trình chế biến, chế tạo);

- Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);

- Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

42: XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT DÂN DỤNG

Ngành này gồm:

Xây dựng các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng, bao gồm xây mới, sửa chữa, mở rộng và cải tạo, lắp ghép các công trình đúc sẵn trên công trường và xây dựng các công trình tạm;

Xây dựng các công trình lớn như đường ô tô, đường phố, cầu, cống, đường sắt, sân bay, cảng và công trình thủy khác, hệ thống thủy lợi, công trình công nghiệp, đường ống và đường điện, khu thể thao ngoài trời... cũng nằm trong phần này. Các công việc này có thể tự thực hiện hay trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Một phần công việc và đôi khi là toàn bộ công việc có thể được thực hiện dưới dạng ký hợp đồng phụ với các nhà thầu khoán.

421: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ;

- Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như:

- + Rải nhựa đường;
- + Sơn đường và các loại tương tự;
- + Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự;
- Xây dựng cầu, bao gồm cầu trên đường cao tốc;
- Xây dựng đường hầm;
- Xây dựng đường sắt và đường cho tàu điện ngầm;
- Xây dựng đường băng sân bay.

Loại trừ:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện);
- Hoạt động kiến trúc được phân vào nhóm 71101 (Hoạt động kiến trúc);
- Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4211-42110: Xây dựng công trình đường sắt

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường sắt (bao gồm cả cầu đường sắt);
- Xây dựng hầm đường sắt;
- Xây dựng đường tàu điện ngầm
- Sơn đường sắt;
- Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường sắt và các loại tương tự.

Loại trừ:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện);
- Hoạt động kiến trúc được phân vào nhóm 71101 (Hoạt động kiến trúc);
- Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4212-42120: Xây dựng công trình đường bộ

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ;
- Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như:

- + Thi công mặt đường: rải nhựa đường, rải bê tông...
- + Sơn đường và các hoạt động sơn khác,
- + Lắp đặt đường chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự,
- Xây dựng cầu, bao gồm cả cầu (không tính cầu đường sắt);
- Xây dựng hầm đường bộ;
- Xây dựng đường cho tàu điện ngầm, - Xây dựng đường băng sân bay, sân đỗ máy bay.

Loại trừ:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).
- Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);
- Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

422: Xây dựng công trình công ích

Nhóm này gồm:

- Xây dựng các mạng lưới đường ống vận chuyển, phân phối và các công trình, cấu trúc có liên quan:
 - + Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông,
 - + Các đường ống, mạng lưới truyền năng lượng, viễn thông và các công trình phụ trợ ở thành phố,
- Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước như:
 - + Hệ thống thủy lợi (kênh),
 - + Hồ chứa.
- Xây dựng các công trình cửa:
 - + Hệ thống nước thải, bao gồm cả sửa chữa,
 - + Nhà máy xử lý nước thải,
 - + Trạm bơm,
 - + Nhà máy năng lượng,
- Khoan nguồn nước.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4221-42210: Xây dựng công trình điện

Nhóm này gồm:

- Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan như:

+ Đường dây, mạng lưới truyền tải điện với khoảng cách dài.

+ Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố.

+ Trạm biến áp.

- Xây dựng nhà máy điện.

Loại trừ : Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4222-42220: Xây dựng công trình cấp, thoát nước

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước như :

+ Hệ thống thủy lợi (kênh).

+ Hồ chứa.

- Xây dựng các công trình cửa:

+ Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa.

+ Nhà máy xử lý nước thải.

+ Trạm bơm.

Loại trừ : Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4223-42230: Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc

Nhóm này gồm:

- Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các công trình, cấu trúc có liên quan:

+ Các tuyến cáp, mạng lưới viễn thông.

+ Các tuyến cột, tuyến cống, bể để kéo cáp thông tin và các công trình phụ trợ.

- Xây dựng công trình đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình và các công trình có liên quan.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4229-42290: Xây dựng công trình công ích khác

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình xử lý bùn.
- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

429: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp không phải nhà như:
 - + Nhà máy lọc dầu,
 - + Nhà máy hoá chất,
- Xây dựng công trình thủy như:
 - + Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống...
 - + Đập và đê.
- Hoạt động nạo vét đường thủy,
- Xây dựng đường hầm;
- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.

Nhóm này cũng gồm: Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ đắp mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công).

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4291-42910: Xây dựng công trình thủy

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình thủy như:
 - + Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống...
 - + Đập và đê.
- Hoạt động nạo vét đường thủy.

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4292-42920: Xây dựng công trình khai khoáng

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp khai khoáng không phải nhà như:
- + Nhà máy lọc dầu.
- + Công trình khai thác than, quặng...

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4293-42930: Xây dựng công trình chế biến, chế tạo

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp chế biến, chế tạo không phải nhà như:
- + Nhà máy sản xuất hoá chất cơ bản, hóa dược, dược liệu và hóa chất khác.
- + Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng.
- + Nhà máy chế biến thực phẩm,...

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4299-42990: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.
- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

43: HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CHUYÊN DỤNG

Ngành này gồm:

Các hoạt động xây dựng chuyên dụng như : xây dựng một phần của toàn bộ công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng mà không phải là nhà thầu chính chịu trách nhiệm cho toàn bộ dự án. Hoạt động này đòi hỏi thiết bị và trình độ tay nghề được chuyên môn hoá như: đóng cọc, san nền, đổ khung, đổ bê tông, xếp gạch, xây ốp đá, bắc giàn giáo, lợp mái,... Việc lắp đặt các kết cấu thép mà các bộ phận của kết cấu thép được sản xuất không phải từ một đơn vị cũng thuộc ngành này. Các hoạt động xây dựng chuyên dụng hầu hết được thực hiện theo hình thức khoán thầu hay hợp đồng thầu phụ, tuy nhiên hoạt động sửa chữa công trình thường được thực hiện trực tiếp cho chủ sở hữu tài sản. Ngành này cũng bao gồm các hoạt động hoàn thiện và kết thúc công trình xây dựng.

Hoạt động lắp đặt công trình xây dựng bao gồm việc lắp đặt các thiết bị gắn liền với công trình xây dựng. Những hoạt động này thường được thực hiện tại công trường xây dựng mặc dù các thiết bị có thể được thực hiện ở các phân xưởng chuyên dụng. Ngành này cũng bao gồm các hoạt động như thăm dò; lắp đặt các hệ thống sưởi và điều hoà không khí, lắp đặt ăng ten, hệ thống báo động và các công việc thuộc về điện, hệ thống cấp thoát nước, thang máy, thang cuốn... Ngành này còn bao gồm cả lắp đặt chất dẫn cách (chống thấm, cách nhiệt, cách âm), lắp đặt tấm kim loại, lắp máy lạnh trong thương mại, lắp đặt các hệ thống chiếu sáng và hệ thống tín hiệu trên đường bộ, đường sắt, sân bay, bến cảng, v.v... Hoạt động sửa chữa các thiết bị trên cũng thuộc ngành này.

Hoạt động hoàn thiện công trình bao gồm các hoạt động có liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc công trình như: Lắp kính, trát, sơn, ốp gạch tường hoặc che phủ bằng những vật liệu khác như gỗ, thảm, giấy tường... lát sàn, hoàn thiện phần mộc, hệ thống âm thanh, làm sạch ngoại thất..., sửa chữa công trình với các hoạt động như trên cũng thuộc ngành này.

Việc thuê thiết bị có kèm người điều khiển được phân theo hoạt động xây dựng liên quan.

431: Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng

Nhóm này gồm: Các hoạt động chuẩn bị mặt bằng cho các hoạt động xây dựng tiếp theo, bao gồm dỡ bỏ các công trình đang tồn tại trên mặt bằng đó.

4311 - 43110: Phá dỡ

Nhóm này gồm: Phá huỷ hoặc đập các toà nhà và các công trình khác.

4312 - 43120: Chuẩn bị mặt bằng

Nhóm này gồm: Những hoạt động chuẩn bị mặt bằng xây dựng. Cụ thể:

- Làm sạch mặt bằng xây dựng;
- Vận chuyển đất: đào, lấp, san và ủi tại các mặt bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đá, nổ mìn...
- Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự;
- Chuẩn bị mặt bằng để khai thác mỏ như: Chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí;

- Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng;
- Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng.

Loại trừ:

- Khoan giếng sản xuất dầu hoặc khí được phân vào nhóm 06100 (Khai thác dầu thô), 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);

- Khử độc cho đất được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác);

- Khoan giếng nước được phân vào nhóm 42220 (Xây dựng công trình cấp, thoát nước);

- Đào ống thông vào hầm mỏ được phân vào nhóm 43900 (Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác);

- Thăm dò dầu và khí, điều tra địa chấn, địa vật lý, địa chất được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

432: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác

Nhóm này gồm: Hoạt động lắp đặt hỗ trợ cho hoạt động xây nhà, bao gồm lắp đặt hệ thống điện, hệ thống đường ống (nước, khí đốt và nước thải), hệ thống sưởi và điều hoà không khí, thang máy...

4321 - 43210: Lắp đặt hệ thống điện

Nhóm này gồm:

Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Cụ thể:

- + Dây dẫn và thiết bị điện,
- + Đường dây thông tin liên lạc,
- + Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,
- + Đĩa vệ tinh,
- + Hệ thống chiếu sáng,
- + Chuông báo cháy,
- + Hệ thống báo động chống trộm,
- + Tín hiệu điện và đèn trên đường phố,
- + Đèn trên đường băng sân bay.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình.

Loại trừ: Xây dựng đường truyền năng lượng và viễn thông được phân vào nhóm 42230 (Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc).

4322: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí

Nhóm này gồm:

Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.

Cụ thể:

- Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu);
- Lò sưởi, tháp làm lạnh;
- Hệ thống thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện;
- Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh;
- Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí;
- Thiết bị khí đốt (gas);
- Đường ống dẫn hơi nước;
- Hệ thống phun nước chữa cháy;
- Hệ thống phun nước tưới cây;
- Lắp đặt hệ thống ống dẫn.

Loại trừ: Lắp đặt hệ thống sưởi bằng điện được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).

43221: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước

Nhóm này gồm:

Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa;

Cụ thể:

- + Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh,
- + Đường ống dẫn hơi nước,
- + Hệ thống phun nước chữa cháy,
- + Hệ thống phun nước tưới cây,
- + Lắp đặt hệ thống ống dẫn cấp, thoát nước.

43222: Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí

Nhóm này gồm:

Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa. Cụ thể:

- Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu),
- Lò sưởi, tháp làm lạnh,
- Máy thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện,
- Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí,
- Thiết bị khí đốt (gas),
- Bơm hơi,
- Lắp đặt hệ thống ống dẫn điều hoà không khí.

4329 - 43290: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Nhóm này gồm:

- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.

- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:

- + Thang máy, thang cuốn,
- + Cửa cuốn, cửa tự động,
- + Dây dẫn chống sét,
- + Hệ thống hút bụi,
- + Hệ thống âm thanh,
- + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.

Loại trừ: Lắp đặt hệ thống máy móc công nghiệp được phân vào nhóm 3320 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

433 - 4330 - 43300: Hoàn thiện công trình xây dựng

Nhóm này gồm các hoạt động liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc công trình như:

- Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng,

- Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,

- Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự,

- Lắp đặt thiết bị nội thất,

- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được...

- Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như:

+ Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm,

+ Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác,

+ Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa,

+ Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...

- + Giấy dán tường,
- Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà,
- Sơn các kết cấu công trình dân dụng,
- Lắp gương, kính,
- Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng,
- Các công việc hoàn thiện nhà khác,
- Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền...

Loại trừ:

- Sơn đường được phân vào nhóm 421 (Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ).
- Lắp đặt cửa cuốn và cửa tự động được phân vào nhóm 43290 (lắp đặt hệ thống xây dựng khác).
- Các hoạt động làm sạch chung bên trong các toà nhà và kiến trúc khác được phân vào nhóm 81210 (Vệ sinh chung nhà cửa);
- Lau rửa chuyên nghiệp bên trong và bên ngoài các toà nhà được phân vào nhóm 81290 (Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt);
- Các hoạt động trang trí của người thiết kế bên trong các toà nhà được phân vào nhóm 74100 (Hoạt động thiết kế chuyên dụng).

439 - 4390 - 43900: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:
 - + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,
 - + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,
 - + Chống ẩm các toà nhà,
 - + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),
 - + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,
 - + Uốn thép,
 - + Xây gạch và đặt đá,
 - + Lợp mái các công trình nhà để ở,
 - + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,
 - + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,

+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.

- Các công việc dưới bề mặt;

- Xây dựng bể bơi ngoài trời;

- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;

- Thuê cần trục có người điều khiển.

Loại trừ: Thuê máy móc và thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển, được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

G: BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

Ngành này gồm:

Hoạt động bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa (nhưng không làm thay đổi tính chất, công dụng của hàng hóa) và dịch vụ phụ trợ cho hoạt động bán hàng. Bán buôn và bán lẻ là công đoạn cuối cùng của hoạt động phân phối hàng hóa. Các hoạt động sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác cũng được phân loại vào ngành này.

Các hoạt động gắn với bán hàng hóa, thực hiện bằng tay, ví dụ sắp xếp, phân loại, lắp ráp, pha trộn hàng hoá (pha rượu vang, trộn cát), đóng chai (có hoặc không làm sạch chai), bao gói, chia nhỏ và đóng gói lại để phân phối hàng hóa với bao bì nhỏ hơn, bảo quản (đông lạnh hoặc ướp lạnh), làm sạch, sấy khô nông sản, cắt các tấm gỗ xơ ép hoặc những tấm kim loại được coi như các hoạt động thứ yếu.

Ngành 45 gồm những hoạt động bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Ngành 46 và 47 gồm các hoạt động bán hàng hóa loại khác (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Cơ sở để phân biệt giữa ngành 46 (bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)) và 47 (Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)) là dựa trên loại khách hàng chiếm tỷ trọng lớn hơn.

Bán buôn là hoạt động bán (không làm biến đổi hàng hoá) hàng hoá loại mới, loại đã qua sử dụng cho người bán lẻ, người sản xuất, kinh doanh, cơ quan, tổ chức hoặc những người sử dụng mang tính chuyên môn, người bán buôn khác, hoặc liên quan đến hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa cho các cá nhân hoặc công ty đó. Các chủ thể kinh doanh bán buôn hàng hóa gồm: Nhà bán buôn chuyên doanh loại hàng hoá nào đó, nhà phân phối sản phẩm công nghiệp, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, hiệp hội mua hàng, hợp tác xã, chi nhánh bán hàng, văn phòng mua bán (nhưng không bao gồm cửa hàng bán lẻ) được các đơn vị sản xuất hoặc khai thác lập ra nhằm mục đích tiếp thị sản phẩm của họ và đơn vị bán hàng này không chỉ đơn thuần nhận đơn đặt

hàng và gửi hàng trực tiếp từ nhà máy hoặc hầm mỏ. Các hoạt động môi giới, đại lý, ủy thác hưởng hoa hồng, thu gom nông sản cũng được phân loại vào hoạt động bán buôn. Người bán buôn thường tiến hành lắp ráp, phân loại và chia hàng hoá từ những lô lớn, đóng gói lại thành lô nhỏ, bao gói nhỏ hơn (như đối với dược phẩm chẳng hạn) hoặc lưu giữ, bảo quản đông lạnh, lắp ráp, phân phối hàng hóa, thực hiện khuyến mãi cho khách hàng, thiết kế nhãn mác hàng hóa.

Bán lẻ là bán lại (không làm biến đổi hàng hoá) những hàng hoá loại mới và hàng đã qua sử dụng chủ yếu cho cộng đồng để tiêu dùng cho cá nhân hoặc hộ gia đình, ở các cửa hàng, siêu thị, trung tâm mua bán, quầy hàng, cửa hàng nhận đặt và trả hàng bằng đường bưu điện, bán tại chợ hoặc lưu động, hợp tác xã mua bán, đấu giá viên... Người bán lẻ thường có quyền sở hữu hàng hóa mà họ bán trong khi các hoạt động đại lý chỉ bán hàng theo ủy nhiệm của người ký gửi hoặc bán hàng để hưởng hoa hồng.

45: BÁN, SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

Ngành này gồm:

- Các hoạt động (trừ sản xuất và cho thuê) liên quan tới bán ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, kể cả ô tô vận tải, như bán buôn và bán lẻ xe cũ và mới, sửa chữa và bảo dưỡng xe và bán buôn, bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, kể cả hoạt động đại lý liên quan đến bán buôn, bán lẻ các hàng hóa này.

Ngành này cũng gồm: Hoạt động rửa, đánh bóng ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.

Loại trừ: Hoạt động bán lẻ nhiên liệu, dầu mỡ nhờn bôi trơn hoặc làm mát động cơ, cho thuê ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

451: Bán ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Bán buôn, bán lẻ và đại lý ô tô và xe có động cơ khác.

4511: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.

45111: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

Nhóm này gồm: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) loại mới và loại đã qua sử dụng:

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác);

- Cho thuê ô tô con có kèm người lái được phân vào nhóm 49329 (Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu);

- Cho thuê xe ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) không kèm người lái được phân vào nhóm 77101 (Cho thuê ô tô).

45119: Bán buôn xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng:

- Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;

- Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc;

- Ô tô chuyên dụng: Xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...;

- Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác);

- Cho thuê ô tô chở khách có kèm người lái được phân vào nhóm 49321 (Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh) và cho thuê xe ô tô chở khách không kèm người lái được phân vào nhóm 77109 (Cho thuê xe có động cơ khác);

- Cho thuê ô tô vận tải, ô tô chuyên dụng, xe có động cơ khác có kèm người lái được phân vào nhóm 4933 (Vận tải hàng hóa bằng đường bộ) các phân nhóm tương ứng với loại phương tiện;

- Cho thuê ô tô vận tải, ô tô chuyên dụng, xe có động cơ khác không kèm người lái được phân vào nhóm 77109 (Cho thuê xe có động cơ khác).

4512 - 45120: Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

Nhóm này gồm: Bán lẻ ô tô con, loại 9 chỗ ngồi trở xuống không kể người lái, loại mới và loại đã qua sử dụng:

Loại trừ:

- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con được phân vào nhóm 45302 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống));

- Cho thuê ô tô con có kèm người lái được phân vào nhóm 49321 (Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh);

- Cho thuê ô tô con không kèm người lái được phân vào nhóm 77101 (Cho thuê ô tô).

4513: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá ô tô và xe có động cơ khác.

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 4511 (Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác) và bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 4512 (Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống));

- Đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá các mặt hàng khác được phân vào nhóm 4610 (Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa);

- Đại lý bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 4799 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

45131: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

Nhóm này gồm: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá ô tô con 9 chỗ ngồi trở xuống (không kể người lái), loại mới và loại đã qua sử dụng:

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô loại này được phân vào nhóm 45111 (Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)) và bán lẻ được phân vào nhóm 45120 (Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống));

- Đại lý bán lẻ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

45139: Đại lý xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.

Cụ thể:

- Ô tô chở khách loại trên 9 chỗ ngồi, kể cả loại chuyên dụng như xe cứu thương, xe chở tù, xe tang lễ;

- Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh; rơ-moóc và bán rơ-moóc;

- Ô tô chuyên dụng: Xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X-quang...

Loại trừ:

- Bán buôn xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45119 (Bán buôn xe có động cơ khác);

- Đại lý bán lẻ xe có động cơ khác bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

452 - 4520 - 45200: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô:
 - + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động,
 - + Bảo dưỡng thông thường,
 - + Sửa chữa thân xe,
 - + Sửa chữa các bộ phận của ô tô,
 - + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,
 - + Sửa tấm chắn và cửa sổ,
 - + Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,
 - + Sửa chữa, bơm vá săm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế,
 - + Xử lý chống gỉ,
 - + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất;
- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác:
 - + Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác,
 - + Bảo dưỡng thông thường,
 - + Sửa chữa thân xe,
 - + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,
 - + Sửa chữa, bơm vá săm, lốp lắp đặt hoặc thay thế,
 - + Xử lý chống gỉ,
 - + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.

Loại trừ:

- Đắp và tái chế lốp ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su).

453 - 4530: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

45301: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô và xe có động cơ khác như: Săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác...

Loại trừ: Bán buôn nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 46613 (Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan).

45302: Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

Nhóm này gồm: Bán lẻ, kể cả hoạt động bán qua đơn đặt hàng với bưu điện hoặc internet các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống như: Săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác...

Loại trừ: Bán lẻ nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 47300 (Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh).

45303: Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác.

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác); bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống được phân vào nhóm 45302 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống));

- Đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá các mặt hàng khác được phân vào nhóm 4610 (Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa);

- Đại lý bán lẻ phụ tùng ô tô, mô tô xe máy và và xe có động cơ khác bên ngoài cửa hàng, được xếp vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

454: Bán, bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

4541: Bán mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán buôn, bán lẻ và đại lý mô tô, xe máy.

45411: Bán buôn mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán buôn mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng.

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45431 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán buôn xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Cho thuê mô tô, xe máy được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

45412: Bán lẻ mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán lẻ mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng, kể cả hoạt động bán qua đơn đặt hàng với bưu điện hoặc internet.

Loại trừ:

- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45432 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán lẻ xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp được phân vào nhóm 47738 (Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Cho thuê mô tô, xe máy được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

45413: Đại lý mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng.

Loại trừ:

- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45432 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán lẻ xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp được phân vào nhóm 47738 (Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Cho thuê mô tô, xe máy được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);

- Đại lý bán lẻ mô tô, xe máy bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

4542 - 45420: Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động;
- Bảo dưỡng thông thường;
- Sửa chữa khung, càng, yếm, yên đệm mô tô, xe máy;
- Sửa chữa các bộ phận khác của mô tô, xe máy;
- Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn;

- Dịch vụ đổ nước xe, dán keo xe;
- Sửa chữa, bơm vá săm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế;
- Xử lý chống gỉ;
- Thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.

Loại trừ: Đắp và tái chế lốp mô tô xe máy được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su).

4543: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.

45431: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: Săm, lốp, cốp, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện...

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 46613 (Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan).

45432: Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán lẻ, kể cả hoạt động bán qua đơn đặt hàng với bưu điện hoặc internet các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: Săm, lốp, yếm xe, cốp xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện...

Loại trừ:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 47300 (Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Bán lẻ phụ tùng xe đạp được phân vào nhóm 47738 (Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh).

45433: Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45431 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy) và bán lẻ các mặt hàng này được xếp vào nhóm 45432 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán buôn phụ tùng xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu) và bán lẻ phụ tùng xe đạp được phân vào nhóm 47738 (Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Cho thuê mô tô, xe máy được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);

- Đại lý bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

46: BÁN BUÔN (TRỪ Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC)

Ngành này gồm:

Hoạt động bán buôn hoặc đại lý liên quan đến thương mại trong nước và ngoài nước (cụ thể là hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa).

Bán buôn là bán hàng hoá loại mới và loại đã qua sử dụng cho người bán lẻ, người sản xuất kinh doanh (mà không làm thay đổi thành phần, tính chất, công dụng) như doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, doanh nghiệp thương mại, cơ quan, tổ chức chuyên môn, hoặc bán lại cho người bán buôn khác, cho các đại lý, tổ chức môi giới mua bán hàng hoá. Các chủ thể kinh doanh bán buôn hàng hóa gồm: nhà bán buôn chuyên doanh loại hàng hoá nào đó, nhà phân phối sản phẩm công nghiệp, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, hiệp hội mua hàng, hợp tác xã, chi nhánh bán hàng, văn phòng mua bán (nhưng không bao gồm cửa hàng bán lẻ) được các đơn vị sản xuất hoặc khai thác lập ra nhằm mục đích tiếp thị sản phẩm của họ và đơn vị bán hàng này không chỉ đơn thuần nhận đơn đặt hàng và gửi hàng trực tiếp từ nhà máy hoặc hầm mỏ. Các hoạt động môi giới, đại lý, ủy thác hưởng hoa hồng, thu gom nông sản cũng được phân loại vào hoạt động bán buôn.

Người bán buôn thường tiến hành lắp ráp, phân loại và chia hàng hoá từ những lô lớn, đóng gói lại thành lô nhỏ, bao gói nhỏ hơn ví dụ đối với dược phẩm hoặc lưu giữ, bảo quản đông lạnh, lắp ráp, phân phối hàng hóa, thực hiện khuyến mãi cho khách hàng, thiết kế nhãn mác hàng hóa.

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác được phân vào các nhóm 45111 (Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)), 45411 (Bán buôn mô tô, xe máy) và 45119 (Bán buôn xe có động cơ khác);

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác được phân vào các nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác), 45431 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Thuê và cho thuê hàng hoá được phân vào ngành 77 (Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính);

- Đóng gói hàng hoá rắn và đóng chai hàng hoá lỏng hoặc khí, kể cả pha trộn hoặc lọc theo yêu cầu của bên mua được phân vào nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói).

461- 4610: Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa

46101: Đại lý bán hàng hóa

Nhóm này gồm:

- Hoạt động đại lý bán hàng hưởng hoa hồng thực hiện theo ủy quyền hoặc nhân danh tài khoản giao dịch của bên ủy quyền hoặc giao đại lý về các loại hàng hóa:

+ Nông, lâm sản nguyên dạng, động vật sống, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm,

+ Nhiên liệu, quặng, kim loại và hoá chất công nghiệp, phân bón,

+ Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào,

+ Hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giấy dếp, các sản phẩm da và giả da,

+ Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng,

+ Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền và máy bay,

+ Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim;

- Hoạt động của các đấu giá viên.

Loại trừ:

- Bán buôn qua tài khoản của mình được phân vào các nhóm từ 4620 (Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống) đến 4690 (Bán buôn tổng hợp);

- Hoạt động của đại lý hưởng hoa hồng, môi giới, đấu giá liên quan đến ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống được xếp vào nhóm 45131 (Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)), xe có động cơ khác được xếp vào nhóm 45139 (Đại lý xe có động cơ khác), mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45413 (Đại lý mô tô, xe máy);

- Hoạt động của đại lý hưởng hoa hồng, môi giới, đấu giá liên quan đến phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45303 (Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác), mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45433 (Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán lẻ qua đại lý hưởng hoa hồng bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động của các đại lý bảo hiểm được phân vào nhóm 66220 (Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm);

- Hoạt động của các đại lý bất động sản được phân vào nhóm 6820 (Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất).

46102: Môi giới mua bán hàng hóa

Nhóm này gồm: Các hoạt động môi giới mua, bán các loại hàng hóa: thương nhân là trung gian (bên môi giới) cho các bên mua bán hàng hoá (bên được môi giới) về các loại hàng hóa:

- Nông, lâm sản nguyên dạng, động vật sống, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm;

- Nhiên liệu, quặng, kim loại và hoá chất công nghiệp, phân bón;

- Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc Lào;

- Hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày, dép, các sản phẩm da và giả da;

- Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng;

- Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền và máy bay;

- Giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim.

Loại trừ:

- Hoạt động môi giới bảo hiểm được phân vào nhóm 66220 (Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm);

- Hoạt động môi giới mua bán bất động sản được phân vào nhóm 6820 (Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất).

46103: Đấu giá hàng hóa

Nhóm này gồm: Các hoạt động của người có tài sản đấu giá tự mình hoặc thuê người tổ chức đấu giá thực hiện việc bán hàng công khai để chọn người mua trả giá cao nhất về các loại hàng hóa:

- Nông, lâm sản nguyên dạng, động vật sống, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm;

- Nhiên liệu, quặng, kim loại và hoá chất công nghiệp, phân bón;

- Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào;

- Hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da;

- Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng;

- Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền và máy bay;

- Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim.

Loại trừ: Hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất được phân vào nhóm 6820 (Tur vãn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất).

462 - 4620: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn hạt, quả có dầu;
- Bán buôn hoa và cây;
- Bán buôn thuốc lá lá;
- Bán buôn động vật sống;
- Bán buôn da sống và bì sống;
- Bán buôn da thuộc;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật.

Loại trừ: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt được phân vào nhóm 46695 (Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt).

46201: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác

Nhóm này gồm: Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác, kể cả loại dùng để làm giống.

46202: Bán buôn hoa và cây

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống.

46203: Bán buôn động vật sống

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại gia súc, gia cầm sống, kể cả loại dùng để nhân giống (bao gồm cả giống thủy sản).

46204: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản;
- Bán buôn bán thành phẩm, phế liệu, phế thải từ các sản phẩm nông nghiệp dùng để chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản.

- Bán buôn nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Loại trừ: Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh được phân vào nhóm 46329 (Bán buôn thực phẩm khác).

46209: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)

Nhóm này gồm:

- Bán buôn hạt, quả có dầu;
- Bán buôn thuốc lá lá;
- Bán buôn da sống và bì sống;
- Bán buôn da thuộc;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Bán buôn gỗ, tre, nứa được phân vào nhóm 46631 (Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến);

- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt được phân vào nhóm 46695 (Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt).

463: Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào

Nhóm này gồm: Bán buôn lương thực, thực phẩm tươi và thực phẩm chế biến, đồ uống có cồn hoặc không có cồn và các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào.

4631 - 46310: Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì

Nhóm này gồm: Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động thu mua, phân loại, đánh bóng, đóng bao gạo gắn liền với bán buôn trong nước và xuất khẩu.

- Hoạt động thu mua, phân loại, đóng bao lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì gắn liền với bán buôn trong nước và xuất khẩu.

Loại trừ: Xay xát, đánh bóng, hồ gạo, không gắn liền với hoạt động bán buôn được phân vào nhóm 10611 (Xay xát).

4632: Bán buôn thực phẩm

Nhóm này gồm: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...

Loại trừ:

- Mua rượu vang ở dạng thùng rồi đóng chai mà không làm thay đổi thành phần của rượu được phân vào nhóm 46331 (Bán buôn đồ uống có cồn);

- Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh được phân vào nhóm 46329 (Bán buôn thực phẩm khác);

- Pha trộn rượu vang hoặc chưng cất rượu mạnh được phân vào nhóm 1101 (Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh) và nhóm 1102 (Sản xuất rượu vang).

46321: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thịt gia súc, gia cầm tươi, đông lạnh, sơ chế;

- Bán buôn các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, nội tạng dạng thịt từ gia súc, gia cầm.

Loại trừ: Bán buôn gia súc, gia cầm sống được phân vào nhóm 46203 (Bán buôn động vật sống).

46322: Bán buôn thủy sản

Nhóm này gồm: Bán buôn thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến như cá, động vật giáp xác (tôm, cua...), động vật thân mềm (mực, bạch tuộc...), động vật không xương sống khác sống dưới nước.

46323: Bán buôn rau, quả

Nhóm này gồm:

- Bán buôn các loại rau, củ, tươi, đông lạnh và chế biến, nước rau ép;

- Bán buôn quả tươi, đông lạnh và chế biến, nước quả ép.

46324: Bán buôn cà phê

Nhóm này gồm: Bán buôn cà phê hạt, đã hoặc chưa rang, cà phê bột.

46325: Bán buôn chè

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại chè đen, chè xanh đã hoặc chưa chế biến, đóng gói, kể cả loại chè đóng gói nhỏ pha bằng cách nhúng gói chè vào nước (chè Lipton, Dilmate...).

46326: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đường, bánh, mứt, kẹo, sôcôla, cacao...;

- Bán buôn sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc... và sản phẩm sữa như bơ, phomat...;

- Bán buôn mì sợi, bún, bánh phở, miến, mì ăn liền và các sản phẩm khác chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.

46329: Bán buôn thực phẩm khác

Nhóm này gồm:

- Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng;
- Bán buôn dầu, mỡ động thực vật;
- Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác;
- Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh.

4633: Bán buôn đồ uống

Nhóm này gồm: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không chứa cồn.

46331: Bán buôn đồ uống có cồn

Nhóm này gồm:

- Bán buôn rượu mạnh;
- Bán buôn rượu vang;
- Bán buôn bia.

Nhóm này cũng gồm:

- Mua rượu vang ở dạng thùng rồi đóng chai mà không làm thay đổi thành phần của rượu;
- Rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn.

Loại trừ: Pha trộn rượu vang hoặc chung cất rượu mạnh được phân vào nhóm 11010 (Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh) và nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang).

46332: Bán buôn đồ uống không có cồn

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...;
- Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.

Loại trừ:

- Bán buôn nước rau ép, nước quả ép được phân vào nhóm 46323 (Bán buôn rau, quả);
- Bán buôn đồ uống có thành phần cơ bản là sữa được phân vào nhóm 46326 (Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột);
- Bán buôn các sản phẩm cà phê và chè được phân vào nhóm 46324 (Bán buôn cà phê) và nhóm 46325 (Bán buôn chè);
- Bán buôn rượu vang và bia không chứa cồn được phân vào nhóm 46331 (Bán buôn đồ uống có cồn).

4634 - 46340: Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào

Nhóm này gồm: Bán buôn sản phẩm thuốc lá như thuốc lá điếu, xì gà, các sản phẩm thuốc Lào.

Loại trừ: Bán buôn thuốc lá lá được phân vào nhóm 46209 (Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)).

464: Bán buôn đồ dùng gia đình

Nhóm này gồm: Bán buôn đồ dùng gia đình, kể cả hàng dệt.

4641: Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

Nhóm này gồm: Bán buôn vải, hàng dệt, quần áo và hàng may mặc khác, giày dép...

46411: Bán buôn vải

Nhóm này gồm: Bán buôn vải dệt thoi, dệt kim đan móc, các loại vải dệt đặc biệt khác.

46412: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thảm treo tường, thảm trải sàn;
- Bán buôn chăn, màn, đệm rèm, ga trải giường, gối và bộ đồ giường khác;
- Bán buôn chỉ khâu, chỉ thêu và hàng dệt khác.

Loại trừ: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt được phân vào nhóm 46695 (Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt)

46413: Bán buôn hàng may mặc

Nhóm này gồm:

- Bán buôn quần áo, kể cả quần áo thể thao, cho đàn ông và trẻ em trai;
- Bán buôn quần áo, kể cả quần áo thể thao, cho phụ nữ và trẻ em gái;
- Bán buôn đồ phụ kiện may mặc như: Khăn quàng cổ, găng tay, tất, cravat...;
- Bán buôn hàng may mặc bằng da lông, da và giả da.

Loại trừ: Bán buôn hàng da và giả da khác được phân vào nhóm 46491 (Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác).

46414: Bán buôn giày dép

Nhóm này gồm: Bán buôn giày dép bằng mọi chất liệu.

4649: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

46491: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác

Nhóm này gồm: Bán buôn va li, túi, cặp, túi, ví, thắt lưng, hàng du lịch... bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác.

46492: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế

Nhóm này gồm:

- Bán buôn tân dược;
- Bán buôn dụng cụ y tế: Băng, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...;
- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính...;
- Bán thuốc thú y.

46493: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Nhóm này gồm:

- Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm;
- Bán buôn hàng mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...;
- Chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...

46494: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ;
- Bán buôn đồ dùng gia đình bằng thủy tinh.

46495: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc...

Loại trừ:

- Bán buôn thiết bị nghe nhìn và thiết bị điện tử khác dùng điện được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông);
- Bán buôn bình đun nước nóng dùng điện, loại lắp đặt trong xây dựng được phân vào nhóm 46639 (Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);
- Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm).

46496: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự

Nhóm này gồm:

- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác;
- Bán buôn đồ dùng nội thất tương tự như: Giá sách, kệ... bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác.

Loại trừ: Bán buôn tủ, bàn, ghế văn phòng được phân vào nhóm 46594 (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)).

46497: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm

Nhóm này gồm:

- Bán buôn sách, truyện, kể cả sách giáo khoa;
- Bán buôn báo, tạp chí, bưu thiếp và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn văn phòng phẩm.

Loại trừ: Bán buôn tủ, bàn, ghế văn phòng được phân vào nhóm 46594 (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)).

46498: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể dục;
- Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể thao.

Loại trừ:

- Bán buôn quần áo thể thao được phân vào nhóm 46413 (Bán buôn hàng may mặc);
- Bán buôn giày thể thao được phân vào nhóm 46414 (Bán buôn giày, dép).

46499: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...;
- Bán buôn ô dù;
- Bán buôn dao, kéo;
- Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp;
- Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp);
- Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh;

- Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức;
- Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.

Loại trừ:

- Bán buôn băng, đĩa, CD, DVD trắng được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông);

- Bán buôn văn phòng phẩm được phân vào nhóm 46497 (Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm).

465: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy

Nhóm này gồm: Bán buôn máy vi tính, thiết bị viễn thông, máy móc chuyên dụng cho các ngành sản xuất và máy móc thiết bị khác.

4651 - 46510: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm

Nhóm này gồm:

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn phần mềm.

Loại trừ:

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông);

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) được phân vào nhóm 46594 (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi));

- Bán buôn máy móc, thiết bị được điều khiển thông qua máy vi tính được phân vào các mã tương ứng theo công dụng của máy trong nhóm 4659 tùy theo công dụng của máy.

4652 - 46520: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Nhóm này gồm:

- Bán buôn van và ống điện tử;
- Bán buôn thiết bị bán dẫn;
- Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý;
- Bán buôn mạch in;
- Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng);
- Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;
- Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến;
- Bán buôn đầu đĩa CD, DVD.

Loại trừ:

- Bán buôn băng video, audio, CDs, DVDs đã ghi được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm).

4653 - 46530: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp

Nhóm này gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp như:

+ Máy cày, bừa, máy rắc phân, máy gieo hạt,

+ Máy gặt lúa, máy đập lúa,

+ Máy vắt sữa,

+ Máy nuôi ong, máy ấp trứng, nuôi gia cầm,

+ Máy kéo được sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp;

- Máy cắt cỏ.

4659: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Nhóm này gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;

- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;

- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;

- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;

- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;

- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;

- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;

- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;

- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;

- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;

- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô, kể cả rơ - moóc và xe tải lớn có mui, xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45111 (Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)) và 45119 (Bán buôn xe có động cơ khác);

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác);

- Bán buôn mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45411 (Bán buôn mô tô, xe máy);

- Bán buôn xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm);

- Bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử và viễn thông được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông).

46591: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng

Nhóm này gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác than đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sàng, máy nén...

46592: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)

Nhóm này gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, rôle, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác.

46593: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày

Nhóm này gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành dệt như: Máy xe, máy chải, máy dệt...;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành may như: Máy cắt vải, máy khâu, máy đính cúc, máy thùa khuyết...;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành da giày.

Nhóm này cũng gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy dùng cho ngành dệt, may, da giày điều khiển bằng máy vi tính.

46594: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)

Nhóm này gồm:

- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng bằng mọi chất liệu;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng: máy photocopy, máy chiếu, đèn chiếu, máy huỷ giấy, máy fax...

Loại trừ: Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm).

46595: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Nhóm này gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong y tế, nha khoa, cho mục đích chẩn đoán bệnh, chữa bệnh.

46599: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;
- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;
- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.

Nhóm này cũng gồm:

- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;
- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô, kể cả rơ-moóc và xe tải lớn có mui, xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45111 (Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)) và 45119 (Bán buôn xe có động cơ khác);

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác);

- Bán buôn mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45411 (Bán buôn mô tô, xe máy);

- Bán buôn xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm);

- Bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử và viễn thông được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông).

466: Bán buôn chuyên doanh khác

Nhóm này gồm: Hoạt động bán buôn chuyên doanh nguyên, nhiên vật liệu, trừ nông lâm sản thô, không sử dụng cho tiêu dùng cá nhân và hộ gia đình, chưa được phân vào nhóm nào khác.

4661: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Nhóm này gồm: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như:

- Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha;

- Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa;

- Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng;

- Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.

46611: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác

Nhóm này gồm: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha.

46612: Bán buôn dầu thô

Nhóm này gồm: Bán buôn dầu mỏ, dầu thô chưa tinh chế.

46613: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan

Nhóm này gồm:

- Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: Xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa;

- Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác.

46614: Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan

Nhóm này gồm: Bán buôn khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hóa lỏng.

4662: Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Nhóm này gồm:

- Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu;

- Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh;

- Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu;

- Bán buôn vàng và kim loại quý khác.

Loại trừ:

- Bán buôn phế thải, phế liệu bằng kim loại được phân vào nhóm 46697 (Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại).

46621: Bán buôn quặng kim loại

Nhóm này gồm:

- Bán buôn quặng sắt;

- Bán buôn quặng đồng, chì, nhôm, kẽm và quặng kim loại màu khác.

46622: Bán buôn sắt, thép

Nhóm này gồm:

- Bán buôn gang thỏi, gang kính dạng thỏi;

- Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L...).

Loại trừ: Bán buôn đồ dùng gia đình bằng sắt, thép được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu).

46623: Bán buôn kim loại khác

Nhóm này gồm: Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.

Loại trừ: Bán buôn đồ dùng gia đình bằng kim loại màu được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu).

46624: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác

Nhóm này gồm:

- Bán buôn vàng, bạc dạng bột, vảy, thanh, thỏi...;
- Bán buôn kim loại quý khác.

Loại trừ: Bán buôn đồ trang sức bằng vàng, bạc và kim loại quý khác được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu).

4663: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Nhóm này gồm:

- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;
- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;
- Bán buôn sơn và véc ni;
- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;
- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;
- Bán buôn kính phẳng;
- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;
- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;
- Bán buôn bình đun nước nóng;
- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;
- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...;
- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.

46631: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến

Nhóm này gồm:

- Bán buôn tre, nứa;
- Bán buôn gỗ cây và gỗ chế biến.

46632: Bán buôn xi măng

Nhóm này gồm:

- Bán buôn xi măng đen, xi măng trắng;
- Bán buôn clanhke.

46633: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi

Nhóm này gồm:

- Bán buôn gạch xây, ngói lợp mái;
- Bán buôn đá, cát, sỏi;
- Bán buôn vật liệu xây dựng khác.

Loại trừ: Bán buôn đá ốp lát được phân vào nhóm 46636 (Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh).

46634: Bán buôn kính xây dựng

Nhóm này gồm: Bán buôn kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào...

46635: Bán buôn sơn, véc ni

Nhóm này gồm:

- Bán buôn sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép;
- Bán buôn bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm.

46636: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh

Nhóm này gồm:

- Bán buôn gạch lát sàn, gạch ốp tường;
- Bán buôn bình đun nước nóng;
- Bán buôn thiết bị vệ sinh: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác...

46637: Bán buôn đồ ngũ kim

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đồ ngũ kim: Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...;
- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.

46639: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Nhóm này gồm:

- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;
- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...

4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;

- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;

- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;

- Bán buôn cao su;

- Bán buôn sợi dệt...;

- Bán buôn bột giấy;

- Bán buôn đá quý;

- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.

Loại trừ:

- Thu gom rác thải từ quá trình sản xuất công nghiệp và các hộ gia đình được phân vào nhóm 3811 (Thu gom rác thải không độc hại);

- Xử lý rác thải, không nhằm sử dụng tiếp trong quy trình sản xuất công nghiệp được phân vào nhóm 382 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải);

- Xử lý phế liệu, phế thải và những sản phẩm khác thành nguyên liệu thô thứ cấp để tiếp tục đưa vào quá trình sản xuất khác (nguyên liệu thô thứ cấp được tạo ra có thể được sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất công nghiệp nhưng không phải là sản phẩm cuối cùng) được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Tháo dỡ ô tô, máy vi tính, tivi và thiết bị khác để lấy nguyên liệu được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Nghiền xe ô tô bằng các phương tiện cơ học được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Phá tàu cũ được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Bán lẻ hàng đã qua sử dụng được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

46691: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp

Nhóm này gồm:

- Bán buôn phân bón;

- Bán buôn thuốc trừ sâu;

- Bán buôn hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp: Thuốc trừ cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây, các hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

46692: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)

Nhóm này gồm: Bán buôn hoá chất công nghiệp: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...

46693: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt, bột, bột nhão.

46694: Bán buôn cao su

Nhóm này gồm: Bán buôn cao su nguyên liệu (cao su thiên nhiên hoặc tổng hợp).

46695: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt

Nhóm này gồm:

- Bán buôn tơ, xơ dệt;
- Bán buôn sợi dệt đã xe.

46696: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép

Nhóm này gồm:

- Bán buôn phụ liệu may mặc: mex dựng, độn vai, canh tóc, khoá kéo...;
- Bán buôn phụ liệu giày dép: mũ giày, lót giày, đế giày, đinh bấm...

46697: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại

Nhóm này gồm: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại hoặc phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.

Loại trừ:

- Thu gom rác thải từ quá trình sản xuất công nghiệp và các hộ gia đình được phân vào nhóm 38110 (Thu gom rác thải không độc hại);

- Xử lý rác thải, không nhằm sử dụng tiếp trong quy trình sản xuất công nghiệp được phân vào nhóm 382 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải);

- Xử lý phế liệu, phế thải và những sản phẩm khác thành nguyên liệu thô thứ cấp để tiếp tục đưa vào quá trình sản xuất khác (nguyên liệu thô thứ cấp được tạo ra có thể được sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất công nghiệp nhưng không phải là sản phẩm cuối cùng), nếu là sản phẩm kim loại thì được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại), nếu là sản phẩm phi kim loại thì được phân vào nhóm 38302 (Tái chế phế liệu phi kim loại);

- Tháo dỡ ô tô, máy vi tính, tivi và thiết bị khác để lấy nguyên liệu được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Nghiên cứu ô tô bằng các phương tiện cơ học được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Phá tàu cũ được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Bán lẻ hàng đã qua sử dụng được phân vào nhóm 4774 (Bán lẻ hàng hoá đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

46699: Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán buôn bột giấy;

- Bán buôn đá quý;

- Bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu.

469 - 4690 - 46900: Bán buôn tổng hợp

Nhóm này gồm: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.

47: BÁN LẺ (TRỪ Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC)

Ngành này gồm:

Hoạt động bán lại (không làm biến đổi hàng hoá) hàng hoá loại mới và loại đã qua sử dụng cho cộng đồng, cho tiêu dùng của cá nhân, hộ gia đình hoặc tiêu dùng xã hội, được thực hiện ở các cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tổng hợp, trung tâm thương mại, quầy hàng, sạp bán hàng, cửa hàng nhận đặt và trả hàng qua bưu điện, hợp tác xã mua bán, bán hàng lưu động hoặc tại chợ.

Phân loại hoạt động bán lẻ trước hết căn cứ vào điểm bán hàng, nơi bán hàng. Trên cơ sở này, bán lẻ được phân chia thành: Bán lẻ ở các cửa hàng, được phân vào các nhóm từ 471 (Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp) đến 477 (Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh); bán lẻ không ở cửa hàng được phân vào các nhóm 478 (Bán lẻ lưu động hoặc bán tại chợ) và 479 (Bán lẻ hình thức khác (trừ bán lẻ tại cửa hàng, lưu động hoặc tại chợ)).

Bán lẻ ở cửa hàng bao gồm cả bán lẻ hàng hoá đã qua sử dụng được phân vào nhóm 4774 (Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh). Bán lẻ ở cửa hàng còn được phân biệt chi tiết hơn giữa bán lẻ chuyên doanh được phân vào các nhóm từ 472 (Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh) đến 477 (Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh) và bán lẻ tổng hợp không chuyên doanh được phân vào nhóm 471 (Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp). Những ngành này được tiếp tục phân chia thành ngành cấp IV, cấp V căn cứ vào loại sản phẩm được bán.

Bán lẻ không ở cửa hàng được phân theo loại hình bán lẻ tại sạp hàng, kiốt, quầy hàng tại chợ hoặc quầy, sạp lưu động được phân vào nhóm 478 (Bán lẻ lưu động hoặc bán tại chợ) và bán lẻ khác không thực hiện tại cửa hàng, ví dụ như nhận đặt hàng qua bưu điện, internet, trả hàng tại nhà, máy bán hàng tự động... được phân vào nhóm 479 (Bán lẻ hình thức khác (trừ bán lẻ tại cửa hàng, lưu động hoặc tại chợ)).

Hàng hóa bán lẻ nhìn chung là hàng tiêu dùng. Những loại hàng hoá thường không đưa vào bán lẻ, như quặng, máy móc, thiết bị công nghiệp không được đề cập ở ngành này. Ngành này cũng gồm các đơn vị mà hoạt động của họ chủ yếu liên quan tới việc bán một số loại hàng hóa cho tiêu dùng của các cơ quan, tổ chức như máy tính, văn phòng phẩm, sơn hoặc gỗ xẻ, mặc dù có thể chúng không được sử dụng cho tiêu dùng cá nhân hoặc hộ gia đình. Một số hoạt động gia công như phân loại, bảo quản, đóng gói hàng hóa, lắp ráp thiết bị, đồ dùng gia đình... mang tính chất hỗ trợ cho hoạt động bán hàng cũng được phân loại theo hoạt động bán lẻ.

Ngành này cũng gồm: Hoạt động bán lẻ của các đại lý, cửa hàng ký gửi hàng hóa, hoạt động của các đầu giá viên.

Loại trừ:

- Bán nông sản của nông dân được phân vào ngành 01 (Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Sản xuất và bán hàng hóa, nhìn chung được phân vào các ngành sản xuất, chế biến từ ngành 10 đến 32;

- Bán ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng được phân vào ngành 45 (Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);

- Bán quặng, dầu thô, hoá chất công nghiệp, sắt thép, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp được phân vào ngành 46 (Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));

- Bán đồ ăn, đồ uống dùng tại chỗ và bán đồ ăn mang về được phân vào ngành 56 (Dịch vụ ăn uống);

- Cho thuê hàng hoá sử dụng cho cá nhân và hộ gia đình được phân vào nhóm 772 (Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình).

471: Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Nhóm này gồm: Bán lẻ nhiều loại sản phẩm ở cùng một cửa hàng (cửa hàng không chuyên doanh), như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng bách hoá.

4711: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Nhóm này gồm: Bán lẻ nhiều loại hàng hoá, tuy nhiên trong đó hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào là chủ yếu, doanh thu chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài các loại hàng hóa này, các cửa hàng đó còn bán lẻ các loại hàng hóa khác như quần áo, giường, tủ, bàn ghế, đồ ngũ kim, hoá mỹ phẩm... nhưng các loại hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ.

47111: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)

Nhóm này gồm:

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong siêu thị, tuy nhiên trong đó hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào là chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài các loại hàng hóa này, các cửa hàng đó còn bán lẻ các loại hàng hóa khác như quần áo, giường, tủ, bàn ghế, đồ ngũ kim, hoá mỹ phẩm...nhưng các loại hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ.

47112: Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong minimarket, cửa hàng tiện lợi tuy nhiên trong đó hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào là chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài các loại hàng hóa này, các cửa hàng đó còn bán lẻ các loại hàng hóa khác như quần áo, giường, tủ, bàn ghế, đồ ngũ kim, hoá mỹ phẩm...nhưng các loại hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ.

47119: Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác, tuy nhiên trong đó hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào là chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài các loại hàng hóa này, các cửa hàng đó còn bán lẻ các loại hàng hóa khác như quần áo, giường, tủ, bàn ghế, đồ ngũ kim, hoá mỹ phẩm...nhưng các loại hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ.

4719: Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

47191: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)

Nhóm này gồm:

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong siêu thị, bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc lào có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác.

47192: Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)

Nhóm này gồm:

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong minimarket, cửa hàng tiện lợi, bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc Lào chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác.

47199: Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác

Nhóm này gồm:

Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi), bán nhiều loại hàng hóa: Quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực, thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác

472: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ tại các cửa hàng chuyên bán lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào.

4721 - 47210: Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ của các cửa hàng chuyên doanh gạo, lúa mỳ, bột mỳ, ngô...

Loại trừ:

- Xay, xát, đánh bóng, hồ gạo được phân vào nhóm 10611 (Xay xát);

- Sản xuất bột gạo, bột mỳ, bột ngô được phân vào nhóm 10612 (Sản xuất bột thô).

4722: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến;

- Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng;

- Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến;

- Hàng thuỷ sản tươi, đông lạnh và chế biến;

- Bánh, mứt, kẹo, các sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột;

- Thực phẩm khác.

47221: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Thịt gia súc, gia cầm và thịt gia cầm tươi, sống, ướp lạnh hoặc đông lạnh;

- Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia súc, gia cầm, tươi, ướp lạnh hoặc ướp đông;

- Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia súc, gia cầm, đã sơ chế hoặc bảo quản (ngâm muối, sấy khô, hun khói...);

- Bột mịn và bột thô từ thịt hoặc phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ.

47222: Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Cá, tươi, ướp lạnh hoặc ướp đông, khô, hoặc đã được sơ chế, chế biến khác;

- Tôm, cua và động vật giáp xác khác, sống, tươi, ướp lạnh, ướp đông, khô hoặc đã được sơ chế, bảo quản hoặc chế biến khác;

- Mực, bạch tuộc và động vật thân mềm, động vật không xương sống khác sống dưới nước, tươi, ướp lạnh, đông, khô hoặc đã được sơ chế, bảo quản, chế biến khác;

- Hàng thủy sản khác.

47223: Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Rau, tươi, ướp lạnh, hoặc đã được bảo quản cách khác;

- Quả, tươi, ướp lạnh hoặc đã được bảo quản cách khác;

- Nước rau ép, nước quả ép.

47224: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Đường;

- Sữa các loại và sản phẩm từ sữa (bơ, phomat...);

- Trứng;

- Bánh, mứt, kẹo;

- Các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột như mỳ/phở/bún/cháo ăn liền, mỳ nui, mỳ spaghetti, bánh đa nem...

47229: Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh như: Cà phê bột, cà phê hoà tan, chè...

4723 - 47230: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn trong các cửa hàng chuyên doanh (đồ uống không nhằm tiêu dùng ngay tại cửa hàng) như:

- Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia;
- Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...;
- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.

Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn.

Loại trừ:

- Bán lẻ rau ép, nước quả ép được phân vào nhóm 47223 (Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh);
- Bán lẻ đồ uống có thành phần cơ bản là sữa được phân vào nhóm 47224 (Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh);
- Bán lẻ cà phê bột, chè được phân vào nhóm 47229 (Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh);
- Pha chế đồ uống nhằm tiêu dùng ngay tại cửa hàng được phân vào ngành 56 (Dịch vụ ăn uống);

4724 - 47240: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Thuốc lá điếu, xì gà;
- Thuốc lào;

473 - 4730 - 47300: Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.

Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.

Loại trừ:

- Bán buôn nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 46613 (Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán lẻ khí dầu mỏ hoá lỏng dùng để đun, nấu hoặc sưởi được phân vào nhóm 47735 (Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh).

474: Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Hoạt động bán lẻ chuyên doanh thiết bị thông tin, liên lạc như máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông, hàng điện tử và điện tử tiêu dùng.

4741: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Máy vi tính;
- Thiết bị ngoại vi máy vi tính;
- Bộ điều khiển trò chơi video;
- Phần mềm được thiết kế để sử dụng cho mọi khách hàng (không phải loại được thiết kế theo yêu cầu riêng của khách hàng), kể cả trò chơi video;
- Thiết bị viễn thông.

Loại trừ: Bán lẻ băng, đĩa trắng được phân vào nhóm 4762 (Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh).

47411: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Máy vi tính;
- Thiết bị ngoại vi máy vi tính: máy in, máy scan...
- Bộ điều khiển trò chơi video;
- Phần mềm được thiết kế để sử dụng cho mọi khách hàng (không phải loại được thiết kế theo yêu cầu riêng của khách hàng), kể cả trò chơi video.

Loại trừ: Bán lẻ băng, đĩa trắng được phân vào nhóm 47620 (Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh).

47412: Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng thiết bị viễn thông như:

- Điện thoại cố định, điện thoại di động, máy fax, thiết bị viễn thông khác: sim, card điện thoại, nạp tiền điện thoại...

4742 - 47420: Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Radiô, cassette, tivi;
- Loa, thiết bị âm thanh nổi;
- Máy nghe nhạc;
- Đầu video, đầu đĩa CD, DVD.

475: Bán lẻ thiết bị gia đình khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh đồ dùng gia đình như:

- Vải, hàng dệt, đồ ngũ kim, thảm, thiết bị điện, giường, tủ bàn ghế và đồ nội thất tương tự...

4751: Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Vải;
- Len, sợi;
- Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu;
- Hàng dệt khác;
- Đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...

Loại trừ: Bán lẻ hàng may mặc được phân vào nhóm 47711 (Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh).

47511: Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ vải dệt các loại trong các cửa hàng chuyên doanh.

47519: Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Len, sợi;
- Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu;
- Hàng dệt khác;
- Đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...

Loại trừ: Bán lẻ hàng dệt may sẵn được phân vào nhóm 47711 (Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh).

4752: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Đồ ngũ kim;
- Sơn, véc ni và sơn bóng;
- Kính phẳng;
- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh;
- Thiết bị và vật liệu để tự làm.

Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Máy cắt cỏ;
- Phòng tắm hơi.

47521: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đồ ngũ kim: Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...;
- Bán lẻ dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.

47522: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép;
- Bán lẻ bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm, bột màu...

47523: Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, vách ngăn, cửa sổ, cửa ra vào...

47524: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói lợp mái;
- Bán lẻ đá, cát, sỏi;
- Bán lẻ sắt, thép xây dựng;
- Bán lẻ vật liệu xây dựng khác.

Loại trừ: Bán lẻ đá ốp lát được phân vào nhóm 47525 (Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh).

47525: Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ gạch lát sàn, gạch ốp tường;
- Bán lẻ bình đun nước nóng;
- Bán lẻ thiết bị vệ sinh: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác.

47529: Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;
- Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...

4753 - 47530: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ thảm treo, thảm trải sàn, chăn, đệm;
- Bán lẻ màn và rèm;
- Bán lẻ vật liệu phủ tường, phủ sàn.

Loại trừ: Bán lẻ các tấm xốp lát sàn được phân vào nhóm 47525 (Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh).

4759: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán lẻ đèn và bộ đèn;
- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thuỷ tinh;
- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;
- Bán lẻ thiết bị gia dụng;
- Bán lẻ nhạc cụ;
- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, két sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;
- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ: Bán lẻ đồ cổ được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

47591: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đồ điện gia dụng: nồi cơm điện, ấm đun điện, phích điện, quạt, tủ lạnh, máy giặt...;
- Bán lẻ đèn và bộ đèn điện.

47592: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế bằng mọi loại vật liệu;
- Bán lẻ đồ dùng nội thất tương tự: Kệ, giá sách...

47593: Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ;
- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng thủy tinh.

Loại trừ: Bán lẻ hàng gốm, sứ, thủy tinh là đồ cổ được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

47594: Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ nhạc cụ: Đàn, kèn, trống...

47599: Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác bằng gỗ, song mây, tre, cói đan;
- Bán lẻ dao, keo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp;
- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;
- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.

476: Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ hàng văn hoá, giải trí trong các cửa hàng chuyên doanh như sách, báo, tạp chí, đĩa nhạc và video, thiết bị dụng cụ thể dục, thể thao, trò chơi và đồ chơi.

4761 - 47610: Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ sách, truyện các loại;
- Bán lẻ báo, tạp chí, bưu thiếp, ấn phẩm khác;
- Bán lẻ văn phòng phẩm: Bút mực, bút bi, bút chì, giấy, cặp hồ sơ...

Loại trừ: Bán lẻ sách cũ hoặc sách cổ được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

4762 - 47620: Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đĩa nhạc, băng âm thanh, đĩa compac, băng cát-sét đã hoặc chưa ghi âm, ghi hình;

- Bán lẻ băng video và DVDs đã hoặc chưa ghi âm, ghi hình.

4763 - 47630: Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng, dụng cụ thể dục, thể thao, cần câu và thiết bị câu cá, đồ dùng cắm trại, thuyền và xe đạp thể thao.

4764 - 47640: Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi được làm từ mọi chất liệu.

Loại trừ:

- Bán lẻ bàn điều khiển trò chơi video được phân vào nhóm 47411 (Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Bán lẻ phần mềm được thiết kế để sử dụng cho mọi khách hàng (không phải loại được thiết kế theo yêu cầu riêng), kể cả trò chơi được phân vào nhóm 47411 (Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh).

477: Bán lẻ hàng hoá khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ trong cửa hàng chuyên doanh loại hàng hoá nào đó chưa được nêu ở nhóm nào khác như: Quần áo, giày, dép và đồ da, thuốc và dụng cụ y tế, đồng hồ, đồ lưu niệm, vật phẩm vệ sinh, vũ khí, hoa và vật nuôi, các sản phẩm khác.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động bán lẻ hàng hoá đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh.

4771: Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ hàng may mặc;

- Bán lẻ hàng lông thú;
- Bán lẻ phụ kiện hàng may mặc khác như găng tay, khăn, bít tất, cà vạt, dây đeo quần...;
- Bán lẻ giày, dép;
- Bán lẻ đồ da và giả da;
- Bán lẻ hàng du lịch bằng da và giả da.

Loại trừ: Bán lẻ vải và hàng dệt được phân vào nhóm 4751 (Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh).

47711: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ hàng may mặc;
- Bán lẻ hàng lông thú;
- Bán lẻ phụ kiện may mặc khác như găng tay, khăn, bít tất, cà vạt, dây đeo quần...

47712: Bán lẻ giày, dép trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ giày, kể cả giày thể thao, guốc, dép bằng mọi loại chất liệu.

47713: Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ cặp học sinh, cặp đựng tài liệu, túi xách các loại, ví... bằng da, giả da hoặc chất liệu khác;
- Bán lẻ ba lô, vali, hàng du lịch bằng da, giả da và chất liệu khác;
- Bán lẻ hàng da và giả da khác.

4772: Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ thuốc chữa bệnh;
- Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

47721: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ thuốc tân dược (kể cả thuốc thú y),
- Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình.

47722: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ nước hoa, nước thơm;
- Bán lẻ mỹ phẩm: Son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;
- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...

47723: Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán các loại thuốc đông y, thuốc nam.

4773: Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác;
- Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính;
- Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức;
- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;
- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;
- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;
- Bán lẻ dầu hoả, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình;
- Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...;
- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;
- Bán lẻ tem và tiền kim khí;
- Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào.

47731: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh;

- Bán lẻ hoa, cảnh lá trang trí nhân tạo;
- Bán lẻ cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh, thức ăn và đồ dùng cho vật nuôi cảnh

- Bán lẻ phân bón, hạt, đất trồng cây cảnh.

47732: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý;
- Bán lẻ đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý và đá bán quý.

47733: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hàng lưu niệm bằng sơn mài, trạm khắc: Tranh sơn mài, tranh khảm trai, hàng lưu niệm khác bằng sơn mài, khảm trai;
- Bán lẻ hàng đan lát bằng tre, song mây, vật liệu tết, bện khác;
- Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ khác: Hàng lưu niệm bằng gỗ, sừng, đồi mồi, san hô...

47734: Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ tranh vẽ (trừ tranh sơn mài, trạm khắc), tranh in, ảnh, tượng, các tác phẩm nghệ thuật khác được sản xuất hàng loạt mang tính chất thương mại.

Loại trừ: Đồ cổ được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

47735: Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ dầu hỏa;
- Bán lẻ bình gas;
- Bán lẻ than, củi.

47736: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồng hồ treo tường, đồng hồ để bàn, đồng hồ đeo tay và đồng hồ cá nhân khác;

- Bán lẻ kính mắt: Kính cận, kính viễn, kính râm, kính chống bụi... kể cả hoạt động đo thị lực, mài, lắp kính phục vụ cho bán lẻ kính mắt.

47737: Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ máy ảnh;
- Bán lẻ hàng hóa sử dụng cho máy ảnh như phim chụp ảnh, pin máy ảnh, thẻ nhớ...;
- Bán lẻ vật liệu ảnh khác như giấy ảnh, hoá chất và vật liệu in, tráng ảnh...

47738: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện;
- Bán lẻ phụ tùng xe đạp, kể cả phụ tùng xe đạp điện.

47739: Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;
- Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...;
- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;
- Bán lẻ tem và tiền kim khí;
- Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào.

4774: Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh

47741: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ quần áo (kể cả quần áo thể thao) đã qua sử dụng;
- Bán lẻ đồ phụ trợ hàng may mặc: Khăn quàng, găng tay,... đã qua sử dụng.

47749: Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ sách báo, truyện, tạp chí cũ, kể cả cho thuê;
- Bán lẻ hàng đã qua sử dụng khác;
- Bán lẻ đồ cổ;
- Hoạt động của đấu giá viên.

Loại trừ:

- Bán lẻ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng được phân vào nhóm 45120 (Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)) và nhóm 45412 (Bán lẻ mô tô, xe máy);

- Hoạt động đấu giá qua internet và đấu giá khác không ở cửa hàng (bán lẻ) được phân vào nhóm 47910 (Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet) và nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động của cửa hàng cầm đồ được phân vào nhóm 64920 (Hoạt động cấp tín dụng khác).

478: Bán lẻ lưu động hoặc bán tại chợ

Nhóm này gồm: Bán lẻ các hàng hóa loại mới và hàng đã qua sử dụng của các quầy hàng, kiốt, sạp hàng, gian hàng tại chợ cố định hoặc quầy hàng có thể di chuyển được, bán lưu động trên đường.

4781: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm: Bán lẻ gạo, ngô, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào, bán tại chợ hoặc lưu động.

Loại trừ:

- Bán lẻ thực phẩm, đồ uống đã chế biến sẵn để tiêu dùng ngay (bán rong, bán dạo đồ ăn, uống) được phân vào nhóm 56109 (Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác).

47811: Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm: Bán lẻ gạo, ngô tại chợ hoặc lưu động.

47812: Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp khác tại chợ hoặc lưu động;
- Bán lẻ đường sữa, bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ.

47813: Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn tại chợ hoặc lưu động.

Loại trừ:

- Bán lẻ đồ uống đã chế biến sẵn để tiêu dùng ngay tại quầy hoặc mua mang đi như nước quả tươi, nước sinh tố, nước mía, chè, cà phê pha sẵn... được phân vào nhóm 56302 (Quán cà phê, giải khát).

47814: *Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ*

Nhóm này gồm: Bán lẻ thuốc lá điếu, xì gà, sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào khác.

47815: *Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ*

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ thịt gia súc tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ.

- Bán lẻ thịt gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ.

47816: *Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ*

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ thủy sản tươi sống lưu động hoặc tại chợ.

- Bán lẻ thủy sản đông lạnh lưu động hoặc tại chợ.

47817: *Bán lẻ rau, quả lưu động hoặc tại chợ*

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ rau các loại lưu động hoặc tại chợ.

- Bán lẻ quả các loại lưu động hoặc tại chợ.

47818: *Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ*

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ các loại thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ.

47819: *Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu*

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ các loại thực phẩm khác chưa được phân vào nhóm nào lưu động hoặc tại chợ.

4782: *Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày, dép lưu động hoặc tại chợ*

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ vải và hàng dệt khác;

- Bán lẻ hàng may mặc;

- Bán lẻ giày.

47821: *Bán lẻ hàng dệt lưu động hoặc tại chợ*

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ vải may mặc;

- Bán lẻ hàng dệt khác: Len, sợi, kim, chỉ...

47822: *Bán lẻ hàng may mặc lưu động hoặc tại chợ*

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ quần áo may mặc;

- Bán lẻ hàng lông thú;

- Bán lẻ đồ phụ kiện hàng may mặc: găng tay, bít tất, khăn quàng, cravat...

47823: Bán lẻ giày, dép lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm: Bán lẻ giày, kể cả giày thể thao, guốc, dép bằng mọi loại chất liệu.

4783-47830: Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động bán lẻ thiết bị thông tin, liên lạc như máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông, hàng điện tử và điện tử tiêu dùng lưu động hoặc tại chợ.

4784: Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ

47841: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

Bán lẻ các mặt hàng:

- Đồ ngũ kim: khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sô và cửa ra vào...;

- Sơn, véc ni và sơn bóng.

- Kính phẳng.

- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh.

- Thiết bị và vật liệu để tự làm.

Nhóm này cũng gồm:

Bán lẻ các mặt hàng:

- Máy cắt cỏ

- Phòng tắm hơi.

47842: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

Bán lẻ các mặt hàng:

- Bán lẻ thảm treo, thảm trải sàn, chăn, đệm.

- Bán lẻ màn và rèm.

- Bán lẻ vật liệu phủ tường, phủ sàn.

Loại trừ:

- Bán lẻ các tấm xốp lát sàn được phân vào nhóm 47841 (Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh lưu động hoặc tại chợ).

47843: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.
- Bán lẻ đèn và bộ đèn.
- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh.
- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện.
- Bán lẻ thiết bị gia dụng.
- Bán lẻ nhạc cụ.
- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, két sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng.
- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Bán lẻ đồ cổ được phân vào nhóm 47898 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ).

4785-47850: Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hàng văn hoá, giải trí lưu động hoặc tại chợ như sách, báo, tạp chí, đĩa nhạc và video, thiết bị dụng cụ thể dục thể thao, trò chơi và đồ chơi.

4789: Bán lẻ hàng hoá khác lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn;
- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;
- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi;
- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng;
- Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh;
- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức;

- Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng;
- Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu.

47891: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ nước hoa, nước thơm;
- Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;
- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...

47892: Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ;
- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng thủy tinh.

Loại trừ: Bán lẻ hàng gốm, sứ, thủy tinh là đồ cổ được phân vào nhóm 47898 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ).

47893: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh;
- Bán lẻ hoa giả, cành lá giả để trang trí;
- Bán lẻ phân bón.

47894: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý
- Bán lẻ đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý và đá bán quý.

47895: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hàng lưu niệm bằng sơn mài, chạm khắc: tranh sơn mài, tranh khảm trai, hàng lưu niệm khác bằng sơn mài, khảm trai.
- Bán lẻ hàng đan lát bằng tre, song mây, vật liệu tết bện khác.
- Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ khác: hàng lưu niệm bằng gỗ, sừng, đồi mồi, san hô...

47896: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồng hồ treo tường, đồng hồ để bàn, đồng hồ đeo tay và đồng hồ cá nhân khác.

- Bán lẻ kính mắt: kính cận, kính viễn, kính râm, kính chống bụi...kể cả hoạt động đo thị lực, mài, lắp kính phục vụ cho bán lẻ kính mắt.

47897: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện.

- Bán lẻ phụ tùng xe đạp.

47898: Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ quần áo (kể cả quần áo thể thao) đã qua sử dụng.

- Bán lẻ đồ phụ trợ hàng may mặc: khăn quàng, găng tay,...đã qua sử dụng

- Bán lẻ sách báo, truyện, tạp chí cũ, kể cả cho thuê.

- Bán lẻ hàng đã qua sử dụng khác

- Bán lẻ đồ cổ

- Hoạt động của đấu giá viên.

Loại trừ:

- Bán lẻ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng được phân vào nhóm 45120 (Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và nhóm 45412 (Bán lẻ mô tô, xe máy).

- Hoạt động đấu giá qua internet và đấu giá khác không ở cửa hàng (bán lẻ) được phân vào nhóm 47910 (Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet), và nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

- Hoạt động của cửa hàng cầm đồ được phân vào nhóm 64920 (Hoạt động cấp tín dụng khác).

47899: Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;

- Bán lẻ đồ thờ cúng, vàng mã và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;

- Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...;

- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;

- Bán lẻ tem và tiền kim khí;

- Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào đâu.

479: Bán lẻ hình thức khác (trừ bán lẻ tại cửa hàng, lưu động hoặc tại chợ)

Nhóm này gồm: Bán lẻ hàng hóa thông qua các phương thức như đặt hàng qua đường bưu điện, internet, chuyên hàng đến địa chỉ theo yêu cầu của người mua, bán lẻ qua máy bán hàng tự động...

4791 - 47910: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet

Với hoạt động bán lẻ trong nhóm này, người mua lựa chọn hàng hóa dựa trên quảng cáo, catalo, thông tin trên website, hàng mẫu hoặc các phương tiện quảng cáo khác. Khách hàng đặt hàng bằng thư, điện thoại, hoặc qua internet (thường thông qua những phương thức chuyên dụng được cung cấp bởi website). Những sản phẩm được mua này có thể tải trực tiếp từ internet hoặc giao tới khách hàng.

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;
- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.

Nhóm này cũng gồm:

- Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại;
- Đấu giá bán lẻ qua internet.

4799 - 47990: Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyên phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...;

- Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng;

- Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ);

- Bán lẻ của các đại lý hương hoa hồng (ngoài cửa hàng).

H: VẬN TẢI KHO BÃI

Hoạt động vận tải hành khách hoặc hàng hóa, theo tuyến cố định hoặc không, bằng các phương thức vận tải đường sắt, đường ống, đường bộ, đường thủy hoặc hàng không và các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động vận tải như bến bãi ô tô, cảng biển, cảng sông, cảng hàng không, nhà ga đường sắt, bốc xếp và lưu giữ hàng hóa, kho bãi...

Ngành này cũng gồm:

Hoạt động cho thuê phương tiện vận tải có kèm theo người điều khiển hoặc vận hành, dịch vụ bưu chính và chuyên phát.

Loại trừ:

- Sửa chữa hoặc thay thế lớn thiết bị vận tải, trừ ô tô, mô tô xe máy và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));

- Xây dựng, bảo dưỡng và sửa chữa đường bộ, đường sắt, cảng biển, cảng sông và cảng hàng không được phân vào các nhóm 42110 (Xây dựng công trình đường sắt), 42120 (Xây dựng công trình đường bộ) và 42990 (Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác);

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 4520 (Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác) và nhóm 4542 (Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy);

- Cho thuê phương tiện vận tải không kèm người điều khiển hoặc vận hành được phân vào các nhóm 7710 (Cho thuê xe có động cơ), 7730 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển).

49: VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG BỘ VÀ VẬN TẢI ĐƯỜNG ỒNG

Ngành này gồm: Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ, đường sắt và vận tải hàng hóa bằng đường ống.

491: Vận tải đường sắt

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách và/hoặc hàng hóa bằng tàu hỏa chạy trên mạng lưới đường sắt được trải rộng trên một vùng, một khu vực địa lý hoặc vận hành ở khoảng cách ngắn tại mạng đường sắt nội bộ.

Loại trừ:

- Các hoạt động liên quan như bẻ ghi được phân vào nhóm 52210 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt);

- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường sắt, được phân vào nhóm 52210 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt).

4911 - 49110: Vận tải hành khách đường sắt

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng đường sắt liên tỉnh;

- Cung cấp dịch vụ lưu trú của toa ngủ và dịch vụ ăn uống cho hành khách trên tàu như một hoạt động không tách rời của công ty vận tải đường sắt.

Loại trừ:

- Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt nội thành và ngoại thành được phân vào nhóm 49311 (Vận tải hành khách bằng đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao);

- Hoạt động của các nhà ga hành khách đường sắt được phân vào nhóm 52210 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt);

- Cung cấp dịch vụ lưu trú của toa ngủ và dịch vụ ăn uống cho hành khách trên tàu được thực hiện bởi một đơn vị khác được phân vào nhóm 55909 (Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu) và nhóm 56290 (Dịch vụ ăn uống khác).

4912 - 49120: Vận tải hàng hóa đường sắt

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành.

Loại trừ:

- Lưu giữ hàng hóa và kho bãi được phân vào nhóm 521 (Kho bãi và lưu giữ hàng hoá);

- Hoạt động của các nhà ga hàng hóa đường sắt được phân vào nhóm 52210 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt);

- Bốc xếp hàng hóa được phân vào nhóm 52241 (Bốc xếp hàng hoá ga đường sắt).

492: Vận tải hành khách bằng xe buýt

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt các tuyến nội thành và ngoại thành hoặc với các tỉnh lân cận;

- Hoạt động của xe đưa đón học sinh theo hợp đồng với các trường học và xe chở nhân viên, người lao động theo hợp đồng với nơi làm việc của họ.

4921-49210 : Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong thành phố theo lịch trình, giờ cố định, các bến đỗ cố định để đón, trả khách.

4922-49220 : Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt các điểm giữa nội thành và ngoại thành, với các tỉnh, thành phố khác theo lịch trình, giờ cố định, các bến đỗ cố định để đón, trả khách.

4929-49290 : Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt để đưa đón công nhân, học sinh theo lịch trình, giờ cố định, các điểm đỗ cố định để đón, trả khách.

493: Vận tải đường bộ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ (trừ phương thức vận tải bằng xe buýt và đường sắt).

4931: Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội, ngoại thành, được thực hiện bằng nhiều phương thức (trừ xe buýt) như: tàu điện ngầm, tàu điện chạy bằng tuyến đường ray trên mặt đất hoặc tuyến ray trên cao, ô tô điện... Đặc thù của các phương thức vận tải này là chạy trên các tuyến đường theo lịch trình, giờ giấc cố định, các bến đỗ cố định để đón, trả khách.

Nhóm này cũng gồm:

- Các tuyến đường chạy từ thành phố tới sân bay hoặc từ thành phố tới nhà ga tàu hỏa;
- Hoạt động của đường sắt leo núi, đường cáp trên không... nếu một phần của hệ thống này đi qua nội, ngoại thành.

Loại trừ:

- Vận tải hành khách bằng đường sắt liên tỉnh được phân vào nhóm 49110 (Vận tải hành khách đường sắt);

49311: Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách bằng tàu điện chạy trên tuyến đường ray được xây dựng ngầm dưới mặt đất, trên mặt đất hoặc trên cao để đưa đón khách trong nội thành hoặc ngoại thành.

49312: Vận tải hành khách bằng taxi

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng taxi, kể cả hoạt động của taxi sân bay.
- Hoạt động của taxi công nghệ.

49313: Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe có gắn động cơ khác.

Loại trừ: Cho thuê xe mô tô, xe máy có gắn động cơ không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49319: Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe đạp;
- Vận tải hành khách bằng xe xích lô;
- Vận tải hành khách bằng xe thô sơ như xe ngựa kéo, xe bò kéo...

Loại trừ: Cho thuê xe đạp, xích lô và xe thô sơ khác không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

4932: Vận tải hành khách đường bộ khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;
- Hoạt động của cáp treo, đường sắt trong phạm vi sân bay, đường sắt leo núi.
- Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách.

Loại trừ:

- Cho thuê xe không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);
- Vận chuyển của xe cứu thương được phân vào nhóm 86990 (Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu).

49321: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh: giữa nội thành với các huyện ngoại thành trong cùng thành phố hoặc giữa các huyện của một tỉnh;
- Vận tải hành khách bằng xe khách liên tỉnh;
- Cho thuê xe chở khách có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.

Loại trừ: Cho thuê xe chở khách không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49329: Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Hoạt động của đường sắt trong phạm vi sân bay, đường sắt leo núi, đường cáp trên không.

4933: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác;
- Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: Xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh;
- Vận tải hàng nặng, vận tải container;
- Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động chuyên chở đặc;
- Cho thuê xe tải có người lái;
- Vận tải hàng hoá bằng xe động vật hoặc người kéo.

Loại trừ:

- Chở gỗ trong rừng như một phần của hoạt động đốn gỗ được phân vào nhóm 02400 (Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp);
- Cung cấp nước bằng xe tải được phân vào nhóm 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước);
- Hoạt động của bến bãi để bốc dỡ hàng được phân vào nhóm 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển được phân vào nhóm 52299 (Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu);
- Bưu chính và chuyển phát được phân vào nhóm 53100 (Bưu chính) và nhóm 53200 (Chuyển phát);
- Vận chuyển rác thải như là một công đoạn của hoạt động thu gom rác thải được phân vào nhóm 38110 (Thu gom rác thải không độc hại), nhóm 38121 (Thu gom rác thải y tế) và nhóm 38129 (Thu gom rác thải độc hại khác).

49331: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô bồn chở chất lỏng;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô trang bị hệ thống làm lạnh để bảo quản hàng hóa tươi sống;
- Cho thuê ô tô chuyên dụng có kèm người lái để vận tải hàng hóa.

Loại trừ:

- Cung cấp nước bằng xe tải được phân vào nhóm 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước);

- Vận chuyển rác thải như là một công đoạn của hoạt động thu gom rác thải được phân vào nhóm 38110 (Thu gom rác thải không độc hại), nhóm 38121 (Thu gom rác thải y tế) và nhóm 38129 (Thu gom rác thải độc hại khác);

- Cho thuê ô tô chuyên dụng không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49332: Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác;

- Vận tải hàng nặng, vận tải container;

- Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động vận chuyển đồ đạc gia đình thiết bị văn phòng....;

- Cho thuê ô tô (trừ ô tô chuyên dụng) có kèm người lái để vận chuyển hàng hoá.

Loại trừ:

- Chở gỗ trong rừng như một phần của hoạt động đốn gỗ được phân vào nhóm 02400 (Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp);

- Hoạt động của bến bãi để bốc dỡ hàng được phân vào nhóm 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);

- Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển được phân vào nhóm 52299 (Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu);

- Bưu chính và chuyển phát được phân vào nhóm 53100 (Bưu chính) và nhóm 53200 (Chuyển phát);

- Cho thuê ô tô tải không kèm người lái được phân vào nhóm 77109 (Cho thuê xe có động cơ khác).

49333: Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ.

Loại trừ:

- Cho thuê xe lam, xe lôi, xe máy không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49334: Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa bằng xe cải tiến, xe bò/ngựa kéo hoặc xe súc vật kéo khác.

Loại trừ:

- Cho thuê xe lam, xe lôi, xe máy không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49339: Vận tải hàng hoá bằng phương tiện đường bộ khác

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác chưa được phân loại vào đâu.

494 - 4940 - 49400: Vận tải đường ống

Nhóm này gồm: Vận tải khí, khí hóa lỏng, xăng dầu, nước, chất lỏng khác, bùn than và những hàng hoá khác qua đường ống.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động của trạm bơm.

Loại trừ:

- Phân phối khí tự nhiên hoặc khí đã xử lý, nước hoặc hơi nước được phân vào nhóm 35202 (Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống), nhóm 3530 (Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá), 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước);

- Vận tải nước, chất lỏng... bằng xe bồn được phân vào nhóm 49331 (Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng).

50: VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY

Ngành này gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá bằng đường thủy, theo lịch trình hoặc không. Hoạt động của tàu thuyền kéo hoặc đẩy, tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan, phà, tàu xuồng taxi cũng được phân loại trong ngành này. Mặc dù vị trí địa lý được coi là yếu tố phân biệt giữa vận tải biển và vận tải đường thủy nội địa, nhưng trong thực tế, loại tàu thuyền được sử dụng lại là yếu tố quyết định. Vận tải bằng tàu thuyền đi biển được phân vào nhóm 501 (Vận tải ven biển và viễn dương) vận tải sử dụng thuyền khác được phân vào nhóm 502 (Vận tải đường thủy nội địa).

Loại trừ: Hoạt động của nhà hàng và quán bar trên bong tàu được phân vào nhóm 56101 (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)) và nhóm 56301 (Quán rượu, bia, quầy bar) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện.

501: Vận tải ven biển và viễn dương

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá trên những loại tàu thuyền được thiết kế để hoạt động ven biển hoặc viễn dương.

Nhóm này cũng gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá ở những hồ lớn... khi sử dụng những loại tàu thuyền tương tự như tàu thuyền đi biển.

5011: Vận tải hành khách ven biển và viễn dương

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình;

- Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan;

- Hoạt động của phà, tàu, xuồng taxi.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu, thuyền có kèm thuỷ thủ đoàn cho vận tải ven biển và viễn dương (ví dụ đối với tàu đánh cá).

Loại trừ:

- Hoạt động của nhà hàng, quán bar trên boong tàu được phân vào nhóm 56101 (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh))) và nhóm 56301 (Quán rượu, bia, quầy bar) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện;

- Hoạt động của các “casino nổi” được phân vào nhóm 92002 (Hoạt động cá cược và đánh bạc) nếu hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện

50111: Vận tải hành khách ven biển

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách ven biển, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình;

- Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan;

- Hoạt động của phà, tàu, xuồng taxi.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có kèm thuỷ thủ đoàn cho vận tải ven biển (ví dụ đối với tàu thuyền đánh cá).

Loại trừ:

- Hoạt động của nhà hàng, quán bar trên boong tàu được phân vào nhóm 56101 (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh))) và nhóm 56301 (Quán rượu, bia, quầy bar) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện;

- Hoạt động của các “casino nổi” được phân vào nhóm 92002 (Hoạt động cá cược và đánh bạc) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện.

50112: Vận tải hành khách viễn dương

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình;

- Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan .

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có kèm thuỷ thủ đoàn cho vận tải viễn dương (ví dụ đối với tàu đánh cá).

Loại trừ: Hoạt động của nhà hàng, quán bar trên boong tàu được phân vào nhóm 56101 (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh))) và nhóm 56301 (Quán rượu, bia, quầy bar) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện.

5012: Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hoá ven biển hoặc viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình;

- Vận tải bằng tàu kéo, tàu đẩy, dàn khoan dầu...

Loại trừ:

- Lưu kho hàng hoá được phân vào nhóm 521 (Kho bãi và lưu giữ hàng hoá);

- Hoạt động điều hành, dịch vụ tại cảng biển và các hoạt động hỗ trợ vận tải biển khác như lai dắt, hoa tiêu, chở hàng bằng sà lan, cứu hộ tàu được phân vào nhóm 52221 (Hoạt động điều hành cảng biển);

- Bốc xếp hàng hoá được phân vào nhóm 52243 (Bốc xếp hàng hoá cảng biển).

50121: Vận tải hàng hoá ven biển

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hoá ven biển, theo lịch trình hoặc không;

- Vận tải bằng tàu kéo, tàu đẩy, dàn khoan dầu...

Loại trừ:

- Lưu kho hàng hoá được phân vào nhóm 521 (Kho bãi và lưu giữ hàng hoá);

- Hoạt động điều hành, dịch vụ tại cảng biển và các hoạt động hỗ trợ vận tải biển khác như lai dắt, hoa tiêu, chở hàng bằng sà lan, cứu hộ tàu được phân vào nhóm 52221 (Hoạt động điều hành cảng biển);

- Bốc xếp hàng hoá được phân vào nhóm 52243 (Bốc xếp hàng hoá cảng biển).

50122: Vận tải hàng hoá viễn dương

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hoá viễn dương, theo lịch trình hoặc không;
- Vận tải bằng tàu kéo, tàu đẩy, dàn khoan dầu...

Loại trừ:

- Lưu kho hàng hoá được phân vào nhóm 521 (Kho bãi và lưu giữ hàng hoá);

- Hoạt động điều hành, dịch vụ tại cảng biển và các hoạt động hỗ trợ vận tải biển khác như lai dắt, hoa tiêu, chở hàng bằng sà lan, cứu hộ tàu được phân vào nhóm 52221 (Hoạt động điều hành cảng biển);

- Bốc xếp hàng hoá được phân vào nhóm 52243 (Bốc xếp hàng hoá cảng biển).

502: Vận tải đường thủy nội địa

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch, bằng tàu loại không phù hợp để đi biển hoặc bằng phương tiện cơ giới khác (phà, thuyền, ghe, xuồng có gắn động cơ) và phương tiện thô sơ (thuyền, ghe, xuồng không gắn động cơ).

5021: Vận tải hành khách đường thủy nội địa

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách đường sông, hồ, kênh, rạch bằng phương tiện cơ giới và thô sơ.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu thuyền có thủy thủ đoàn, cho thuê ghe, xuồng có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch.

50211: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách đường sông, hồ, kênh, rạch bằng tàu và phương tiện cơ giới khác (phà, thuyền, ghe, xuồng có gắn động cơ).

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có thủy thủ đoàn, cho thuê thuyền, ghe, xuồng máy có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kênh, rạch.

50212: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách đường sông, hồ, kênh, rạch, bằng phương tiện thô sơ: Thuyền, ghe, xuồng không gắn động cơ.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê thuyền, ghe, xuồng có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch.

5022: Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hoá đường sông, hồ, kênh, rạch bằng phương tiện cơ giới và thô sơ.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có thủy thủ đoàn, cho thuê ghe, xuồng có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch.

50221: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch bằng tàu và phương tiện cơ giới khác (thuyền, ghe, xuồng có gắn động cơ).

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có thủy thủ đoàn, cho thuê thuyền, ghe, xuồng máy có người lái để vận tải hàng hóa trên sông, hồ, kênh, rạch.

50222: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch, bằng phương tiện thô sơ: thuyền, ghe, xuồng không gắn động cơ.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê thuyền, ghe, xuồng có người lái để vận tải hàng hóa trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch.

51: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

Ngành này gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá bằng máy bay.

Loại trừ:

- Phun thuốc hoặc hóa chất cho cây trồng bằng máy bay được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt);

- Đại tu máy bay hoặc động cơ máy bay được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));

- Hoạt động của sân bay được phân vào nhóm 52231 (Dịch vụ điều hành bay) và nhóm 52239 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không);

- Quảng cáo trên không (chữ hoặc hình quảng cáo trên nền trời được tạo ra từ những vật khối của máy bay) được phân vào nhóm 73100 (Quảng cáo);

- Chụp ảnh trên không được phân vào nhóm 74200 (Hoạt động nhiếp ảnh).

511 - 5110: Vận tải hành khách hàng không

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng đường không các chuyến bay thường lệ và không thường lệ;

- Vận tải hành khách các chuyến bay chở thuê;

- Vận tải hành khách các chuyến bay ngắm cảnh, thăm quan.

Nhóm này cũng gồm:

- Cho thuê máy bay có người lái để vận tải hành khách;

- Hoạt động hàng không như: Vận tải hành khách của các câu lạc bộ hàng không cho mục đích giáo dục hoặc vui chơi.

51101: Vận tải hành khách hàng không theo tuyến và lịch trình cố định

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng đường không các chuyến bay theo lịch trình và tuyến thường xuyên, cố định

51109: Vận tải hành khách hàng không loại khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách các chuyến bay chở thuê với các địa điểm theo yêu cầu của khách hàng, các chuyến bay ngắm cảnh, thăm quan.

Nhóm này cũng gồm:

- Cho thuê máy bay có người lái để vận tải hành khách.

- Hoạt động hàng không như: Vận tải hành khách của các câu lạc bộ hàng không cho mục đích giáo dục hoặc vui chơi.

512 - 5120: Vận tải hàng hoá hàng không

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hoá bằng đường không các chuyến bay thường lệ hoặc không thường lệ;

- Vận tải hàng hoá bằng đường không các chuyến bay không theo lịch trình;

- Phóng vệ tinh và tàu vũ trụ.

Nhóm này cũng gồm: Thuê máy bay có người lái để vận tải hàng hoá.

51201: Vận tải hàng hóa hàng không theo tuyến và lịch trình cố định

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường không các chuyến bay theo lịch trình và tuyến thường xuyên, cố định.

51209: Vận tải hàng hóa hàng không loại khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa tới các địa điểm theo yêu cầu của khách hàng

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê máy bay có người lái để vận tải hàng hóa.

52: KHO BÃI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CHO VẬN TẢI

Ngành này gồm: Hoạt động kho bãi và hoạt động hỗ trợ cho vận tải, như hoạt động điều hành tại các bến bãi ô tô, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, hầm đường bộ, cầu, hoạt động của các đại lý vận tải và bốc xếp hàng hoá...

521 - 5210: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá

Nhóm này gồm: Hoạt động lưu giữ, kho bãi đối với các loại hàng hoá trong hầm chứa, bể chứa, kho chứa hàng hoá thông thường, kho đông lạnh...

Nhóm này cũng gồm: Lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan.

Loại trừ:

- Bến, bãi đỗ ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);

- Hoạt động kho bãi thuộc sở hữu của đơn vị hoặc đơn vị thuê và tự điều hành được phân vào nhóm 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);

- Cho thuê bãi trống, đất trống được phân vào nhóm 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê).

52101: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan

Nhóm này gồm: Hoạt động của các kho ngoại quan: Lưu giữ, kho bãi đối với các hàng hóa trong nước đã làm xong thủ tục xuất khẩu thông thường nhưng chưa đưa ra nước ngoài, hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan, chưa làm thủ tục nhập khẩu thông thường với cơ quan hải quan Việt nam.

52102: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)

Nhóm này gồm: Hoạt động lưu giữ hàng hóa tại các kho (trừ kho ngoại quan) có lắp đặt thiết bị đông lạnh để bảo quản hàng hóa, thường là hàng thực phẩm tươi sống (trừ hoạt động của kho ngoại quan)

52109: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho loại khác

Nhóm này gồm: Hoạt động lưu giữ hàng hóa tại các kho bãi thông thường (trừ kho ngoại quan và kho có gắn thiết bị đông lạnh) để lưu giữ, bảo quản hàng hóa thuộc giao dịch bình thường như nguyên liệu sản xuất, hàng hoá tiêu dùng, máy móc, thiết bị...

522: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải

Nhóm này gồm: Hoạt động hỗ trợ vận tải hành khách hoặc hàng hoá như hoạt động của các bến bãi ô tô, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, hầm đường bộ, cầu và các kết cấu hạ tầng giao thông khác hoặc các hoạt động bốc hàng hoá lên phương tiện, dỡ hàng từ phương tiện hoặc bốc từ phương tiện vận tải này để xếp lên phương tiện vận tải khác.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động bảo dưỡng các công trình giao thông hoặc các thiết bị phục vụ hệ thống giao thông.

5221-52210: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt

Loại trừ: Bốc xếp hàng hoá đường sắt được phân vào nhóm 52241 (Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt)